



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018

MỤC LỤC

04

THÔNGIỆP CHỦ TỊCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

04

Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị

08

DẤU ẤN QUAN TRỌNG TRONG NĂM 2018

56

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

58

Kết quả hoạt động 2018

60

Định hướng kinh doanh 2019

62

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

64

Những kết quả đạt được

72

Triển vọng và kế hoạch phát triển trong tương lai

14

TỔNG QUAN VỀ MB

17

Thông tin tổng quát

18

Quá trình hình thành và phát triển

20

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

22

Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý

28

Định hướng phát triển

30

Quản trị rủi ro

34

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

36

Hoạt động kinh doanh 2018

38

Tổ chức và nhân sự MB

50

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

52

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội

74

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

76

Hoạt động của Hội đồng quản trị

80

Hoạt động của Ban kiểm soát

86

Các giao dịch thù lao, lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành

88

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

A black and white photograph of a hand holding a pen, writing on a document. The document features various charts and graphs, including a pie chart and a bar chart. The background is a solid blue color with a diagonal split.

01

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

NGÂN HÀNG TMCP QUÂN ĐỘI (MB) XẾP Ở VỊ TRÍ THỨ 3 TRONG CÁC NGÂN HÀNG VIỆT NAM

LỌT TOP DANH SÁCH 500 NGÂN HÀNG MẠNH NHẤT THUỘC KHU VỰC CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG NĂM 2018 (THEO ĐÁNH GIÁ CỦA THE ASIAN BANKER NĂM 2018).

Năm 2018 chứng kiến sự tăng trưởng vượt bậc của nền kinh tế khi GDP tăng trưởng 7,08% - mức cao nhất kể từ 2008. Tỷ lệ vốn đầu tư toàn xã hội thực hiện/GDP năm 2018 đạt 33,5%, đảm bảo mục tiêu Quốc hội đề ra (33-34%). Lạm phát kiềm chế ở mức tăng 3,54% so với năm 2017. Ngân hàng nhà nước (NHNN) điều chỉnh chính sách tiền tệ linh hoạt. Tổng phương tiện thanh toán tăng 11,34%, huy động vốn toàn ngành tăng 12,5%, tín dụng tăng 14%. Thanh khoản ổn định, nợ xấu toàn hệ thống được kiểm soát ở mức 1,89% (giảm nhẹ so với mức 1,99% của năm 2017).

Sau 1 năm triển khai chính thức Chiến lược phát triển giai đoạn 2017 - 2021 bám sát phương châm “Đổi mới, Hiện đại, Hợp tác, Bền vững” cùng 4 chuyên dịch chiến lược là Ngân hàng số, Nâng cao quan hệ khách hàng, Quản trị rủi ro vượt trội, Quản lý hiệu quả hoạt động của các Công ty thành viên (CTTV), năm 2018, MB đã triển khai quyết liệt các hoạt động kinh doanh, hoàn thành và hoàn thành vượt mức các kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông giao phó. Cụ thể, các chỉ tiêu của MB có sự tăng trưởng mạnh mẽ so với năm đầu triển khai Chiến lược và là mức tăng trưởng cao nhất từ trước đến nay: Lợi nhuận trước thuế hợp nhất MB và các công ty thành viên tăng trưởng 68% so với năm 2017, đạt 7.767 tỷ đồng (trong đó, lợi nhuận trước thuế riêng ngân hàng đạt 7.030 tỷ đồng, tăng trưởng 31,3% so với năm 2017). Trong năm 2018, cổ phiếu MB tiếp tục có tính thanh khoản cao và được các nhà đầu tư ưu tiên nắm giữ. Tổng thu lãi thuần từ hoạt

động dịch vụ tăng 126%, đi đầu trong ngân hàng số với App ngân hàng MB-Bank và các mô hình kinh doanh mới hợp tác với Viettel (Viettel Pay), Vingroup (thẻ MB Vin ID), hợp tác với đối tác Bordier&Cie Singapore để triển khai dịch vụ Khách hàng cá nhân (KHCCN) cao cấp. Bên cạnh đó, MB đã đầu tư toàn diện nhiều dự án để củng cố năng lực bền vững như: tăng năng lực tài chính thông qua việc tăng vốn điều lệ lên 21.604 tỷ đồng; đầu tư hợp tác chiến lược với đối tác IBM trong lĩnh vực Công nghệ thông tin (CNTT); kiện toàn đội ngũ nhân sự MB các cấp, tuyển chọn được các cán bộ quản lý cấp cao có tâm và có tầm cho hệ thống, định hướng đổi mới và nâng cao chất lượng công tác tuyển dụng, đào tạo để nâng cao chất lượng nhân sự; chú trọng cải thiện các cơ chế đãi ngộ giúp tạo động lực mạnh mẽ cho CBNV; đầu tư tăng năng lực quản trị rủi ro, sẵn sàng đáp ứng các điều kiện và năng lực triển khai tuân thủ Basel trước hạn. Theo đó MB đã trình hồ sơ về Ngân hàng Nhà nước đề xuất áp dụng Thông tư 41 trước hạn 1 năm so với quy định và đang nằm trong nhóm được NHNN xem xét cấp chứng nhận tuân thủ Basel trong Quý 2/2019.

Các công ty thành viên đã hoàn thành tái cơ cấu, hoạt động hiệu quả, an toàn, góp phần vào thành công chung của MB: Tổng Lợi nhuận trước thuế các công ty 715 tỷ đồng; hoạt động bán chéo giữa MB và các công ty thành viên tăng trưởng mạnh với doanh số bán chéo tăng gấp 3 lần so với 2017). Đặc biệt trong năm, MB đã tập trung chỉ đạo rà soát và kiện toàn danh mục đầu tư góp vốn mua cổ phần của MB; chỉ đạo sát sao các thủ tục liên quan đến các phương án xử lý đối với các khoản đầu tư thực hiện chuyển tiếp theo Thông tư 36/2014-NHNN, đảm bảo phù hợp quy định của pháp luật, công khai, minh bạch (hoàn thành chuyển nhượng vốn góp của MIC tại MIC Invest, chuyển nhượng vốn góp của MBAMC tại MBLand).

Với kết quả đó, MB tiếp tục tạo dựng được lòng tin với khách hàng, cổ đông, uy tín thương hiệu được cộng đồng ghi nhận và đánh giá cao. Năm

2018, MB vinh dự được nhận nhiều cờ thi đua của Thủ tướng Chính Phủ, Bộ trưởng Bộ Quốc Phòng, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, Bộ Tài chính và UBND TP Hà Nội; **“Top 50 Doanh nghiệp niêm yết tốt nhất Việt Nam”** do Forbes Việt Nam xếp hạng. Đồng thời, MB cũng tham gia tích cực các chương trình từ thiện, an sinh xã hội trên phạm vi toàn quốc, được ghi nhận là một Ngân hàng có trách nhiệm với cộng đồng.

Năm 2019, tình hình kinh tế thế giới dự báo có nhiều diễn biến khó lường như cuộc đối đầu Mỹ và Trung Quốc, sự kiện Bắc Triều Tiên, diễn biến phức tạp của giá hàng hóa như dầu mỏ... Với các quyết tâm của Chính phủ trong việc ổn định kinh tế vĩ mô, kiềm chế lạm phát, ổn định tỷ giá cùng với chương trình tái cơ cấu nền kinh tế, hoàn thiện thể chế, nền kinh tế Việt Nam được dự báo sẽ tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng GDP cao hơn so với các nước trong khu vực và đạt mức > 6,5%, lạm phát được kiềm chế ở mức khoảng 4%. Đối với lĩnh vực ngân hàng, chính sách tiền tệ được dự báo tiếp tục được điều hành linh hoạt, đảm bảo thanh khoản hệ thống, ưu tiên kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, hỗ trợ tăng trưởng. Tuy nhiên, bên cạnh những áp lực cạnh tranh ngày càng tăng từ các đối thủ và việc triển khai áp dụng Basel II tại Việt Nam sẽ là thách thức nhưng cũng tạo điều kiện để các ngân hàng nâng trình độ quản trị lên một tầm cao mới.

Đối với MB, năm 2019 là mốc quan trọng của giai đoạn nhiệm kỳ mới (2019 -2024) và cũng là năm MB kỷ niệm 25 năm ngày thành lập. Những thành công, kinh nghiệm thu được sau quá trình đổi mới toàn diện sẽ tạo động lực mạnh mẽ giúp MB vượt qua được những trở ngại, tận dụng tốt cơ hội phát triển và vững bước trong giai đoạn mới. Với sự chỉ đạo kịp thời, sát sao từ Hội đồng Quản trị, sự giám sát chặt chẽ từ Ban kiểm soát và đặc biệt là sự nhạy bén, linh hoạt, quyết liệt của Ban Điều hành cùng truyền thống văn hóa đoàn kết, gắn bó của người MB, và sự tận tâm nỗ lực cố gắng của toàn thể cán bộ nhân viên

trên toàn hệ thống, MB quyết tâm hoàn thành tốt nhiệm vụ và kế hoạch năm 2019 với tinh thần “Chiến quyết liệt, tạo cách biệt”, tiếp tục theo đuổi tầm nhìn chiến lược “Trở thành Ngân hàng thuận tiện nhất”, bám sát mục tiêu chiến lược **“TOP 5 các NHTM về hiệu quả kinh doanh và an toàn”**. Kế thừa và phát huy các thành tựu đạt được, Ngân hàng tiếp tục đẩy mạnh triển khai 4 chuyên dịch chiến lược; tập trung kiện toàn tổ chức hoạt động, hệ thống quy định, chính sách nội bộ theo hướng tăng cường quản trị và giám sát cấp cao với sự hỗ trợ hiệu quả; đồng thời quan tâm tới công tác bồi dưỡng và đào tạo để phát triển đội ngũ cán bộ các cấp có đức, có tài làm nòng cốt cho MB hiện tại và tương lai; đẩy mạnh hoạt động bán chéo trong tập đoàn và phát triển các sản phẩm dịch vụ ngân hàng tài chính hiện đại mang lại nhiều giá trị gia tăng hơn nữa cho khách hàng và các cổ đông.



Lê Hữu Đức

Chủ tịch hội đồng quản trị

02

DẤU ẤN QUAN TRỌNG TRONG NĂM 2018





02

TRIỂN KHAI MẠNH MẼ CHIẾN LƯỢC GIAI ĐOẠN 2017-2021

Chuyển dịch Ngân hàng số với 2,6 triệu user active (tăng 1 triệu user), Thay đổi nhận diện hình ảnh cho 100% điểm giao dịch; Triển khai quyết liệt các dự án chiến lược: PD, quản trị dữ liệu, sản phẩm, chuyển đổi năng lực Công nghệ thông tin với IBM, ngân hàng cộng đồng, Smart RMs - CRM...

01

HOÀN THÀNH XUẤT SẮC KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2018

Lợi nhuận trước thuế (LNTT) tăng 68% so với năm 2017 và vượt 14% so với kế hoạch. TOP đầu về các chỉ tiêu hiệu quả ROE 19,41%, EPS tăng 2.829 đồng/cổ phiếu.



Ảnh: khách hàng sử dụng APP Ngân hàng MB Bank

SỐ USER ACTIVE (TRIỆU USER)

2.6[↑]
1 TRIỆU USER

(so với năm 2017)

03

TĂNG TRƯỞNG ĐỘT PHÁ THU TỪ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ

↑ 2,3 LẦN

so với năm 2017

THAY ĐỔI CƠ CẤU THU TỪ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ ↑ 5%

2017 8%

2018 13%

04

NÂNG CAO HIỆU QUẢ KINH DOANH CÁC PHÒNG GIAO DỊCH

DOANH THU PGD

↑ 40%

SO VỚI NĂM 2017



Ảnh: Hoạt động tại phòng giao dịch

05

KINH DOANH CÁC CÔNG TY CÓ TĂNG TRƯỞNG ĐỘT PHÁ

Kinh doanh các công ty có tăng trưởng đột phá. Lợi nhuận trước thuế các công ty đạt 715 tỷ (~9,2% lợi nhuận tập đoàn). Gắn kết bán chéo kinh doanh trong tập đoàn.

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ CÁC CÔNG TY
(ĐƠN VỊ TỶ ĐỒNG)

715

(~9,2%
LỢI NHUẬN
TẬP ĐOÀN)



Ảnh: Cán bộ công nhân viên tại hội sở

07

QUY HOẠCH TOP 50, 500, TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH LEADER SHIFT

06

CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ ĐƯỢC NÂNG CAO

Tăng tốc độ xử lý hồ sơ và cấp tín dụng cho khách hàng. So với năm 2017 thời gian cấp tín dụng KHCN giảm 40%; SME giảm 24%; CIB giảm 22%. Điều này đã góp phần gia tăng mức độ hài lòng của khách hàng trong năm 2018, đạt 87%, tăng 7% so với năm 2017.

Đào tạo lấy học viên làm trung tâm với 76% RM hoàn thành khung chức danh, 357 lượt đào tạo xóa GAP.



Ảnh: CBNV MB tổ chức chương trình Về nguồn

09

MB XẾP Ở VỊ TRÍ THỨ 3 TRONG CÁC NGÂN HÀNG VIỆT NAM

lọt tốp danh sách 500 ngân hàng thuộc Khu vực châu Á - Thái Bình Dương năm 2018 được tổ chức uy tín The Asian Banker đánh giá.



08

CÓ ĐÓNG GÓP LỚN CHO NHÀ NƯỚC, CỘNG ĐỒNG

NỢP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

2,200 TỶ ĐỒNG

HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG, AN SINH XÃ HỘI

~150 TỶ ĐỒNG

03

TỔNG QUAN VỀ MB

- 17 Thông tin tổng quát
- 18 Quá trình hình thành và phát triển
- 20 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 22 Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý
- 28 Định hướng phát triển
- 30 Quản trị rủi ro



THÔNG TIN TỔNG QUÁT

Tên đầy đủ bằng tiếng Việt	Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội
Tên viết tắt	Ngân hàng Quân đội (MB)
Tên đầy đủ bằng tiếng Anh	Military Commercial Joint stock Bank
Ngày thành lập	4/11/1994
Vốn điều lệ	21.604.513.810.000 đồng
Mã chứng khoán	MBB

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100283873 do Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 30/09/1994, thay đổi lần thứ 43 ngày 02/11/2018.



TRỤ SỞ CHÍNH

Tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại	024 62661088
Fax	024 62661080
Email	info@mbbank.com.vn
Website	www.mbbank.com.vn

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



Ảnh: Lễ khai trương ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội

2005-2009

Trong giai đoạn 2005-2009, MB áp dụng một loạt các giải pháp đổi mới tổng thể từ mở rộng quy mô hoạt động, phát triển mạng lưới, đầu tư công nghệ, tăng cường nhân sự, hướng mạnh về khách hàng với việc tách bạch chức năng quản lý và chức năng kinh doanh giữa Hội sở và Chi nhánh, tổ chức lại đơn vị kinh doanh theo nhóm khách hàng cá nhân, khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ, nguồn vốn và kinh doanh tiền tệ...

Có thể nói, đây là giai đoạn tạo cơ sở vững chắc để MB đẩy mạnh triển khai các sáng kiến chiến lược sau này, góp phần đưa MB trở thành một trong những định chế tài chính hàng đầu Việt Nam hiện nay. Năm 2009, đánh dấu 15 năm phát triển, MB vinh dự nhận Huân chương Lao động Hạng Ba do Chủ tịch nước trao tặng.

SAU 24 NĂM PHÁT TRIỂN, MB KHẲNG ĐỊNH VỊ THẾ CỦA MỘT TRONG NHỮNG NGÂN HÀNG HÀNG ĐẦU TẠI VIỆT NAM, VỚI CÁC CHỈ SỐ HIỆU QUẢ LUÔN NẪM TRONG NHÓM DẪN ĐẦU THỊ TRƯỜNG.

1994-2004

Ngày 4/11/1994, Ngân hàng TMCP Quân đội được thành lập với số vốn gần 20 tỷ đồng, 25 nhân sự và một điểm giao dịch duy nhất tại 28A Điện Biên Phủ, Hà Nội.

Mười năm đầu (1994-2004) là giai đoạn mang tính “mở lối” định hình phương châm hoạt động, xác định chiến lược kinh doanh và xác định thương hiệu. Kiên định với mục tiêu và tầm nhìn dài hạn, MB đã vững vàng vượt qua cuộc khủng hoảng tài chính Châu Á năm 1997 và là ngân hàng cổ phần duy nhất có lãi. Năm 2004, tròn 10 năm thành lập, tổng vốn huy động của MB tăng gấp trên 500 lần, tổng tài sản trên 7.000 tỷ đồng, lợi nhuận trên 500 tỷ và khai trương trụ sở mới tại số 3 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội.

Ảnh: Lễ ký kết hợp đồng phần mềm quản trị ngân hàng giữa MB và Temenos 2006



Ảnh: MB đón nhận cờ thi đua của Ngân hàng Nhà nước 2010

2017-2018

Đây là hai năm mở đầu quan trọng của giai đoạn chiến lược mới 2017-2021, trong đó MB định hướng tầm nhìn “**Trở thành Ngân hàng thuận tiện nhất**” với mục tiêu đến năm 2021 sẽ nằm trong Top 5 hệ thống Ngân hàng Việt Nam về hiệu quả kinh doanh và an toàn.

Năm 2018, với phương châm “**Đổi mới, hiện đại, hợp tác, bền vững**”, Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) đã hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ, chỉ tiêu kinh doanh đề ra từ đầu năm. Trong đó, đáng chú ý là lợi nhuận trước thuế đạt 7.767 tỷ đồng, tăng 68% so với năm 2017. Bên cạnh việc hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kinh doanh, MB cũng hoàn thành xuất sắc các mục tiêu lớn đặt ra gồm: triển khai chiến lược giai đoạn 2017-2021; chuyển dịch ngân hàng số với 2,6 triệu users đang hoạt động với sản phẩm chủ lực nhiều tiện ích là ứng dụng App ngân hàng MBBank; thay đổi nhận diện hình ảnh cho 100% điểm giao dịch, triển khai quyết liệt các dự án chiến lược; tăng trưởng đột phá thu từ hoạt động dịch vụ (tăng 2,3 lần). Hoạt động kinh doanh của 6 công ty thành viên cũng có sự phát triển vượt bậc.

2010-2016

Năm 2010 là bước ngoặt ý nghĩa đưa MB ghi dấu ấn trở thành một trong những ngân hàng hàng đầu Việt Nam sau này. MB bắt đầu nghiên cứu xây dựng chiến lược giai đoạn mới 2011 – 2016, với kỳ vọng đưa MB vào TOP 3 ngân hàng TMCP không do nhà nước nắm cổ phần chi phối. Đây cũng là giai đoạn hết sức khó khăn của nền kinh tế. Dưới tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu, Ngành Ngân hàng thực hiện tái cấu trúc mạnh mẽ, nhiều ngân hàng suy giảm lợi nhuận, thậm chí phải sát nhập, biến mất trên thị trường.

Trong bối cảnh đó, MB kiên định với chiến lược phát triển bền vững, an toàn đã vươn lên dẫn đầu về nhiều chỉ tiêu tài chính quan trọng, hoàn thành mục tiêu nằm trong TOP 3 trước 2 năm – vào năm 2013. Với những thành quả đã đạt được, năm 2014, MB vinh dự đón nhận Huân chương Lao động Hạng Nhất. Đến năm 2015, tiếp tục được Phong tặng danh hiệu Anh Hùng Lao động.



Ảnh: Điểm giao dịch MB với hình ảnh nhận diện thương hiệu mới

NGÀNH NGHỀ
VÀ ĐỊA BÀN
KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Ngân hàng TMCP Quân đội thực hiện các loại hình của ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật và của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, gồm các hoạt động:

- Hoạt động trung gian tiền tệ khác (nhận tiền gửi; cấp tín dụng; mở tài khoản thanh toán, cung ứng dịch vụ thanh toán trong nước; tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia; tham gia đấu thầu, mua bán tín phiếu Kho bạc...; mua bán t` rái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp, dịch vụ môi giới tiền tệ, phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu..., vay vốn của Ngân hàng Nhà nước; vay, cho vay, gửi, nhận gửi vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài,...; góp vốn, mua cổ phần; kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và quốc tế; kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất; lưu ký chứng khoán; ví điện tử; cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa; mua nợ; các hoạt động khác sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.
- Hoạt động dịch vụ tài chính (dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính,...; tư vấn tài chính doanh nghiệp; ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản; kinh doanh giấy tờ có giá; đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ; các hoạt động khác sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại (kinh doanh, mua bán vàng miếng)
- Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm

Chi tiết theo Giấy phép thành lập và hoạt động Ngân hàng thương mại cổ phần số 100/GP-NHNN ngày 16/10/2018

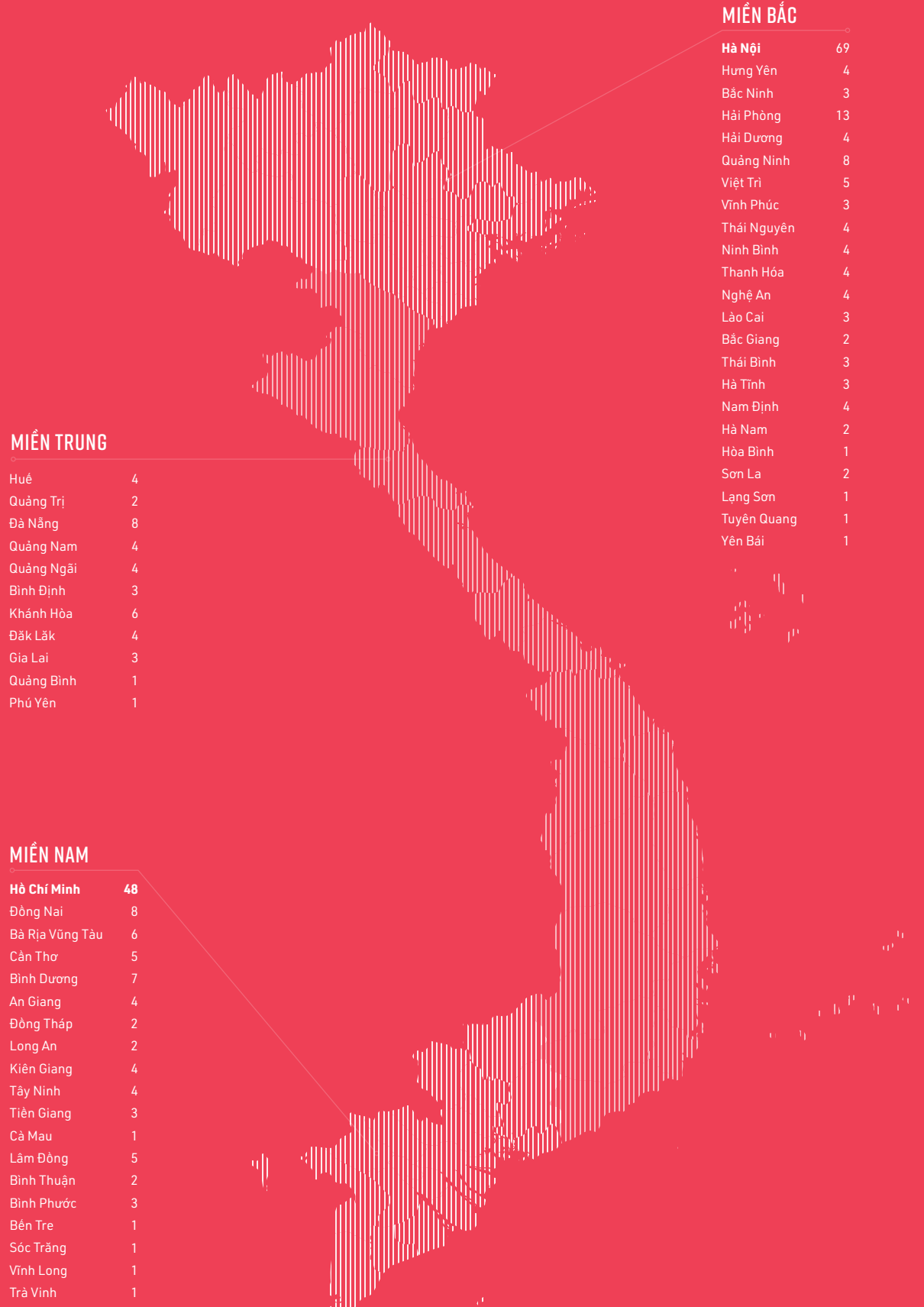
ĐỊA BÀN KINH DOANH

Tính tới 31/12/2018, hệ thống mạng lưới MB bao gồm 01 Trụ sở chính và 299 điểm giao dịch được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp phép hoạt động, tăng thêm 14 điểm giao dịch so với năm 2017, trong đó có:

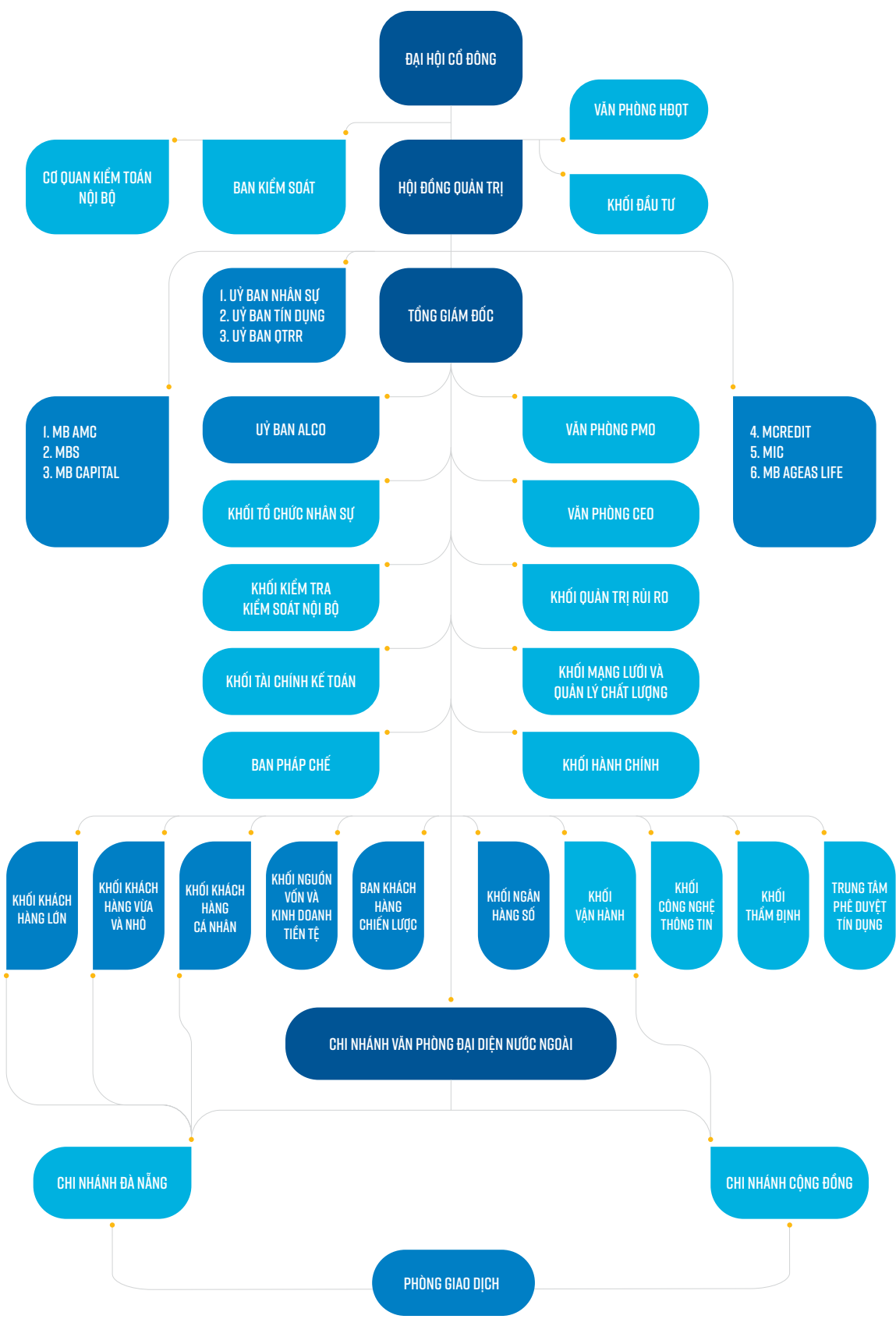
296
CHI NHÁNH/PHÒNG GIAO DỊCH Ở TRONG NƯỚC (99 CN VÀ 197 PGD)

02
CHI NHÁNH TẠI NƯỚC NGOÀI (LÀO, CAMPUCHIA)

01
VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TẠI NGA



CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ



CÔNG TY THÀNH VIÊN

TỔNG QUAN CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN VÀ QUAN HỆ GÓP VỐN

01

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ NỢ VÀ KHAI THÁC TÀI SẢN NGÂN HÀNG TMCP QUÂN ĐỘI (MBAMC)

Tên đầy đủ	Công ty TNHH Quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Quân Đội
Tên gọi tắt	Công ty quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng Quân Đội
Tên tiếng Anh	Military Bank Assets Management Company Limited
Tên viết tắt	MBAMC CO., LTD
Logo	
Trụ sở chính	Tầng G2, nhà B4 Kim Liên, đường Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên, quận Đống Đa, Hà Nội
Website	www.mbamc.com.vn
Vốn điều lệ	665.861.987.250 VND (Sáu trăm sáu mươi lăm tỷ tám trăm sáu mươi một triệu chín trăm tám mươi bảy nghìn hai trăm năm mươi đồng).

Giấy chứng nhận ĐKKD: 0105281799 do Sở kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 11 tháng 9 năm 2002 và sửa đổi lần thứ 20 ngày 25/12/2018.

MBAMC là Công ty TNHH một thành viên do MB sở hữu 100% vốn điều lệ. MBAMC hoạt động kinh doanh chính trong lĩnh vực Xử lý nợ, Quản lý khai thác tài sản và Thẩm định giá tài sản.

Năm 2018, bên cạnh kết quả hoạt động kinh doanh tốt, MBAMC đã hoàn thành thoái vốn góp tại Công ty MBLand, ghi nhận mức lợi nhuận trước thuế tăng 2,4 lần so với năm 2017.

Năm 2019, Công ty đặt mục tiêu tăng trưởng bền vững, đẩy mạnh hoạt động kinh doanh lõi, nâng cao hơn nữa chất lượng dịch vụ đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của Khách hàng cũng như của MB. Hoạt động xử lý nợ tiếp tục là thế mạnh kinh doanh trọng yếu, đóng góp lớn nhất vào kết quả hoạt động của MBAMC. Bên cạnh đó, hai hoạt động cốt lõi khác là khai thác tài sản và tư vấn thẩm định tài sản tiếp tục mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động. Hiện thực hóa mục tiêu chiến lược đến 2020, MBAMC trở thành Top 3 Công ty AMC thuộc các ngân hàng TMCP hoạt động hiệu quả nhất tại Việt Nam và là Công ty AMC có chất lượng dịch vụ tốt nhất.

02 CÔNG TY TÀI CHÍNH TNHH MB SHINSEI

Tên đầy đủ	Công ty Tài chính TNHH MB Shinsei
Tên tiếng Anh	MB Shinsei Finance Limited Liability Company
Tên viết tắt	MS FINANCE
Logo	
Trụ sở chính	Tầng 12 tòa nhà TNR Tower, số 54 Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Website	www.mcredit.com.vn
Giấy phép hoạt động số 58/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 21/09/2017.	
Vốn điều lệ	800.000.000.000 VND (Tám trăm tỷ đồng)

MCredit được thành lập ngày 10/03/2016 với vốn điều lệ 500 tỷ đồng do MB sở hữu 100% vốn. MCredit đã chính thức khai trương ra mắt hoạt động vào ngày 24/12/2016, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài chính tín dụng tiêu dùng, bao gồm cho vay trả góp và cho vay tiền mặt. Tháng 10/2017, MCredit hoàn tất thủ tục liên doanh với đối tác Nhật Bản Shinsei Ba nk, đổi tên thành Công ty Tài chính TNHH MB Shinsei. Đến tháng 3/2018, Mcredit tăng vốn điều lệ lên mức 800 tỷ đồng, trong đó MB vẫn giữ tỷ lệ góp vốn 50%.

Trong năm 2018, Công ty đẩy mạnh hoạt động kinh doanh lõi, mở rộng mạng lưới kinh doanh đến 53 tỉnh thành trên cả nước, đa dạng hóa sản phẩm và kênh bán, nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng.

Với phương châm “Hiệu quả, an toàn, phát triển bền vững”, mục tiêu trong năm 2019, MCredit sẽ tập trung tăng cường năng lực hệ thống công nghệ thông tin, đảm bảo tính đồng bộ và an toàn của hệ thống, đáp ứng tốt nhu cầu kinh doanh, đồng thời quản trị chặt chẽ và kiểm soát tốt nợ xấu, phấn đấu trở thành 1 trong 5 công ty tài chính tiêu dùng hàng đầu thị trường về quy mô và hiệu quả hoạt động.

03 CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB (MB CAPITAL)

Tên đầy đủ	Công ty cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB
Tên tiếng Anh	MB Capital Management Joint Stock Company
Tên viết tắt	MB Capital
Logo	
Trụ sở chính	Tầng 8, Số 3 Liễu Giai, quận Ba Đình, Hà Nội
Website	www.mbcapital.com.vn
Vốn điều lệ	323.795.000.000 VND (Ba trăm hai mươi ba tỷ, bảy trăm chín mươi lăm triệu đồng)
Giấy phép hoạt động số: 07/UBCK-GPHĐQLQ do UBCKNN cấp lần đầu ngày 29/09/2006; Giấy phép sửa đổi gần nhất số 06/GPĐC-UBCK ngày 12/02/2015.	

MB Capital được thành lập năm 2006 với mức vốn điều lệ ban đầu 10 tỷ đồng. Đến nay, trải qua 12 năm phát triển, MBCapital đã tăng vốn điều lệ lên mức 323,795 tỷ đồng (trong đó, MB sở hữu 90,77% cổ phần).

Hoạt động trong lĩnh vực quản lý quỹ, cung cấp các dịch vụ về quản lý quỹ đầu tư, quản lý danh mục đầu tư, tư vấn đầu tư và quản lý tài sản ủy thác đầu tư, MBCapital đã khẳng định vị thế là một công ty quản lý quỹ hàng đầu thị trường và nằm trong Top 3 công ty quản lý quỹ có lợi nhuận cao nhất.

MB Capital hiện đang quản lý hai quỹ mở cổ phiếu và một quỹ thành viên có sự tham gia của các đối tác Nhật Bản, đồng thời gia tăng uy tín thông qua quản lý danh mục đầu tư cho các nhà đầu tư tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

Năm 2018, doanh thu MBCapital lần đầu tiên đạt trên 100 tỷ đồng, đánh dấu bước phát triển mạnh mẽ trong hoạt động kinh doanh. Hai quỹ MBGF và MBVF là một trong số ít các quỹ đầu tư trên thị trường có tăng trưởng dương năm 2018.

Trong năm 2019, công ty tiếp tục chú trọng phát triển hoạt động kinh doanh cốt lõi, nghiên cứu triển khai các sản phẩm đầu tư mới, thành lập quỹ đầu tư mới hướng tới mục tiêu tăng giá trị tài sản quản lý đồng thời nâng cao hiệu quả các quỹ và danh mục đầu tư, duy trì vị trí Top 3 công ty quản lý quỹ về hiệu quả hoạt động.

04 CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB

Tên đầy đủ	Công ty Cổ phần Chứng khoán MB
Tên tiếng Anh	MB Securities Joint Stock Company
Tên viết tắt	MBS
Logo	
Trụ sở chính	Số 3 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội
Website	www.mbs.com.vn
Vốn điều lệ	1.221.242.800.000VND (Một nghìn hai trăm hai mươi một tỷ hai trăm bốn mươi hai triệu tám trăm nghìn đồng).

Giấy Chứng nhận ĐKKD: 116/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp lần đầu ngày 9 tháng 12 năm 2013 và Giấy phép điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 12/GPĐC- UBCK ngày 11/06/2014.

MBS hiện có vốn điều lệ 1.221 tỷ VND (trong đó, MB chiếm tỷ lệ 79,52%), hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực môi giới, dịch vụ ngân hàng đầu tư và kinh doanh chứng khoán. Được Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) thành lập từ tháng 5 năm 2000, Công ty CP Chứng khoán MB (MBS) là một trong 5 công ty chứng khoán đầu tiên ra đời tại Việt Nam.

Năm 2018, hoạt động kinh doanh của MBS có sự tăng trưởng mạnh mẽ với doanh thu đạt trên 1.000 tỷ đồng, tiếp tục giữ vững vị thế là một trong những công ty chứng khoán hàng đầu trên thị trường với vị trí Top 5 thị phần môi giới chứng khoán cơ sở và Top 3 thị phần môi giới chứng khoán phái sinh. Trong năm 2018, MBS đã vinh dự nhận 2 giải thưởng quốc tế do Tạp chí World Finance trao tặng trong năm 2018 bao gồm “Công ty quản lý đầu tư tốt nhất Việt Nam 2018” và “Dịch vụ ngân hàng đầu tư tốt nhất Việt Nam 2018”.

Trong năm 2019, MBS tiếp tục đặt mục tiêu tăng trưởng bền vững, tập trung vào các hoạt động kinh doanh cốt lõi, tăng cường cải tiến hệ thống công nghệ nhằm gia tăng chất lượng dịch vụ, tiếp tục khẳng định bề dày uy tín, thương hiệu MBS với khách hàng.

05 TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM QUÂN ĐỘI (MIC)

Tên đầy đủ	Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội
Tên tiếng Anh	Military Insurance Corporation
Tên viết tắt	MIC
Logo	
Trụ sở chính	Tầng 15, Tòa nhà MIPEC, số 229 Tây Sơn, Phường Ngã Tư Sở, Quận Đống Đa, Tp. Hà Nội
Website	www.mic.vn
Vốn điều lệ	840.000.000.000 VND (Tám trăm bốn mươi tỷ đồng).

Giấy phép hoạt động số 43 GP/KDBH cấp lần đầu ngày 08/10/2007 và Giấy phép điều chỉnh gần nhất là 43/GPDC28/KDBH ngày 12 tháng 12 năm 2018.

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân Đội (tiền thân là Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân Đội) được thành lập theo Quyết định số 871/BQP ngày 22/2/2007 của Quân ủy Trung ương và Giấy phép số 43GP/KDBH ngày 08/10/2007 của Bộ Tài chính. MB là một trong số các cổ đông sáng lập MIC và hiện là cổ đông lớn nhất của MIC, sở hữu 69,58% cổ phần của MIC.

Bên cạnh những sản phẩm đặc thù phục vụ riêng cho các đơn vị trong quân đội, MIC chú trọng phát triển và cung cấp đa dạng các sản phẩm dịch vụ cho nhiều đối tượng Khách hàng và đã khẳng định được hình ảnh, thương hiệu trên thị trường bảo hiểm phi nhân thọ tại Việt Nam. Trải qua hơn 10 năm xây dựng và phát triển, MIC đã phát triển mạnh mẽ với mạng lưới rộng khắp với 63 công ty thành viên tại hầu khắp các tỉnh, thành trên cả nước. Năm 2018, doanh thu phí bảo hiểm gốc của MIC đạt hơn 1.900 tỷ đồng và là công ty có thị phần bảo hiểm phi nhân thọ lớn thứ 6 thị trường.

Năm 2019, mục tiêu của MIC tiếp tục duy trì vị trí Top 6 về thị phần bảo hiểm phi nhân thọ, rút ngắn khoảng cách về doanh thu phí với Top 5 công ty trong ngành đồng thời nâng cao hiệu quả hoạt động đầu tư theo hướng bền vững. Ngoài ra, MIC sẽ chú trọng cải tiến hệ thống công nghệ thông tin và chất lượng dịch vụ để tăng khả năng cạnh tranh trong ngành.

06 CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ MB AGEAS

Tên đầy đủ Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ MB Ageas

Tên tiếng Anh MB Ageas Life Insurance Company Limited

Tên viết tắt MB Ageas Life



Trụ sở chính Tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Tp. Hà Nội

Website www.mbageas.life

Giấy phép thành lập và hoạt động: 74/GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp lần đầu ngày 21/07/2016 và Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 74/GPDDC2/KDBH cấp ngày 28/09/2018.

Vốn điều lệ 1.500.000.000.000 VND (Một nghìn năm trăm tỷ đồng)

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ MB Ageas được thành lập trên cơ sở hợp tác liên doanh giữa Ngân hàng TMCP Quân đội (MB), Tập đoàn bảo hiểm Ageas (Vương quốc Bỉ) và Công ty BHNT Muang Thai Life Assurance (Thái Lan). MB Ageas Life được Bộ tài chính cấp phép hoạt động vào ngày 21/07/2016, với vốn điều lệ ban đầu là 1.100 tỷ đồng (trong đó MB chiếm tỷ lệ là 61%). Ngày 28/09/2018, Bộ Tài chính đã cấp giấy phép điều chỉnh số 74/GPĐC2/KDBH cho phép công ty sửa đổi, bổ sung giấy phép thành lập và hoạt động. Theo đó, MB Ageas Life tăng vốn điều lệ lên 1.500 tỷ đồng và MB đã góp thêm vốn đảm bảo tỷ lệ sở hữu của MB giữ nguyên 61%. Công ty kinh doanh trong các lĩnh vực: Bảo hiểm nhân thọ, Bảo hiểm sức khỏe và Đầu tư tài chính.

Trong năm 2018, MB Ageas life đã triển khai mạnh mẽ các hoạt động kinh doanh, nhanh chóng chiếm lĩnh thị trường đưa tên tuổi của MB Ageas Life từng bước lớn mạnh trên thị trường bảo hiểm nhân thọ Việt Nam. Đặc biệt, MB Ageas Life đã phối hợp chặt chẽ với MB triển khai hoạt động kinh doanh bảo hiểm qua kênh Bancas đột phá và gặt hái được nhiều thành công, đưa MB Ageas Life nằm trong TOP 3 trong các công ty bảo hiểm nhân thọ về doanh thu khai thác mới qua kênh Bancas.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN LỚN:

Trong năm 2018, MB đã thực hiện thoái vốn tại công ty thành viên MBLand, cụ thể như sau:

TÊN ĐƠN VỊ	VỐN ĐẦU TƯ ĐẾN 31/12/2017	VỐN ĐẦU TƯ ĐẾN 31/12/2018
Công ty cổ phần Tổng công ty địa ốc MB (MB Land) *	426,8	0

Đơn vị: tỷ đồng

*: sở hữu gián tiếp qua công ty thành viên (Công ty TNHH quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Quân đội (MBAMC)).

QUẢN TRỊ TẬP ĐOÀN – TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ VÀ HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN

Triển khai chiến lược hoạt động các Công ty thành viên đến năm 2020, gắn kết với chiến lược hoạt động 2017-2021 của cả Tập đoàn MB Group;

Triển khai hoạt động quản trị tập đoàn trong các mảng Tài chính, Quản trị rủi ro, Pháp chế, Công nghệ thông tin, Mạng lưới, Nhân sự, Truyền thông theo hướng xây dựng, thiết lập các tiêu chuẩn với Công ty thành viên.

Phối hợp chặt chẽ hoạt động thường xuyên giữa các Công ty với MB, chia sẻ các nguồn lực kinh doanh dùng chung của hệ thống; đẩy mạnh hoạt động bán chéo phát triển dịch vụ của toàn MBGroup;

ĐỊNH HƯỚNG QUẢN LÝ CÔNG TY THÀNH VIÊN VÀ ĐỊNH HƯỚNG TẬP ĐOÀN

Hiện nay MB đang hướng tới hoạt động theo mô hình Tập đoàn (MB Group) với công ty mẹ là Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội và các công ty thành viên thuộc các lĩnh vực chứng khoán, quản lý quỹ, bảo hiểm... Theo đó, các công ty thành viên tận dụng tối đa lợi thế Tập đoàn, hoạt động hiệu quả trong lĩnh vực kinh doanh cốt lõi của mình. Năm 2018, MBGroup đẩy mạnh việc cung cấp các giải pháp tài chính, đầu tư, bảo hiểm trọn gói cho Khách hàng trên cơ sở tích hợp tối đa sản phẩm dịch vụ của các đơn vị thành viên trong tập đoàn. Đồng thời, mỗi lĩnh vực hoạt động chính của các Công ty thành viên trong MBGroup sẽ là các vệ tinh cung cấp các sản phẩm hỗ trợ cùng với các dịch vụ của Ngân hàng thương mại. Trên cơ sở đó, MB đã và đang xây dựng chiến lược chung của Tập đoàn hướng tới các hoạt động cụ thể như sau;

- Phát triển đồng bộ các Công ty thành viên theo định hướng chiến lược kinh doanh Tập đoàn. Tích cực đầu tư hạ tầng công nghệ, cải tiến quy trình vận hành, phát triển các sản phẩm dịch vụ của Công ty thành viên trên nền tảng công nghệ.
- Đầu tư tăng năng lực tài chính và phát triển các nguồn lực kinh doanh; phát triển đối tác cổ đông chiến lược; góp phần nâng cao năng lực quản trị, phát triển kinh doanh các Công ty thành viên.
- Thiết lập và tăng cường cơ chế phối hợp đầu tư, kinh doanh hiệu quả; đẩy mạnh hoạt động bán chéo, tận dụng tối đa lợi thế của Tập đoàn.

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ NĂM 2019

- Quản lý tập trung hoạt động đầu tư toàn Tập đoàn thông qua việc ban hành quy định, chính sách, định hướng đầu tư và giám sát việc thực thi theo các quy định, tiêu chuẩn quản trị của Tập đoàn.
- Nghiên cứu thực hiện các phương án M&A, tìm kiếm đối tác chiến lược nhằm nâng cao năng lực hoạt động quản trị, kinh doanh của MB và các Công ty thành viên.
- Triển khai hoạt động đầu tư tuân thủ quy định pháp luật, theo đúng định hướng chiến lược, đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn chủ sở hữu của MB.
- Cải tiến mô hình bán chéo theo hướng xây dựng các cơ chế thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động bán chéo giữa MB và các Công ty thành viên nhằm khai thác tối ưu nguồn lực Tập đoàn.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

I. KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC NĂM 2019

Năm 2018 là năm trọng tâm trong hành trình triển khai chiến lược giai đoạn 2017-2021 của MB với tầm nhìn “Trở thành ngân hàng thuận tiện nhất” . MB đã triển khai đồng bộ và quyết liệt 4 chuyển dịch chiến lược bao gồm Ngân hàng số, Nâng cao quan hệ khách hàng, Quản trị rủi ro vượt trội, Nâng cao hiệu quả hoạt động Công ty thành viên, góp phần không nhỏ vào sự trưởng mạnh mẽ trong hoạt động kinh doanh của ngân hàng, thể hiện qua một số chỉ tiêu KPI chiến lược như sau:

- Quy mô user của Ngân hàng số năm 2018 tăng 1 triệu user so với năm 2017. Tỷ trọng Doanh thu sau rủi ro từ kênh số chiếm 1,9% so với Doanh thu sau rủi ro toàn hàng.
- Tổng số lượng khách hàng hoạt động tăng 40% so với năm2017, lợi nhuận trước thuế tăng trưởng 68% đạt 7.767 tỷ đồng, hiệu suất bán hàng của RM 3 khối kinh doanh đều tăng cao, KHCN tăng 27%, SME tăng 10%, đặc biệt hiệu suất bán hàng RM CIB tăng 101%.
- Tăng tốc độ xử lý hồ sơ và cấp tín dụng cho khách hàng. So với năm 2017 thời gian cấp tín dụng KHCN giảm 40%; SME giảm 24%; CIB giảm 22%. Điều này đã góp phần gia tăng mức độ hài lòng của khách hàng trong năm 2018, đạt 87%, tăng 7% so với năm 2017.

Năm 2019, MB tiếp tục triển khai đồng bộ 04 chuyển dịch chiến lược trên, trong đó trọng tâm vào 8 dự án chiến lược trọng điểm bao gồm:

1. Dự án App ngân hàng MBBank về trải nghiệm khách hàng trọn vẹn trên App ngân hàng MBBank
2. Dự án chuyển đổi và nâng cấp hệ thống Công nghệ thông tin hiện đại:
3. Dự án CRM/ Smart RM về phân tích kinh doanh và công cụ bán
4. Dự án BPM về tối ưu hóa, tự động hóa hệ thống quy trình nghiệp vụ hướng đến khách hàng và tăng năng suất lao động;
5. Dự án PD, LGD, EAD về tuân thủ Basel II.
6. Dự án Đào tạo về đổi mới phương pháp đào tạo và nâng cao năng lực lãnh đạo của nhân sự MB
7. Dự án Loyalty về gắn kết trung thành khách hàng
8. Dự án Marketing số

II. CHIẾN LƯỢC GIAI ĐOẠN 2017-2021

1. Tầm nhìn chiến lược

“Trở thành ngân hàng thuận tiện nhất”

2. Mục tiêu chiến lược

“TOP5 về hiệu quả kinh doanh và an toàn”

3. Phương châm chiến lược

“Đổi mới, hiện đại, hợp tác, bền vững”

4. Ngân hàng Quân đội phát triển trên **03 trụ cột chiến lược** là Ngân hàng cộng đồng, Ngân hàng chuyên nghiệp theo ngành, Ngân hàng số và **02 nền tảng chiến lược** Quản trị rủi ro vượt trội, Năng lực thực thi nhanh; Trọng tâm vào **04 chuyển dịch then chốt** là Chuyển dịch ngân hàng số, Nâng cao quan hệ khách hàng, Quản trị rủi ro vượt trội, Nâng cao hiệu quả hoạt động công ty thành viên; Thực hiện đồng bộ 4 nhóm giải pháp: Quản trị điều hành, Kinh doanh, Công nghệ, Nhân sự.

PHƯƠNG CHÂM CHIẾN LƯỢC

ĐỔI MỚI, HIỆN ĐẠI, HỢP TÁC, BỀN VỮNG

Xuyên suốt trong quá trình xây dựng và triển khai chiến lược MB là một văn hóa quản trị thống nhất dựa trên các yếu tố cơ bản sau:

(1) Định hướng, tầm nhìn của lãnh đạo: Tầm nhìn trở thành một “Ngân hàng thuận tiện nhất” chính là nền tảng của Văn hóa mà MB xây dựng, là kim chỉ nam cho mọi quyết định và hành động. Từ tầm nhìn này, MB đã phát triển ra các mục tiêu và định hướng những bước đi rõ ràng theo lộ trình chiến lược xây dựng chi tiết từng năm.

(2) Đào tạo, phát triển nhân sự thực thi: Để trở thành “Ngân hàng thuận tiện nhất” MB sẽ phải tạo ra một văn hóa rất mạnh trong giao dịch khách hàng. MB đang hướng tới xây dựng một nguồn nhân lực chất lượng cao theo tiêu chuẩn quốc tế, hiệu quả đạt Top 5 hệ thống NHTM Việt Nam, đủ năng lực xây dựng và thực thi thành công chiến lược.

(3) Tập trung sử dụng hạ tầng/ công nghệ nhằm hỗ trợ, thúc đẩy thực thi 3 vòng bảo vệ. Tối ưu hóa, tự động hóa toàn bộ luồng quy trình xử lý công việc tự đầu đến cuối trong toàn ngân hàng đến khách hàng và ngược lại thông qua các khung quản trị và hệ thống công nghệ hiện đại nhất như BPM, PD/EAD/LGD, DWH...

QUẢN TRỊ RỦI RO

Năm 2018 là năm thứ hai MB chính thức triển khai Chiến lược giai đoạn 2017 – 2021 và 06 năm kể từ thời điểm MB chính thức triển khai những cấu phần đầu tiên của Basel II. Đến thời điểm hiện tại, MB đã hoàn thiện cơ bản các dự án thành phần (liên quan tới việc cải tiến mô hình tổ chức, hệ thống văn bản/chính sách, công cụ đo lường rủi ro...) để làm cơ sở xây dựng nền tảng vững chắc hướng tới việc tuân thủ hoàn toàn Basel II.

Hoạt động quản trị rủi ro tại MB đã bước sang một giai đoạn hoàn toàn mới, hướng tới các hoạt động quản trị chuyên nghiệp và mang tính chuyên sâu hơn dựa trên các mô hình thống kê nội bộ (như tiêu chuẩn IRB đối với rủi ro tín dụng, tiêu chuẩn IMA đối với rủi ro thị trường,...).

Các khía cạnh cụ thể của từng loại rủi ro cũng được nghiên cứu, khai thác để có các chính sách, quy định quản trị chuyên biệt (ví dụ: Rủi ro tín dụng đối tác, rủi ro công nghệ, rủi ro gian lận, rủi ro tuân thủ...) nhằm đảm bảo lợi ích tối đa cho Ngân hàng và Tập đoàn. Triển khai Basel II trở thành bài toán làm thế nào để khai thác được tối đa những lợi ích từ chuẩn mực Quốc tế, chứ không chỉ nhằm tuân thủ quy định của NHNN.

VỀ MÔ HÌNH TỔ CHỨC

Sự ra đời của Thông tư 13/2018/TT-NHNN là văn bản quản lý quan trọng, có ý nghĩa rất lớn của Ngân hàng nhà nước đối với hệ thống ngành ngân hàng tại Việt Nam nói chung và MB nói riêng; là nền tảng để MB hoàn thiện một cách toàn diện trong hoạt động quản trị, kiểm soát nội bộ.

Các hoạt động quản lý cấp cao đã được chuẩn hóa, làm rõ vai trò của các cấp (cấp Hội đồng quản trị, cấp Tổng giám đốc...) trong hoạt động quản trị của Ngân hàng; phân tách trách nhiệm giữa HĐQT và cấp Tổng Giám đốc đối với hoạt động kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, đánh giá về mức độ đủ vốn và hoạt động kiểm toán nội bộ đảm bảo (1) Cấp Hội đồng quản trị ban

hành chiến lược kinh doanh, chiến lược về văn hóa kiểm soát, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, kế hoạch vốn định kỳ hàng năm, chính sách quản lý rủi ro (trong đó bao gồm cả khẩu vị rủi ro), và chỉ đạo, giám sát Ban điều hành triển khai theo chiến lược, chính sách đã phê duyệt, (2) Cấp Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm triển khai chiến lược, chính sách đã được HĐQT phê duyệt (với sự tham mưu, tư vấn của các Hội đồng rủi ro, Hội đồng quản lý vốn) thông qua việc ban hành các quy định, quy trình nội bộ, các hạn mức rủi ro và định kỳ tự đánh giá tính đầy đủ, hiệu quả, hiệu lực của quy định/quy trình/hạn mức rủi ro này để có các biện pháp xử lý, khắc phục kịp thời.

Ngoài ra, MB liên tục tổ chức kiện toàn bộ máy quản lý thông qua việc ứng dụng mô hình 3 vòng bảo vệ vào hoạt động quản trị của ngân hàng đảm bảo phân tách rõ ràng chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, tránh chồng chéo, tăng ý thức trách nhiệm của toàn

ngân hàng trong việc nhận diện, đánh giá, theo dõi và kiểm soát rủi ro. Trong đó, các khâu tiềm ẩn rủi ro xung đột lợi ích như bán hàng, thẩm định, phê duyệt và hỗ trợ tín dụng được tổ chức độc lập nhau, đảm bảo khách quan, minh bạch và phát huy tối đa hiệu quả của từng khâu cũng như tổng thể quy trình cung cấp dịch vụ.

VỀ KHUNG CHÍNH SÁCH

Khung quản trị rủi ro toàn hàng được kiện toàn đảm bảo quản lý toàn diện các loại rủi ro trọng yếu trong hoạt động của ngân hàng (rủi ro tín dụng, rủi ro hoạt động, rủi ro thị trường, rủi ro thanh khoản, rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng, rủi ro công nghệ, rủi ro pháp lý, ...) theo các thông lệ tốt, thông lệ quốc tế của Ủy ban Basel, COSO; ISO. Ngoài ra, năm 2018 MB cũng đã nhanh chóng tổ chức quản trị rủi ro công nghệ trong bối cảnh kỷ nguyên công nghệ số 4.0. Theo đó, MB đã và đang áp dụng các chuẩn mực quốc tế tốt nhất để quản trị loại rủi ro này như tiêu chuẩn COBIT, ITIL, tiêu chuẩn ISO 27001. Đồng thời, MB đã từng bước xây dựng khung quản trị rủi ro gian lận nhằm chủ động phòng ngừa, giảm thiểu những tổn thất tài chính cũng như những tác động tiêu cực đến uy tín, hình ảnh của ngân hàng và bảo vệ quyền lợi của khách hàng.

Song song với việc kiện toàn khung quản trị rủi ro tại ngân hàng, MB cũng đã cơ bản hoàn tất việc thiết lập nền tảng quản trị rủi ro tại các công ty thành viên. Sự kết nối chặt chẽ giữa quản trị rủi ro của ngân hàng với quản trị rủi ro của các công ty con đảm bảo chiến lược, chính sách về rủi ro được triển khai xuyên suốt, phù hợp và thống nhất trong toàn tập đoàn.



VỀ CÁC MÔ HÌNH CÔNG CỤ ĐO LƯỜNG RỦI RO

Năm 2018, Dự án đo lường rủi ro Tín dụng bước vào giai đoạn nước rút triển khai xây dựng các mô hình đo lường rủi ro tín dụng PD (xác suất vỡ nợ), LGD (tỷ lệ tổn thất khi khách hàng vỡ nợ), EAD (giá trị chịu rủi ro khi KH vỡ nợ) theo tiêu chuẩn nâng cao (AIRB – Phương pháp dựa trên xếp hạng nội bộ nâng cao) của Basel 2. Các thẻ điểm A Score card, B Score card gắn với hàng loạt sản phẩm chính yếu của Ngân hàng đã được hoàn thiện và dần đưa vào ứng dụng trong hoạt động kinh doanh, thẩm định, phê duyệt tín dụng giúp nâng cao hiệu quả và an toàn trong hoạt động cấp tín dụng của ngân hàng.

Bên cạnh rủi ro Tín dụng, MB tiếp tục nâng cấp, mở rộng phạm vi ứng dụng các công cụ định lượng vào hoạt động quản trị các rủi ro trọng yếu của Ngân hàng (rủi ro thị trường, rủi ro hoạt động, rủi ro thanh khoản, rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng...) như mô hình VaR, bộ chỉ tiêu xếp hạng khách hàng FIs, các mô hình dự báo (Arima, VAR...) nhằm mục tiêu nâng cao mức độ chính xác công tác dự báo rủi ro trong tương lai giảm thiểu những tác động từ các biến cố không mong muốn.

VỀ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ TRONG QUẢN TRỊ RỦI RO

Năm 2018, kế thừa những nền tảng từ năm 2017, MB tiếp tục ứng dụng mạnh mẽ công nghệ vào hoạt động quản trị rủi ro. Năm nay, điểm nhấn của việc ứng dụng các phần mềm quản trị rủi ro là tính kết nối cao với nhu cầu kinh doanh, đảm bảo một phần mềm phục vụ đa dạng các nhu cầu của ngân hàng. Đồng thời, MB cũng đã chủ động xây dựng và đưa vào ứng dụng phần mềm tính toán tài sản có rủi ro theo Basel 2, cung cấp cơ sở cho việc đánh giá hiệu quả sử dụng vốn và đưa ra các quyết định về phân bổ vốn. Như vậy, việc ứng dụng các công nghệ này không chỉ hỗ trợ hiệu quả cho công tác giám sát rủi ro tại MB, giúp tăng cường hiệu lực thực thi của Khung chính sách đã được xây dựng, mà cũng tạo ra các giá trị hỗ trợ phát triển kinh doanh.

VỀ VĂN HÓA QUẢN TRỊ RỦI RO

Cùng với việc ứng dụng mô hình 3 vòng bảo vệ và tăng cường truyền thông về rủi ro trong toàn ngân hàng, văn hóa quản trị rủi ro của toàn bộ cán bộ nhân viên MB không ngừng được củng cố và nâng cao. Mỗi cán bộ nhân viên MB đều ý thức được trách nhiệm nhận diện, đánh giá, kiểm soát, giảm thiểu và báo cáo rủi ro của bản thân, từ đó xem xét, cân nhắc các yếu tố rủi ro trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao. Đồng thời, việc cảnh báo rủi ro và chia sẻ, truyền thông bài học kinh nghiệm từ các rủi ro đã xảy ra được MB thực hiện thường xuyên, liên tục, giúp các cán bộ nhân viên nâng cao ý thức tuân thủ các quy định pháp luật, quy định/quy trình nội bộ.

Trong thời gian tới, xu hướng của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 nói chung và chuyển dịch ngân hàng số nói riêng của MB sẽ đòi hỏi năng lực quản trị rủi ro tiếp tục chuyển mình để đảm bảo quản trị hiệu quả những rủi ro phát sinh từ mô hình kinh doanh

mới. Cụ thể, là yêu cầu về nâng cao năng lực đo lường, cảnh báo rủi ro, năng lực phân tích dữ liệu lớn và tăng cường kết nối, tương tác với các đơn vị kinh doanh. Với chiến lược quản trị rủi ro giai đoạn 2017 – 2021 đã được xác định rõ, trong đó lấy việc triển khai và ứng dụng Basel 2 làm cốt lõi, MB đã xác định được rõ ràng lộ trình, các chương trình hành động để củng cố ngày càng vững chắc nền tảng quản trị rủi ro vượt trội đã thiết lập trong thời gian qua.

Với những nỗ lực trong thời gian qua, sự bài bản trong triển khai và sự ủng hộ cao của Hội đồng Quản trị, Ban lãnh đạo ngân hàng, sự quyết tâm đồng lòng của toàn thể cán bộ nhân viên..., quản trị rủi ro tại MB chắc chắn sẽ có những bước tiến mới, thay đổi mạnh mẽ về chất và thể hiện tốt vai trò là một trong hai nền tảng vững chắc giúp MB khẳng định vị thế trên thị trường và là một trong các ngân hàng TMCP hàng đầu Việt Nam, “năng động trong kinh doanh và chắc chắn trong công tác phòng ngừa và hạn chế rủi ro.”





04

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- 36 Hoạt động kinh doanh 2018
- 38 Tổ chức và nhân sự MB
- 50 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- 52 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2018

CÁC CHỈ TIÊU NĂM

CHỈ TIÊU CHUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	NĂM 2017	NĂM 2018	% TĂNG/ GIẢM
Điểm giao dịch (bao gồm trụ sở chính) *	Số ĐGD	286	300	14 ĐGD
Số cán bộ nhân viên (ngân hàng và công ty con)	Người	13.094	15.233	2.139 người

CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH

1. Quy mô vốn

Vốn chủ sở hữu	tỷ đồng	29.601	34.173
Trong đó: Vốn điều lệ	tỷ đồng	18.155	21.605
Tổng tài sản	tỷ đồng	313.878	362.325
Tỷ lệ an toàn Vốn CAR	%	12,00%	10,90%

2. Kết quả hoạt động kinh doanh

Tiền gửi của TCKT và cá nhân	tỷ đồng	220.176	239.964
Tổng dư nợ cho vay	tỷ đồng	184.188	214.686
Doanh thu	tỷ đồng	13.867	19.537
Thu nhập lãi thuần	tỷ đồng	11.219	14.583
Lợi nhuận từ HĐKD trước dự phòng	tỷ đồng	7.868	10.803
Chi phí hoạt động	tỷ đồng	-5.999	-8.734
Chi phí dự phòng rủi ro	tỷ đồng	-3.252,11	-3.035,39
Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	4.616	7.767
Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	3.490	6.190
Tỷ lệ nợ xấu	%	1,20%	1,33%
ROE (LNST/VCSH bình quân)	%	12,40%	19,41%
ROA (LNST/Tổng tài sản bình quân)	%	1,22%	1,83%
EPS	Đồng/cổ phiếu	1.504	2.829

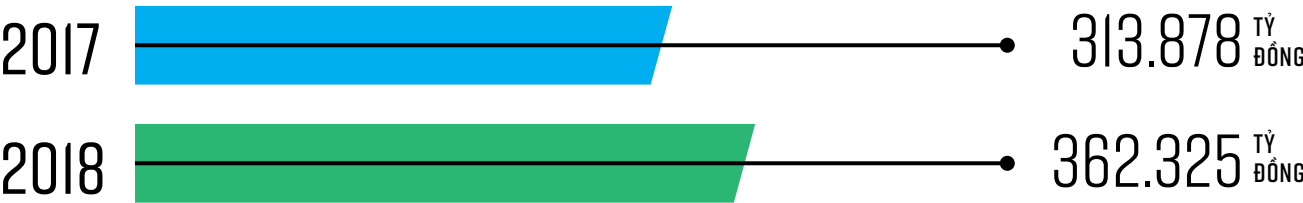
3. Khả năng thanh khoản *

Tỷ lệ dự trữ thanh khoản (>=10%)	%	22%	18,83%
Tỷ lệ chi trả 30D VND (>=50%)	%	82%	79,64%
Tỷ lệ chi trả 30D ngoại tệ (>=10%)	%	96%	242,73%

(*) Riêng ngân hàng

TỔNG TÀI SẢN

↑ 15,4%



DOANH THU

↑ 40,8%



Đơn vị: Tỷ đồng

LỢI NHUẬN SAU THUẾ

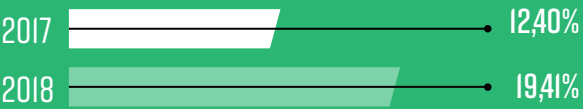
↑ 77,3%



Đơn vị: Tỷ đồng

ROE

(LNST/VCSH BÌNH QUÂN)



ROA

(LNST/TỔNG TÀI SẢN BÌNH QUÂN)



PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC



MBER ĐÃ CÓ MẶT TRÊN MỌI MIỀN TỔ QUỐC

tập trung chủ yếu tại Hà Nội và các tỉnh phía bắc (~63%/ tổng nhân sự MB), tiếp sau là KV HCM (~ 15, cả một số CN nước ngoài như Lào, Campuchia và VP Đại diện tại Nga.

63%

15%

22%

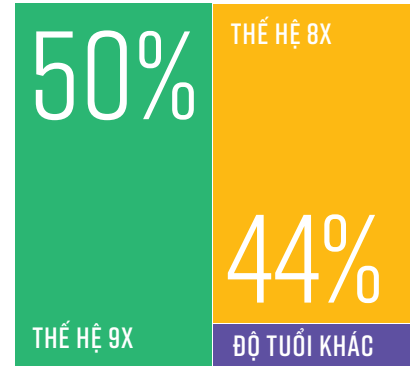
ĐỘ TUỔI BÌNH QUÂN

CỦA CBNV MB

30 TUỔI

Là con số rất phù hợp cho sự phát triển của tổ chức, vừa đủ độ chín, sức trẻ và luôn tràn đầy năng lượng cùng tư duy sáng tạo.

Lực lượng lao động nòng cốt tại MB là thế hệ 9x (chiếm ~ 50%/tổng nhân sự) và 8x ~ 44%/tổng nhân sự, có thể thấy MB có sức hút rất lớn, phù hợp với xu hướng nguồn lực lao động trẻ hiện nay. Tỷ lệ phát triển nguồn lực nội bộ duy trì tốt, ở ngưỡng 80%, đặc biệt chú trọng bổ nhiệm nhân sự trẻ.



SỐ LƯỢNG NHÂN SỰ CỦA MB

TÍNH ĐẾN 31.12.2018

8.897 NGƯỜI

(Tính riêng ngân hàng, tăng trưởng ~ 10% so với năm 2017)



TỶ LỆ NHÂN SỰ GẮN BÓ LÂU DÀI Ở MỨC CAO CỦA THỊ TRƯỜNG

So sánh với thị trường lao động, có thể nhận thấy MB là một trong số ít tổ chức lớn luôn giữ chân được nhân sự ổn định, cam kết gắn bó lâu dài, đồng thời **tỷ lệ Cán bộ quản lý được bổ nhiệm từ nguồn nội bộ ở mức cao.**

- HÀ NỘI VÀ CÁC TỈNH PHÍA BẮC
- KHU VỰC TP.HCM VÀ MỘT SỐ CN NƯỚC NGOÀI
- CÁC TỈNH THÀNH KHÁC

ĐẶC BIỆT, NĂM 2018 MB ĐẠT

TOP 3 NGÂN HÀNG CÓ MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC TỐT NHẤT VIỆT NAM



THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ÔNG LÊ HỮU ĐỨC

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thượng tướng Lê Hữu Đức, nguyên Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, tốt nghiệp tiến sỹ tại Học viện Quốc phòng. Ông có 20 năm giữ các chức vụ chủ chốt tại Quân chủng phòng không - Không quân.

Là Chủ tịch HĐQT MB từ năm 2011 đến nay, Ông đã ghi dấu ấn đậm nét về chỉ đạo xây dựng mô hình quản trị, định hướng chiến lược và phương thức quản lý của mình tại MB, thu hút và truyền cảm hứng cho đội ngũ cán bộ các cấp của MB tận tâm vì một MB phát triển. Đồng thời, Ông chỉ đạo rất quyết liệt hoạt động tái cơ cấu toàn diện các công ty thành viên, mang lại kết quả rất tích cực cho các công ty. Ông cũng là người củng cố bản sắc quản đội trong văn hóa doanh nghiệp MB với phương châm “Kỷ luật nghiêm - Thượng tôn pháp luật - Hiệu quả - An toàn - Không sợ cạnh tranh - Có trách nhiệm với xã hội”.

THAY ĐỔI CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM

Không có thay đổi trong năm.

ÔNG NGUYỄN MẠNH HÙNG

PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thiếu tướng Nguyễn Mạnh Hùng tốt nghiệp Thạc sỹ Quản trị kinh doanh – Đại học KTQD, Thạc sỹ Điện tử - Viễn thông - ĐH Tổng hợp Sydney (Úc), Kỹ sư vô tuyến điện - Học viện thông tin Ulianop (Nga).

Ông đã có nhiều năm gắn bó và đóng góp quan trọng vào sự thành công và phát triển của Tập đoàn Viễn thông Quân đội (Viettel). Tham gia HĐQT MB từ năm 2009 đến 31/07/2018, Ông Hùng là cầu nối gắn kết giữa MB và Viettel trong việc phát triển các sản phẩm, dịch vụ với hàm lượng công nghệ cao. Khuyến khích CBNV phát huy tính sáng tạo, ham học hỏi và luôn đổi mới là yếu tố thành công đã và đang được Ông truyền lại cho MB. Thiếu tướng Nguyễn Mạnh Hùng từng giữ vai trò Tổng Giám đốc Tập đoàn Viễn thông Quân đội; Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư quốc tế Viettel. Đến 31/07/2018, với trọng trách mới được Đảng và Chính phủ giao phó là quyền Bộ trưởng Bộ Truyền thông và thông tin, Thiếu tướng Nguyễn Mạnh Hùng - Ủy viên BCH Trung ương Đảng Khóa XII thôi giữ chức vụ Thành viên Hội đồng Quản trị/Phó Chủ tịch HĐQT MB.



ÔNG LƯU TRUNG THÁI

PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Lưu Trung Thái tốt nghiệp Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh – Đại học Hawaii – Mỹ.

Ông Thái đã có hơn 20 năm gắn bó với MB và nhiều năm liền nắm giữ các vị trí quan trọng của MB như Phụ trách Tín dụng Hội sở, Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc Nhân sự, Phó Tổng Giám đốc. Từ năm 2011 đến 04/2014, ông được giao trọng trách Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Chứng khoán MB (MBS) và để lại nhiều dấu ấn mạnh mẽ trong quá trình tái cơ cấu công ty. Ngày 24/04/2013, Ông được bầu làm thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2009 - 2014 và chính thức được giao nhiệm vụ Phó Chủ tịch HĐQT từ tháng 09/2013. Ngày 16/01/2017, ông được HĐQT tín nhiệm bầu làm Tổng Giám đốc MB. Ông Thái đảm nhiệm các chức vụ Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc MB.



ÔNG LÊ CÔNG

PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thiếu tướng Lê Công tốt nghiệp cử nhân kinh tế Đại học Tài chính Kế toán, tốt nghiệp Đại học Bách khoa Hà Nội và là Tiến sỹ Kinh tế - Học viện Tài chính.

Ông gia nhập MB từ 1995 và trước đó đã có 16 năm công tác tại Bộ Quốc phòng. Từ năm 1997 - 2010, Ông giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc MB. Năm 2010, Ông được HĐQT đề bạt làm Tổng Giám đốc Ngân hàng. Ông Lê Công được đánh giá là một trong những Tổng Giám đốc NHTM có uy tín, đạt được nhiều thành công và được NHNN đánh giá cao trong những năm qua. Ghi nhận những cống hiến của Ông đối với sự phát triển của Ngân hàng, năm 2014, ông vinh dự đón nhận Huân Chương Lao Động Hạng 3 do Chủ tịch nước trao tặng. Hiện Ông là Phó Chủ tịch HĐQT MB; Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Hóa dầu Quân đội.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ÔNG HÀ TIẾN DŨNG
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thiếu tướng Hà Tiến Dũng tốt nghiệp Học viện Gagarin, cử nhân Đại học Kinh tế Quốc dân. Ông Hà Tiến Dũng có 18 năm ở các cương vị quản lý cấp cao tại Tổng Công ty Bay dịch vụ Việt Nam (nay là Tổng Công ty Trực thăng Việt Nam). Ông đã tham gia HĐQT MB từ năm 2009 và hiện là Tư lệnh binh đoàn 18; Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc Tổng công ty Trực thăng Việt Nam - Công ty TNHH; Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần địa ốc MB (MB Land) đến 10/2018; Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần đầu tư Thương mại Hải Âu.



ÔNG NGUYỄN ĐĂNG NGHIÊM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thiếu tướng Nguyễn Đăng Nghiêm tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế Đại học Hàng Hải. Ông đã có hơn 26 năm kinh nghiệm tại nhiều vị trí quan trọng trong Quân cảng Sài Gòn. Ông Nghiêm đã tham gia HĐQT MB từ năm 2009 và đã có nhiều đóng góp giúp tăng cường mối quan hệ hợp tác giữa MB và Tân Cảng. Ông giữ chức vụ là Phó Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn; Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Cảng Cát Lái; Chủ tịch HĐQT Công ty CP Tân Cảng - Cái Mép đến 31/07/2018.



ÔNG NGUYỄN CHÍ THÀNH
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Nguyễn Chí Thành tốt nghiệp Thạc sỹ quản lý chính sách công, Viện nghiên cứu chính sách quốc gia Nhật Bản (GRIPS). Ông Thành đã có 10 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực ngân hàng và trên 10 năm làm việc trong lĩnh vực quản lý rủi ro, đầu tư tài chính. Ông đã từng giữ các chức vụ quan trọng tại Vụ quản lý ngoại hối Ngân hàng nhà nước Việt Nam và Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (SCIC). Kể từ Đại hội cổ đông thường niên MB 2016 (28/04/2016), Ông đã trúng cử là thành viên HĐQT, đồng thời là người đại diện phần vốn góp của SCIC tại MB. Hiện tại Ông đang đảm nhiệm các chức vụ: Phó Tổng giám đốc Phụ trách Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước - Công ty TNHH, Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần được Hậu Giang, Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Sữa Việt Nam.



BÀ NGUYỄN THỊ NGỌC
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Bà Nguyễn Thị Ngọc tốt nghiệp Cử nhân Luật, Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh tại Đại học California Miramar. Bà Ngọc là một trong những thành viên gia nhập MB từ những ngày đầu. Bà Ngọc đã trải qua nhiều lĩnh vực công tác tại MB từ quản lý dự án đầu tư, kế hoạch, pháp chế, Văn phòng HĐQT. Bà Ngọc có nhiều đóng góp tích cực giúp hoạt động quản trị công ty của MB tiên tiến, tiệm cận với thông lệ quốc tế. Bà Ngọc hiện là Thành viên HĐQT MB, Chủ tịch HĐQT Công ty Quản lý Quỹ đầu tư MB (MBCapital), Chủ tịch Công đoàn cơ sở MB.



ÔNG NGUYỄN VĂN HÙNG
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Nguyễn Văn Hùng tốt nghiệp cử nhân kinh tế Praha Tiệp Khắc. Ông đã có nhiều kinh nghiệm quản trị doanh nghiệp với vai trò Thành viên HĐQT Tổng Công ty 28. Hiện tại, ngoài vai trò là Thành viên HĐQT MB, Ông là Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty 28.



BÀ NGUYỄN THỊ THỦY
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Bà Nguyễn Thị Thủy tốt nghiệp Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh - ĐH Khoa học ứng dụng Tây Bắc Thụy Sĩ. Bà Thủy là một trong những cán bộ gắn bó lâu năm với MB, là người quản lý, xây dựng chi nhánh Thăng Long trở thành chi nhánh hàng đầu MB, góp phần đào tạo, phát triển nguồn nhân lực tốt cho hệ thống MB với nhiều Giám đốc chi nhánh, cán bộ quản lý trưởng thành từ MB Thăng Long. Bà Thủy hiện là Thành viên HĐQT MB, Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ MB Ageas.



ÔNG NGUYỄN VĂN HUỆ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

Ông Nguyễn Văn Huệ tốt nghiệp thạc sỹ Tài chính Ngân hàng - ĐH Kinh tế Quốc Dân. Ông Huệ đã từng giữ những chức vụ quan trọng tại Cục Tài chính - Bộ Quốc phòng như Trưởng phòng Kế hoạch Ngân sách, Chi Cục trưởng Chi cục Tài chính doanh nghiệp. Với những kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính - doanh nghiệp, Ông Huệ đã đóng góp cho MB nhiều ý kiến xây dựng và hỗ trợ MB phát triển các mối quan hệ với các khách hàng, đối tác.

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT



BÀ VŨ THỊ HẢI PHƯỢNG

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Bà Vũ Thị Hải Phượng tốt nghiệp Thạc sỹ Kinh tế tại Học viện Ngân hàng. Bà được bầu vào vị trí Trưởng Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Quân đội tháng 4/2014 (nhiệm kỳ 2014 - 2019).

Bà công tác tại Ngân hàng TMCP Quân đội từ những ngày đầu thành lập (năm 1994) và đã từng đảm nhiệm nhiều vị trí quản lý trước khi là Trưởng Ban Kiểm soát như: Giám đốc Phòng giao dịch, Giám đốc Chi nhánh Lý Nam Đế, Trưởng phòng Tín dụng Hội sở, Phó Giám đốc/Giám đốc Chi nhánh Điện Biên Phủ, Phó Tổng giám đốc phụ trách Khối Doanh nghiệp lớn và các Định chế tài chính, Phó Tổng Giám đốc phụ trách kinh doanh khu vực Phía Nam, Phó Tổng Giám đốc phụ trách Khối Mạng lưới và Phân phối.



BÀ NGUYỄN THANH BÌNH

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Bà Nguyễn Thanh Bình tốt nghiệp Cử nhân Tài chính doanh nghiệp tại Đại học Kinh tế Praha. Bà được bầu vào Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Quân đội từ tháng 6/2009 (nhiệm kỳ 2009 - 2014) và bầu lại vào tháng 4/2014 (nhiệm kỳ 2014 - 2019). Trước khi tham gia Ban Kiểm soát, Bà đã có 30 năm kinh nghiệm quản lý tài chính doanh nghiệp tại Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng - Bộ Quốc Phòng. Bà cũng đảm nhiệm vị trí Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Chứng khoán MB từ tháng 12/2011 đến 4/2016 (nhiệm kỳ 2008-2013 và 2013-2018). Ngày 29/03/2018, Bà Nguyễn Thanh Bình thôi giữ vị trí Thành viên Ban Kiểm soát MB theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông MB năm 2018.



BÀ LÊ MINH HỒNG

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Bà Lê Minh Hồng tốt nghiệp Tiến sỹ Tài chính Ngân hàng tại Đại học Kinh tế Quốc dân. Bà được bầu vào Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Quân đội tháng 4/2014 (nhiệm kỳ 2014 - 2019). Bà Lê Minh Hồng tham gia quản trị ngân hàng MB từ tháng 4/2013 với vai trò thành viên HĐQT độc lập (nhiệm kỳ 2009-2014). Bà đồng thời là Trưởng Ban Kiểm soát Công ty quản lý quỹ đầu tư MB từ tháng 10/2014 đến 04/2017. Trước khi gia nhập MB, Bà đã đảm nhiệm nhiều vị trí quản lý tại các tổ chức tín dụng và cơ quan nhà nước: Phó Tổng giám đốc Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương, Vụ Phó/Hàm Vụ trưởng Vụ Đổi mới doanh nghiệp - Văn phòng Chính phủ.



ÔNG ĐẶNG QUỐC TIẾN

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Ông Đặng Quốc Tiến tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế tại Đại học Ngoại Thương và Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh tại Đại học Pacific Western. Ông được bầu vào Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Quân đội tháng 4/2014 (nhiệm kỳ 2014 - 2019). Ông công tác tại Ngân hàng TMCP Quân đội từ năm 1996 và từng đảm nhiệm các vị trí quản lý trước khi là thành viên Ban Kiểm soát như: Giám đốc Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Phó Tổng giám đốc phụ trách kinh doanh khu vực Phía Nam.



ÔNG ĐỖ VĂN HƯNG

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Ông Đỗ Văn Hưng tốt nghiệp cử nhân ngành Tài chính - Ngân hàng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân và cử nhân Anh văn Trường Đại học Ngoại ngữ Hà Nội. Ông gia nhập MB từ năm 1999 và nhiều năm liền giữ các vị trí quan trọng của MB như Trưởng phòng Thanh toán quốc tế, Trưởng Khối Tổ chức - Nhân sự - Hành chính, Phó Tổng Giám đốc phụ trách MB khu vực phía Bắc, Bí thư Đảng ủy MB. Ông được Đại hội đồng cổ đông 2018 tín nhiệm bầu là Thành viên Ban kiểm soát MB nhiệm kỳ 2014-2019 từ ngày 29/03/2018 thay bà Nguyễn Thanh Bình.

THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH



ÔNG LƯU TRUNG THÁI
PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT KIÊM TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Lưu Trung Thái tốt nghiệp Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh – Đại học Hawaii – Mỹ. Ông Thái đã có hơn 20 năm gắn bó với MB và nhiều năm liền nắm giữ các vị trí quan trọng của MB như Phụ trách Tín dụng Hội sở, Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc Nhân sự, Phó Tổng Giám đốc. Từ năm 2011 đến 04/2014, ông được giao trọng trách Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Chứng khoán MB (MBS) và để lại nhiều dấu ấn mạnh mẽ trong quá trình tái cơ cấu công ty. Ngày 24/04/2013, Ông được bầu làm thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2009 - 2014 và chính thức được giao nhiệm vụ Phó Chủ tịch HĐQT từ tháng 09/2013. Ngày 16/01/2017, ông được HĐQT tín nhiệm bầu làm Tổng Giám đốc MB. Ông Thái đảm nhiệm các chức vụ Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc MB.

THAY ĐỔI TỔNG GIÁM ĐỐC TRONG NĂM
Không có thay đổi trong năm.



BÀ PHẠM THỊ TRUNG HÀ
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Tốt nghiệp Thạc sỹ Kinh tế, Bà Hà có hơn 20 năm kinh nghiệm làm việc tại MB. Bà từng giữ nhiều vị trí quan trọng tại MB như Trưởng phòng Quản lý tín dụng, Giám đốc Khối Quản trị rủi ro. Với những đóng góp xuất sắc cho sự phát triển chung của MB trong thời gian qua, từ tháng 4/2011, Bà được bổ nhiệm vào vị trí Phó Tổng Giám đốc. Cho đến hết năm 2018, Bà đang phụ trách khối Quản trị rủi ro, Cơ quan Pháp chế của MB & là chủ tịch Công ty TNHH Quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Quân đội (MBAMC).



ÔNG TRẦN MINH ĐẠT
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC - BÍ THƯ ĐẢNG ỦY

Ông Trần Minh Đạt tốt nghiệp thạc sỹ tài chính - Đại học Kinh tế quốc dân và nắm giữ nhiều vị trí quan trọng tại MB từ năm 2008 như Giám đốc chi nhánh Hai Bà Trưng, Giám đốc chi nhánh Điện Biên Phủ. Tháng 11/2014, Ông được bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc của MB. Cho đến hết năm 2018, Ông chỉ đạo trực tiếp các hoạt động của Trung tâm phê duyệt tín dụng.



ÔNG LÊ HẢI
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Lê Hải tốt nghiệp Tiến sỹ Kinh tế chuyên ngành Tài chính Ngân hàng, đã được đào tạo tại Học viện Tài chính, Học viện Hậu Cần, Đại học Kinh tế Quốc Dân. Gia nhập từ năm 1998, Ông từng nắm giữ nhiều vị trí quan trọng tại ngân hàng như Giám đốc chi nhánh Việt Trì, Giám đốc chi nhánh Điện Biên Phủ, Giám đốc khối SME, giám đốc khối Khách hàng cá nhân. Từ tháng 08/2013, ông Lê Hải chính thức được bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc MB. Hiện nay Ông Lê Hải đang phụ trách Khối Thẩm định.



ÔNG HÀ TRỌNG KHIÊM
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Hoàn thành thạc sỹ chuyên ngành kinh tế - quản trị kinh doanh của trường Đại học KHXH và Nhân Văn, ông Hà Trọng Khiêm gia nhập MB từ năm 1996. Trong 21 năm công tác tại MB, ông Hà Trọng Khiêm đã nắm giữ nhiều vị trí quan trọng như Giám đốc chi nhánh Cần Thơ, Giám đốc chi nhánh Sài Gòn, Giám đốc phụ trách kinh doanh khu vực phía Nam. Ông đã có nhiều đóng góp quan trọng trong sự phát triển kinh doanh của MB khu vực phía Nam. Tháng 11/2015, ông Hà Trọng Khiêm chính thức được bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc MB phụ trách khu vực phía Nam và chi nhánh Campuchia.



BÀ NGUYỄN MINH CHÂU
THÀNH VIÊN CAO CẤP BAN ĐIỀU HÀNH

Bà Châu tốt nghiệp Thạc sỹ chuyên ngành Ngân hàng Tài chính Trường Đại học Kinh tế Paris Dauphine của Pháp và Trường Cao học Quản lý Kinh tế Châu Âu ESCP - EAP. Bà chính thức trở thành thành viên của MB từ tháng 11/2009 với vị trí Phó Tổng Giám đốc, chịu trách nhiệm về hoạt động Khối Nguồn vốn và Kinh doanh tiền tệ. Cho đến hết năm 2018, Bà đồng thời là Chủ tịch Hội đồng thành viên công ty Tài chính TNHH MB Shinsei (MCredit).



BÀ NGUYỄN THỊ AN BÌNH
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Tốt nghiệp Tiến sỹ Kinh tế - chuyên ngành Tài chính Ngân hàng tại Đại học Kinh tế Quốc dân, Bà Nguyễn Thị An Bình đã có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng và gắn bó với MB từ ngày đầu thành lập. Bà có nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực như kiểm tra kiểm soát nội bộ; hành chính và quản lý chất lượng; thiết kế và cải tiến quy trình theo hướng tin học hóa. Bà Bình nhiều năm liền quản lý và dẫn dắt Khối Kiểm soát nội bộ đạt các danh hiệu xuất sắc tại MB và được Thống đốc NHNN tặng Bằng khen năm 2009. Bà Nguyễn Thị An Bình được bổ nhiệm làm Phó Tổng giám đốc từ tháng 11/2009 và đang phụ trách Khối Kiểm tra kiểm soát nội bộ.

THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH



ÔNG LÊ QUỐC MINH
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Hoàn thành thạc sỹ trường Đại học Kinh tế Quốc dân, chuyên ngành Kinh tế, Quản trị kinh doanh, ông Lê Quốc Minh đã có nhiều năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng. Trong 12 năm công tác tại MB, ông Lê Quốc Minh đã nắm giữ nhiều vị trí quan trọng như Giám đốc chi nhánh Ninh Bình; Phó Giám đốc khối Doanh nghiệp lớn và các định chế tài chính; Giám đốc khối khách hàng lớn. Tháng 11/2015, ông Lê Quốc Minh chính thức được bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc MB, hiện đang phụ trách Ban Khách hàng chiến lược, văn phòng đại diện MB tại Nga, đồng thời là Chủ tịch HĐQT công ty cổ phần chứng khoán MB (MBS).



ÔNG UÔNG ĐÔNG HƯNG
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Uông Đông Hưng là một trong những lãnh đạo trẻ đã trưởng thành từ môi trường của MB. Ông tốt nghiệp Thạc sỹ kinh tế Học viện Ngân hàng và từng đảm nhiệm vị trí lãnh đạo tại các chi nhánh trong hệ thống MB như Giám đốc Chi nhánh Trần Duy Hưng và Giám đốc Sở Giao dịch 1, Giám đốc phụ trách kinh doanh khu vực Miền Trung Tây Nguyên. Từ tháng 08/2013, Ông được bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc MB. Cho đến hết năm 2018, Phó Tổng Giám đốc Uông Đông Hưng phụ trách chi nhánh Lào và là Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty CP Bảo hiểm Quân đội (MIC).



BÀ LÊ THỊ LỢI
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC - GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH

Bà Lê Thị Lợi tốt nghiệp Tiến sỹ Tài chính ngân hàng, có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính kế toán. Bà từng đảm nhiệm nhiều vị trí chủ chốt và có nhiều đóng góp với MB từ những ngày đầu thành lập ngân hàng. Tại chi nhánh Điện Biên Phủ bà từng giữ nhiều chức vụ quan trọng và đã góp phần đưa chi nhánh này trở thành đơn vị dẫn đầu trong toàn hệ thống MB. Năm 2009, Bà được bổ nhiệm Phó Giám đốc tài chính. Tháng 6/2014, Bà được bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc kiêm giám đốc tài chính MB.



ÔNG LÊ XUÂN VŨ
THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH

Ông Lê Xuân Vũ tốt nghiệp Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh - Đại học Northcentral - Hoa Kỳ. Ông có hơn 20 năm kinh nghiệm trong ngành Tài chính - Ngân hàng, đặc biệt là lĩnh vực hiện đại hoá ngân hàng và áp dụng các chuẩn mực quốc tế về công tác quản trị các hoạt động tài chính, ngân hàng. Năm 2017, Ông chính thức gia nhập MB với vị trí là Thành viên Ban điều hành. Cho đến hết năm 2018, Ông Lê Xuân Vũ được giao phụ trách Khối Vận hành và Khách hàng cá nhân của ngân hàng.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

VỐN ĐIỀU LỆ ĐẦU NĂM 2018

18.155.053.630.000 ĐỒNG

tương đương 1.815.505.363 cổ phiếu

- Trong năm 2018, MB đã thực hiện tăng vốn theo kế hoạch bao gồm:
- Tăng vốn để trả cổ tức đợt 2 năm 2017 bằng cổ phiếu (5%): **90.775.268 cổ phiếu**
 - Tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu (14%): **254.170.750 cổ phiếu**

Do vậy:

VỐN ĐIỀU LỆ TÍNH ĐẾN THỜI ĐIỂM 31/12/2018

21.604.513.810.000 ĐỒNG

tương đương 2.160.451.381 cổ phiếu

- Số cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng theo Quy định của Pháp luật, Điều lệ MB, cam kết của người sở hữu: **725.885.201 cổ phần**
- Số cổ phiếu chuyển nhượng tự do: **1.434.566.180 cổ phần**

Số lượng cổ phiếu quỹ: không có

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

(THỜI ĐIỂM 31/12/2018)

STT NO	ĐỐI TƯỢNG	SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU SỞ HỮU (CỔ PHẦN)	TỶ LỆ SỞ HỮU (%)
A	Cổ đông tổ chức	359	1.714.303.810	79,35
1	Cổ đông trong nước trong đó:	228	1.284.410.757	59,45
1.1	Cổ đông sở hữu từ 5% VĐL trở lên	4	854.839.434	39,57
1.2	Cổ đông sở hữu dưới 5% VĐL	224	429.571.323	19,88
2	Cổ đông nước ngoài trong đó:	131	429.893.053	19,90
2.1	Cổ đông sở hữu từ 5% VĐL trở lên	0	0	0
2.2	Cổ đông sở hữu dưới 5% VĐL	131	429.893.053	19,90
B	Cổ đông cá nhân	42.148	446.147.571	20,65
1	Cổ đông trong nước trong đó:	42.048	443.950.355	20,55
1.1	Cổ đông sở hữu từ 5% VĐL trở lên	0	0	0
1.2	Cổ đông sở hữu dưới 5% VĐL	42.048	443.950.355	20,55
2	Cổ đông nước ngoài trong đó:	100	2.197.216	0,10
2.1	Cổ đông sở hữu từ 5% VĐL trở lên	0	0	0
2.2	Cổ đông sở hữu dưới 5% VĐL	100	2.197.216	0,10
Tổng		42.507	2.160.451.381	100

(Tại thời điểm 31.12.2018, không có cổ đông nhà nước sở hữu cổ phần tại MB)

CỔNG THÔNG TIN GIAO TIẾP VỚI CỔ ĐÔNG

Cổ đông MB có thể tìm hiểu thông tin thông qua mục Nhà Đầu tư trên website: www.mbbank.com.vn hoặc liên hệ trực tiếp với **Phòng Quản lý cổ đông - Văn phòng HĐQT** (Địa chỉ liên hệ: Tầng 15 – 21 Cát Linh – Đống Đa – Hà Nội; Điện thoại: 024. 37623326)

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

- Với tinh thần Thượng tôn Pháp luật, MB luôn nỗ lực tuân thủ các quy định của Pháp luật, bao gồm pháp luật về Bảo vệ môi trường. MB khuyến khích các CBNV thực hiện nội dung thông qua việc tham gia tích cực các hoạt động chung tay bảo vệ môi trường với các cộng đồng mà đơn vị đặt trụ sở như: thu gom rác thải nơi công cộng/công viên/bãi biển, phong trào ngày thứ 6 xanh, phong trào 5S (sắp xếp gọn gàng, sạch sẽ nơi làm việc theo tinh thần 5S Kanpai).
- Trong năm, MB không bị phạt/cảnh cáo nào từ cơ quan quản lý nhà nước do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.



CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG:

- Người lao động tại MB được hưởng những chế độ lương, thưởng, phúc lợi, học tập và phát triển hấp dẫn, tiên tiến.
- Thu nhập bình quân của CBNV MB năm 2018 luôn được đảm bảo và cải thiện tốt, gắn chặt với thành tích và năng suất lao động, tăng bình quân từ 10 - 20% đối với CBNV đạt kết quả tốt và thuộc Top đầu ngân hàng có thu nhập cạnh tranh trên thị trường.
- MB thường xuyên được cập nhật các chính sách lương thưởng đãi ngộ phù hợp với quy định của pháp luật và xu hướng thị trường để thu hút, giữ chân nhân sự tốt, xuất sắc, phù hợp.
- Ngoài các chế độ theo quy định về BHXH, BHYT, BHTN, chế độ khám sức khỏe định kỳ, Người lao động tại MB còn được Ngân hàng tham gia Bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm tai nạn, bảo hiểm nhân thọ. Các dịp Lễ Tết, CBNV MB đều có phần thưởng, quà động viên từ Lãnh đạo Ngân hàng.
- Bên cạnh đó, hàng năm MB đều tổ chức cho CBNV chương trình du lịch, nghỉ mát để gắn kết và tái tạo sức lao động; MB đồng thời ưu tiên chính sách phát hành cổ phiếu ưu đãi với tỷ lệ lớn cho nhóm nhân sự gắn kết lâu năm.
- Không chỉ quan tâm đến CBNV, chính sách của MB còn hướng tới gia đình và người thân của MBer như: Hỗ trợ cho gia đình khó khăn, khen thưởng cho các bé học giỏi, quà Tết thiếu nhi, quà cho bố mẹ trong dịp Lễ Tết, chế độ bảo hiểm sức khỏe cho người thân...
- Tỷ lệ % người lao động được hưởng thỏa ước tập thể là 100%

CHÍNH SÁCH ĐÀO TẠO, PHÁT TRIỂN NGHỀ NGHIỆP CHO CBNV

- Công tác Đào tạo và Phát triển của MB luôn được chú trọng trên cơ sở ưu tiên về nguồn lực, chi phí nhằm bổ sung kiến thức, nâng cao trình độ chuyên môn cho CBNV, đáp ứng tốt yêu cầu và định hướng phát triển kinh doanh của Ngân hàng (với quy mô là 60,000 lượt đào tạo/năm, 42 giờ đào tạo trung bình/người/năm và chi phí đào tạo trung bình 4,000,000 VNĐ/người/năm)
- Theo đó, MB thực hiện triển khai đa dạng các chương trình đào tạo với nhiều hình thức khác nhau và phù hợp theo từng nhóm vị trí chức danh từ cán bộ quản lý cấp trung/cấp cao, chức danh chuyên gia, đội ngũ HIPO cho đến Chuyên viên. Nổi bật là việc ứng dụng công nghệ vào hoạt động đào tạo (Công nghệ Animation, Powerpoint chuyên động, ..)
- Với chiến lược phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong giai đoạn 2017 -2021, MB đã bắt đầu triển khai Dự án đổi mới về Phương pháp luận đào tạo chuẩn quốc tế và đồng bộ đầu tư cơ sở vật chất phục vụ cho đào tạo tại các Khu vực, bao gồm phòng đào tạo tiêu chuẩn, Ngân hàng thực hành (Mock Bank) và Phòng Lab.
- Quy hoạch hoạt động đào tạo và chuẩn hóa chất lượng nguồn lực nhằm đảm bảo CBNV đáp ứng mục tiêu "Lấy khách hàng làm trung tâm - Customer Centric".

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM CỘNG ĐỒNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG

Là Ngân hàng vinh dự được mang tên Quân đội nhân dân anh hùng, MB luôn thể hiện trách nhiệm xã hội thông qua các chương trình hoạt động tích cực vì cộng đồng.



Tặng quà cho Ban quản lý Bảo tàng chiến thắng Điện Biên Phủ

48.5 TỶ ĐỒNG

Năm 2018, Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) đã dành 48,5 tỷ đồng cho chương trình phát triển cộng đồng của MB theo các lĩnh vực ưu tiên như: Đầu tư cho giáo dục và y tế, Đền ơn đáp nghĩa, xóa đói giảm nghèo, hỗ trợ đồng bào bị thiên tai, tu bổ Khu di tích lịch sử văn hóa.

3.6 TỶ ĐỒNG

Trong lĩnh vực Y tế MB đã dành 3,6 tỷ đồng để đầu tư cho lĩnh vực này, cụ thể: Tài trợ xây dựng trạm y tế xã Đỗ Sơn, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ; tài trợ cho Sở y tế tỉnh An Giang mua xe cứu thương cho Trung tâm y tế các huyện.

20.5 TỶ ĐỒNG

Theo đó, MB đã tài trợ 20,8 tỷ đồng cho lĩnh vực giáo dục, trong đó đầu tư xây dựng 5 trường học: Trường Mầm Non xã Định Biên, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên; Trường Mầm non xã Lương Lễ huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ; Trường tiểu học xã Giao Thủy, huyện Giao Yên, tỉnh Hà Nam; Trường mầm non xã Yên Bắc, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam; Trường Tiểu học xã Tiên Ngoại, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam; Hỗ trợ thiết bị giảng dạy Trường mầm non xã Định Biên, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên và Trường PTTH Can Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh. MB còn hỗ trợ các quỹ khuyến học, tặng học bổng cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh nghèo vượt khó, vv

3.8 TỶ ĐỒNG

Hưởng ứng chương trình không để người nghèo ở lại phía sau do Thủ tướng phát động, MB đã tích cực hưởng ứng dưới các hình thức như: Xây dựng nhà ở, tặng quà cho người nghèo, ủng hộ quỹ vì người nghèo. Số tiền dành cho hoạt động này của MB năm 2018 là 3,8 tỷ đồng.

5 TỶ ĐỒNG

Công tác đền ơn đáp nghĩa được MB tiến hành đều đặn, thường xuyên. Các hoạt động đền ơn đáp nghĩa như: Tặng nhà tình nghĩa, tặng quà các gia đình thương binh, liệt sĩ; xây dựng đài tưởng niệm liệt sĩ, thăm và tặng quà các Trung tâm điều dưỡng thương binh. Năm 2018 MB dành 5 tỷ đồng kinh phí cho công tác đền ơn đáp nghĩa.

9.2 TỶ ĐỒNG

MB tham gia tài trợ Bảo tồn, sửa chữa các di tích lịch sử, văn hóa 9,2 tỷ đồng.

MB luôn phát huy tinh thần tương thân, tương ái của dân tộc, nhất là hỗ trợ đồng bào khi gặp thiên tai. Năm 2018 MB đã ủng hộ đồng bào bị bão lụt huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa và ủng hộ tỉnh Attapeu, CHDCND Lào khắc phục hậu quả vỡ đập thủy điện.

Tặng quà cho các em nhỏ tại Mường Phăng, Điện Biên



Những hoạt động an sinh xã hội, đền ơn đáp nghĩa và hoạt động vì cộng đồng của MB trong những năm qua là trách nhiệm, là tình cảm sâu sắc của cán bộ, nhân viên MB với Tổ quốc, với Quân đội và nhân dân. MB sẽ duy trì và không ngừng tăng cường thực hiện tốt trách nhiệm này, bởi đó cũng là một trong những nội dung của triết lý kinh doanh mà MB thực thi trong những năm qua:

TẬN TÂM TẠO RA GIÁ TRỊ GIA TĂNG CHO CỘNG ĐỒNG - XÃ HỘI



BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN XANH THEO HƯỚNG DẪN CỦA UBCKNN - RỦI RO TÍN DỤNG

Việt Nam là một quốc gia có tỷ trọng nông lâm nghiệp cao trong cơ cấu nền kinh tế, đồng thời nằm trong khu vực chịu nhiều tác động từ biến đổi khí hậu.

Theo đó, cùng với nhận thức về việc bảo vệ môi trường là trách nhiệm chung của toàn xã hội, MB đã chủ động thực hiện các chỉ đạo từ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước về tăng trưởng xanh và quản lý rủi ro môi trường - xã hội: Quyết định số 403/QĐ-TTg ngày 20/03/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2014 - 2020, Chỉ thị số 03/CT-NHNN ngày 24/03/2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về thúc đẩy tăng trưởng tín dụng xanh và quản lý rủi ro môi trường và xã hội trong hoạt động cấp tín dụng, Quyết định số 1731/QĐ-NHNN ngày 31/08/2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành kế hoạch hành động của Ngân hàng thực hiện chương trình Nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững...

Tài trợ dự án xanh, dự án phát triển môi trường - xã hội là một định hướng ưu tiên của MB. Về chính sách tín dụng, MB luôn chú trọng và tập trung chuẩn bị các nguồn vốn và điều kiện ưu đãi để tài trợ các dự án xanh, dự án nông lâm nghiệp, bảo vệ môi trường... như tài trợ Chương trình Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch từ năm 2017. Về quy trình tín dụng, nội dung đánh giá tác động môi trường - xã hội cũng được tích hợp vào quy trình thẩm định, quy trình kiểm tra giám sát sau tại MB.



05

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

58 Kết quả kinh doanh 2018

60 Định hướng kinh doanh 2019

KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2018

NH TMCP Quân Đội (MB) đã triển khai kế hoạch năm 2018 với phương châm **“Đổi mới, hiện đại, hợp tác, bền vững”**, tập trung tổ chức thực hiện hoàn thành các mục tiêu kinh doanh, triển khai các giải pháp chiến lược theo kế hoạch đã đề ra từ đầu năm 2018, đạt được các kết quả như sau:

I. KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2018

STT	CHỈ TIÊU	KH 2018	KQ 2018	SO VỚI 2017	SO VỚI KH 2018
1	Tổng tài sản	Tăng 11%	362.325	115,4%	104,2%
2	Vốn điều lệ	Tăng 19%	21.605	119,0%	100,0%
3	Huy động vốn dân cư, TCKT	Tăng 11%	239.964	109,0%	97,8%
4	Dư nợ cho vay KH	Tăng ~15%	214.686	116,6%	101,0%
5	Tỷ lệ nợ xấu	<1,5%	1,33%		
6	Lợi nhuận trước thuế	6.800 tỷ	7.767	168,3%	114,2%
	LNTT (riêng NH)	6.500 tỷ	7.030	131,3%	108,2%
7	Tỷ lệ chi trả cổ tức	≥11%	11%		

Nguồn: BCTC riêng lẻ, BCTC hợp nhất 2018; Đơn vị: Tỷ đồng

Hoàn thành vượt các chỉ tiêu kế hoạch năm 2018 do Đại hội đồng cổ đông giao. Thu thuần kinh doanh năm 2018 đạt ~ 19.537 tỷ, tăng 41% so với 2017. Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 7.767 tỷ vượt 14% kế hoạch. Các chỉ tiêu đo lường hiệu quả như ROE ~ 19,41 %, ROA ~ 1,83% nằm trong TOP dẫn đầu các ngân hàng hoạt động hiệu quả.

Chú trọng phát triển, củng cố năng lực cán bộ nhân viên, tập trung cải tiến phương pháp đào tạo, ưu tiên đào tạo lực lượng bán hàng. Triển khai các giải pháp ứng dụng số hóa trong cung cấp dịch vụ và tác nghiệp nội bộ trong ngân hàng (CRM, BPM, M – Office, Smart RM...). Năng suất lao động tăng cao, chỉ số LNTT/người bình quân riêng ngân hàng đạt ~ 826 triệu/người/năm (tăng 23% so với 2017).

MB tập trung kiểm soát tốt chất lượng hoạt động và các giới hạn an toàn theo

quy định: tỷ lệ nợ xấu của MB ~ 1,33% (riêng ngân hàng ~ 1,21%), hệ số an toàn vốn CAR ~ 10,9%, (quy định NHNN ≥ 9%), tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn sử dụng cho vay trung dài hạn: ~ 33,45% (quy định NHNN ≤ 45%), LDR (riêng ngân hàng) ~ 73,3% (quy định NHNN ≤ 80%), tỷ lệ dự trữ thanh khoản ~ 18,83% (quy định tối thiểu 10%).

Tích cực triển khai các giải pháp, cải thiện hiệu quả kinh doanh chi nhánh/phòng giao dịch. Hết năm 2018, MB có 299 điểm giao dịch (phủ sóng 53 tỉnh thành phố trong nước, 2 Chi nhánh nước ngoài Lào, Cam và 1 Văn phòng đại diện tại Nga), tăng 14 điểm giao dịch so với 2017. Hoàn thành thay đổi hình ảnh nhận diện mới cho 100% điểm giao dịch với diện mạo trẻ trung, năng động, thu hút khách hàng.

Các công ty thành viên hoàn thành tốt kế hoạch năm 2018, LNTT đạt 715 tỷ,

chiếm hơn 9% lợi nhuận toàn hàng. Hoạt động bán chéo giữa MB và các công ty thành viên có sự tăng trưởng tốt. Các công ty hoàn thành tái cơ cấu, chuyển nhượng vốn góp của MIC tại MIC Invest và MBAMC tại MB Land. Các công ty mới thành lập tổ chức hoạt động hiệu quả cao: MB Ageas life có doanh thu khai thác mới kênh Bancas đạt Top 2 thị trường, dự kiến đến năm thứ 3 có lãi; MCredit triển khai mạnh mẽ hoạt động kinh doanh, kinh doanh có lãi từ năm đầu tiên đi vào hoạt động.

2. CÔNG TÁC QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH

Chiến lược:

Tập trung triển khai các dự án chiến lược trọng điểm của ngân hàng đảm bảo tiến độ, ưu tiên củng cố năng lực công nghệ thông tin, các dự án ngân hàng số, chú trọng quản trị rủi ro theo thông lệ quốc tế Basel 2, thiết lập hệ thống quản trị và phân tích dữ liệu (DWH), cải tiến phương pháp thiết kế sản phẩm...

Tích cực triển khai nhiều chương trình/chiến dịch marketing theo chuyên dịch ngân hàng số.

Kinh doanh:

Tổ chức các mô hình kinh doanh mới, duy trì hiệu quả kinh doanh trên tất cả các phân khúc, cụ thể:

Đẩy mạnh bán lẻ, dư nợ KHCN đạt 81.011 tỷ, tăng 35% so với 2017, chiếm 37,7% dư nợ toàn hàng (2017 ~ 32,6%). Hoàn thiện mô hình ngân hàng cộng đồng do SME dẫn dắt.

Đột phá kinh doanh dịch vụ, triển khai có hiệu quả các mô hình kinh doanh bán chéo bảo hiểm (bancas), thẻ, ngân hàng số, ngân hàng đầu tư (IB). Thu nhập từ hoạt động dịch vụ đạt 2.561 tỷ, tăng 2,3 lần so với 2017, chiếm 13% tổng doanh thu (2017 ~ 8%).

Trong năm 2018, MB đã cho ra mắt nhiều tiện ích số hóa vượt trội hướng tới khách hàng như: App MBBank, dịch vụ liên kết với Viettel, phát hành thẻ Visa MB – Vin ID (kết nối Vin-group), E Port với Tân Cảng cho các doanh nghiệp Xuất nhập khẩu, Ngân hàng cộng đồng số 1 với SME Care, cung cấp hạ tầng kết nối thanh toán xã hội với Bảo hiểm xã hội và Kho bạc Nhà nước.

Triển khai dự án tư vấn Private- bank-ing với Bordier nhằm xây dựng mô hình kinh doanh với nhóm khách hàng private, dự kiến hoàn thành và kick-

off vào quý 2/2019. Quy hoạch và cải tiến hoạt động kinh doanh tại sàn, bộ mặt kinh doanh và chất lượng dịch vụ tại các sàn giao dịch tạo chuyển biến mạnh mẽ.

Công tác quản lý:

Tiếp tục củng cố năng lực quản trị rủi ro, hoàn thiện mô hình đo lường rủi ro xếp hạng tín dụng (Scoring), xác suất vỡ nợ (PD), mô hình tính tỷ lệ tổn thất khi khách hàng vỡ nợ (LGD), giá trị chịu rủi ro khi vỡ nợ (EAD), ứng dụng mô hình kiểm soát chặt chẽ tất cả các loại rủi ro trong ngân hàng, chuẩn bị các điều kiện cần thiết để được NHNN phê chuẩn MB áp dụng quản lý theo chuẩn Basel 2 (TT41) trước hạn (dự kiến Q2/2019).

Chú trọng phát triển và củng cố năng lực nhân sự toàn hệ thống, ưu tiên phát triển lực lượng bán hàng. Hoàn thành chương trình đào tạo cho Top 50, 500, triển khai chương trình Leader Shift. Cải tiến phương pháp đào tạo, tăng trải nghiệm thực tế với 76% RM hoàn thành khung đào tạo chức danh và 357 lượt đào tạo xóa GAP, tăng năng lực hiệu quả kinh doanh.

Hoàn thành ký hợp đồng tư vấn chuyển đổi năng lực công nghệ với IBM trong vòng 5 năm, tạo ra sự thay đổi đột phá về hạ tầng công nghệ của MB trong các năm tiếp theo. Năm 2018, MB hoàn thành nâng cấp hệ thống T24 lên R16, hệ thống BPM, Way 4, Citad, DWH..., an ninh an toàn thông tin công nghệ đảm bảo tiêu chuẩn quốc tế PCI DSS 2018 và ISO 27001. Tỷ lệ sẵn sàng đảm bảo của các hệ thống lõi (T24, BPM, Thẻ...) trên 99,9%.

Hoàn thiện các mô hình vận hành – thẩm định – phê duyệt – kế toán tập trung. Cải tiến các quy trình nghiệp vụ, sản phẩm, tăng trải nghiệm khách hàng, rút ngắn thời gian xử lý giao dịch.

Cải cách hành chính mạnh mẽ, tập

trung nâng cấp các công cụ hỗ trợ trong quá trình tác nghiệp nội bộ cũng như giao dịch với khách hàng: phần mềm quản lý bán hàng (CRM), hệ thống BPM luân chuyển và quản lý các quy trình lõi phục vụ khách hàng (tín dụng, TTQT, LCXK, LCNK, thẻ), phần mềm bán hàng thông minh Smart RM, hệ thống văn phòng điện tử (M-office)...

Chú trọng công tác kiểm tra, kiểm soát tuân thủ đảm bảo an toàn, chất lượng hoạt động mọi mặt. Hoàn thiện bộ tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ và cam kết thời gian với khách hàng, gắn với trải nghiệm khách hàng khi sử dụng sản phẩm của MB.

Giữ vững ổn định Chính trị, duy trì văn hóa MB. Tập trung lãnh đạo xây dựng Đảng bộ với hơn 2.200 Đảng viên, liên tục các năm đạt Đảng bộ trong sạch vững mạnh, các tổ chức quần chúng vững mạnh, đơn vị vững mạnh toàn diện.

MB luôn xác định trách nhiệm xã hội, tham gia các hoạt động từ thiện, chung tay chia sẻ cộng đồng. Năm 2018, MB đã đóng góp gần 2.200 tỷ đồng cho ngân sách nhà nước, thực hiện công tác đền ơn đáp nghĩa, an sinh xã hội ~ 150 tỷ đồng.

3. NHỮNG TỒN TẠI, HẠN CHẾ CẦN KHẮC PHỤC

- Hoạt động Marketing, tiếp cận thị trường xu hướng mới cần được đầu tư bài bản.

- Năng lực hạ tầng CNTT còn chưa đáp ứng tốc độ phát triển kinh doanh.

- Cải cách hành chính, nâng cao chất lượng dịch vụ, tăng trải nghiệm cho khách hàng.

- Năng lực quản lý và kiểm soát rủi ro ở các cấp còn chưa đồng đều, toàn diện.

ĐỊNH HƯỚNG KINH DOANH NĂM 2019

I. MỤC TIÊU KINH DOANH 2019

Kinh tế trong nước ổn định, môi trường kinh doanh được củng cố, lạm phát được kiểm soát. Dự báo tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng khoảng 6,7% - 6,8% so với năm 2018. Tốc độ tăng giá tiêu dùng (CPI) bình quân khoảng 4-5%.

NHNN tiếp tục điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt góp phần ổn định thị trường tiền tệ, hỗ trợ tăng trưởng và kiểm soát lạm phát. Định hướng tổng phương tiện thanh toán tăng 16%, dư nợ tăng ~15%. Bên cạnh đó, các TCTD áp lực về mức độ cạnh tranh với các ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính khác trong xu hướng hội nhập, mở cửa và phát triển như hiện nay; NHNN đẩy mạnh quản lý các TCTD theo tiêu chuẩn quản trị quốc tế.

MB tiếp tục bám sát mục tiêu “Duy trì Top 5 các NHTM về hiệu quả kinh doanh và an toàn” với trọng tâm điều hành “Đẩy mạnh kinh doanh số, marketing; Triển khai toàn diện ngân hàng cộng đồng và SME care; Phát triển bán lẻ, dịch vụ & tiếp tục đổi mới PGD”.

STT	CHỈ TIÊU	KH 2019	TĂNG TRƯỞNG
1	Tổng tài sản	405.340	Tăng ~ 12%
2	Vốn điều lệ	25.841	Tăng ~ 20%
3	Huy động vốn dân cư, TCKT	273.696	Tăng ~ 14%
4	Dư nợ cho vay KH	257.118	Tăng ~ 20%
5	Tỷ lệ nợ xấu	tối đa 2%	
6	Lợi nhuận trước thuế	9.895	Tăng ~ 27%
	LNTT (riêng NH)	8.525	Tăng ~ 21%
7	Tỷ lệ chi trả cổ tức	~14%	

Đơn vị: Tỷ đồng

2. MỘT SỐ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM NĂM 2019

Chiến lược:

Tập trung nguồn lực triển khai 8 dự án chiến lược trọng điểm (App MB Bank, chuyển đổi và nâng cấp hệ thống CNTT hiện đại, CRM và Smart RM, BPM, PD, đổi mới phương pháp đào tạo và nâng cao năng lực lãnh đạo, Loyalty gắn kết trung thành khách hàng, Marketing số) đảm bảo tiến độ, tạo chuyển dịch chiến lược mạnh mẽ.

Hoàn thiện mô hình quản lý tập đoàn theo tiêu chuẩn, đặc biệt chuẩn hóa chất lượng nhân sự quản lý, điều hành công ty. Nâng cao hiệu quả bán chéo trong tập đoàn.

Kinh doanh:

Chú trọng khai thác sâu khách hàng theo từng phân khúc. Thiết kế và triển khai mô hình kinh doanh chú trọng trải nghiệm khách hàng như triển khai dự án NH cộng đồng – SME care.

Ưu tiên phát triển sản phẩm dịch vụ trên kênh số. Nâng cấp tính năng App MB Bank, One Office, Web MB... Triển khai dự án Marketing Ngân hàng số nhằm thay đổi căn bản hình ảnh và cách thức tiếp cận thị trường của MB.

Chú trọng thiết kế sản phẩm theo phương pháp luận mới, triển khai mô hình Innovation Lab.

Hoàn thiện các mô hình kinh doanh bán lẻ, ưu tiên phát triển thẻ, Bancas, hoạt động Ngân hàng đầu tư (IB), khách hàng FDI.

Công tác quản lý:

Tập trung các giải pháp phát triển kinh doanh gắn với kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng. Hoàn thiện tổ chức với 3 vòng bảo vệ chủ động theo TT 13/2018/TT-NHNN và tiêu chuẩn theo TT41/2016/TT-NHNN Basel 2. Cải tiến phương pháp luận kiểm tra kiểm soát nội bộ dựa trên bản đồ rủi ro, nhằm phòng ngừa triệt để các rủi ro phát sinh.

Cải cách hành chính mạnh mẽ, cải tiến quy trình tín dụng, phát hành thẻ. Quy hoạch giảm 30% hệ thống quy định nội bộ tại MB. Triệt để áp dụng SLA, quy định thời gian E2E phục vụ khách hàng các sản phẩm lõi của Ngân hàng.

Nâng cao giá trị thương hiệu, tăng cường marketing gắn với chất lượng dịch vụ.

Tinh gọn mô hình tổ chức tại hội sở, chuẩn hóa mô hình hoạt động các Chi nhánh/Phòng giao dịch. Cải tiến chất lượng đào tạo. Hoàn thiện cơ chế, chính sách, đãi ngộ cho người lao động gắn với hiệu quả công việc. Kien toan nhan su, quy hoach Top 50, HIPO chat luong cao.

Tiếp tục xây dựng các giá trị văn hóa MB tạo sự gắn kết đội ngũ, tinh thần đoàn kết, kỷ luật, phát huy sức mạnh tập thể với bản sắc văn hóa riêng MB. Giữ vững ổn định chính trị. Tổ chức các chương trình thi đua chào mừng kỷ niệm 25 năm thành lập Ngân hàng.

06

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

64 Những kết quả đạt được

72 Triển vọng và kế hoạch phát triển tương lai

NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM 2018



Sau 1 năm hoàn chỉnh xây dựng và triển khai chính thức Chiến lược phát triển giai đoạn 2017 - 2021 với tầm nhìn “Trở thành ngân hàng thuận tiện nhất”, phương châm “Đổi mới, hiện đại, hợp tác, bền vững” hướng đến mục tiêu “Top 5 các NHTM về hiệu quả kinh doanh và an toàn”, năm 2018 MB đã hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông giao phó.

Các chỉ tiêu của MB có sự tăng trưởng mạnh mẽ so với năm đầu triển khai Chiến lược: Lợi nhuận trước thuế hợp nhất MB và các công ty thành viên đạt **7.767 tỷ đồng**, tăng trưởng 68% so với năm 2017 (Trong đó, lợi nhuận trước thuế riêng ngân hàng đạt **7.030 tỷ đồng**, tăng trưởng 31,3% so với năm 2017); ROE hợp nhất **19,4%** (ROE riêng Ngân hàng đạt 18,73%). Năng suất lao động bình quân/người tăng 23% so với 2017. MB hoàn thành tăng vốn điều lệ lên **21.604 tỷ đồng**; cổ phiếu MB tiếp tục có tính thanh khoản cao và được các nhà đầu tư ưu tiên nắm giữ.

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ HỢP NHẤT MB VÀ CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN

↑ 68%

so với năm 2017

Bốn chuyển dịch chiến lược “**Ngân hàng số**”, “**Củng cố quan hệ khách hàng**”, “**Nâng cao năng lực Quản trị rủi ro**”, “**Quản lý hiệu quả hoạt động của các công ty thành viên**” được tập trung triển khai theo 3 trụ cột (Ngân hàng cộng đồng, Ngân hàng chuyên nghiệp theo ngành, Ngân hàng số) và trên 2 nền tảng (Quản trị rủi ro vượt trội và Năng lực thực thi nhanh) bước đầu tạo nhiều dấu ấn quan trọng trong hoạt động kinh doanh, khẳng định uy tín, vị thế của MB trên thị trường tài chính.

Cụ thể: đi đầu trong tính năng ngân hàng số với việc ứng dụng App - MB Bank và các mô hình kinh doanh mới hợp tác với Viettel (Viettel Pay), Vin-group (phát hành thẻ đồng thương hiệu MB - Vin ID), hợp tác với đối tác Bordier&Cie Singapore để triển khai dịch vụ KHCN cao cấp thu hút được đông đảo khách hàng quan tâm sử dụng, góp phần giúp tổng thu lãi thuần từ hoạt động dịch vụ tăng 78,2%. Các công ty thành viên đã có nhiều chuyển biến, hoạt động hiệu quả, an toàn, góp phần vào thành công chung của MB: Tổng Lợi nhuận trước thuế các công ty đạt 715 tỷ đồng; hoạt động bán chéo giữa MB và các công ty thành viên tăng trưởng mạnh, gấp 3 lần so với 2017). Đặc biệt trong năm, MB đã tập trung chỉ đạo rà soát và kiện toàn danh mục đầu tư góp vốn mua cổ phần của MB; chỉ đạo sát sao các thủ tục liên quan đến các phương án xử lý đối với các

khoản đầu tư thực hiện chuyển tiếp theo Thông tư 36/2014-NHNN, đảm bảo phù hợp quy định của pháp luật, công khai, minh bạch (hoàn thành chuyển nhượng vốn góp của MIC tại MIC Invest, chuyển nhượng vốn góp của MBAMC tại MBLand).

TƯ DUY “NGHĨ KHÁC BIỆT - TẠO CÁCH BIỆT” GIÚP MB CHỦ ĐỘNG, SÁNG TẠO VÀ ĐỔI MỚI TRONG HOẠT ĐỘNG

Tư duy “**Nghĩ khác biệt - Tạo cách biệt**” giúp MB chủ động, sáng tạo và đổi mới trong hoạt động; trong khi tính thống nhất/đoàn kết chặt chẽ giúp MB duy trì sự ổn định trong tổ chức hoạt động. Quyết định hợp tác với IBM triển khai dự án chuyển đổi CNTT trong 5 năm thể hiện quyết tâm cao của Ban Lãnh đạo Ngân hàng trong việc đưa MB trở thành Ngân hàng có hệ thống CNTT hàng đầu tại Việt Nam. Theo đó, MB đang triển khai nhiều giải pháp nâng cao năng lực công nghệ đảm bảo tỷ lệ sẵn sàng cao của các hệ thống lõi, áp dụng triển khai mạnh mẽ nhiều ứng dụng công nghệ vào tất cả các nghiệp vụ, các khâu của quy trình đảm bảo đáp ứng yêu cầu kinh doanh và các yêu cầu quản trị. Các dự án chiến lược đầu

tư phát triển trụ sở cho Ngân hàng tại các địa bàn trọng điểm như dự án trụ sở chính của MB tại 63 Lê Văn Lương, Hà Nội; dự án trụ sở MB khu vực miền Trung tại 54 Điện Biên Phủ thành phố Đà Nẵng, trụ sở MB tại Bình Dương... được triển khai đảm bảo chất lượng. Bên cạnh đó, việc hoàn thành thay đổi hình ảnh nhận diện mới cho toàn hệ thống mạng lưới giúp MB có diện mạo mới trẻ trung, năng động và đến gần hơn với đông đảo khách hàng trong và ngoài nước.

Tư duy về quản trị, điều hành trên phạm vi toàn MB và các CTTV theo các thông lệ quốc tế hướng đến sự minh bạch, hiệu quả; mô hình tổ chức được hoàn thiện theo hướng tách bạch quản trị và điều hành nhưng tập trung theo các mảng chức năng thẩm định - phê duyệt - vận hành - kế toán - tài chính cùng với việc kiện toàn nhân sự các cấp đảm bảo phù hợp với Chiến lược và các quy định pháp luật, tăng tính khách quan và kiểm soát tốt rủi ro, giải phóng lực lượng bán hàng, tiết kiệm nguồn lực hệ thống.

HĐQT chỉ đạo rà soát/hoàn thiện/ thiết lập các nguyên tắc/tiêu chuẩn/ các quy trình/chính sách khung, lõi của toàn MBGroup phù hợp quy định và theo đặc thù hoạt động, thực hành các thông lệ quản trị hiệu quả và theo lộ trình triển khai Basel 2. Đồng thời, trong năm HĐQT đã tập trung chỉ đạo kiện toàn tổ chức hoạt động và cơ chế vận hành của HĐQT, Thường trực HĐQT, các Ủy ban của HĐQT, hệ thống phân cấp thẩm quyền theo hướng tăng cường quản trị/giám sát cấp cao, hạn chế xử lý các sự vụ cụ thể, tuân thủ các quy định và hướng dẫn của NHNN (Thông tư 13/2018/TT-NHNN và Thông tư 41/2016/TT-NHNN....); tổ chức hoạt động hệ thống phê duyệt phù hợp với mô hình mới.

MB LUÔN TUÂN THỦ NGHIÊM TÚC CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VÀ CỦA NHNN, QUẢN LÝ CHẶT CHẼ CÁC GIỚI HẠN AN TOÀN THEO QUY ĐỊNH, ĐẢM BẢO SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÀ HIỆU QUẢ.

Tỷ lệ NPL hợp nhất của MB đến cuối 2018 ở mức 1,32% (trong đó NPL riêng NH là 1,21%), thấp hơn so với NPL toàn ngành (~2%). MB thực hiện trích lập dự phòng đầy đủ, tỷ lệ dự phòng /NPL luôn ở mức cao trên 80% và đạt 113% tại thời điểm 31/12/2018, giúp phòng ngừa và sẵn sàng nguồn tài chính để bù đắp các rủi ro phát sinh của khách hàng.

HĐQT đã chỉ đạo kiện toàn Khung quản trị rủi ro toàn hàng theo các

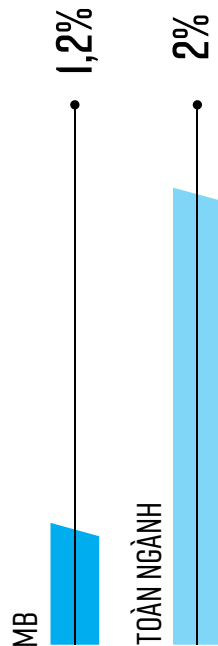
thông lệ tốt của Ủy ban Basel, COSO, ISO; xây dựng và vận hành Mô hình quản trị rủi ro theo 3 vòng bảo vệ tại MB và các CTTV theo thông lệ quốc tế và tư vấn của EY – Singapore đảm bảo phân tách rõ ràng trách nhiệm, chức năng nhiệm vụ các đơn vị trong việc củng cố vững vàng các rào chắn để phòng ngừa/nhận diện và giảm thiểu rủi ro trong các mặt hoạt động.

Các mô hình xếp hạng nội bộ, nguyên tắc và ngưỡng QTRR (mô hình xếp hạng tín dụng (Scoring), xác suất vỡ nợ (PD), tỷ lệ tổn thất ước tính khi khách hàng vỡ nợ (LGD)....) được tập trung xây dựng, hoàn thiện theo các tiêu chuẩn nâng cao của Basel II và tư vấn của đối tác Experian để hỗ trợ công tác thẩm định/phê duyệt đối với tất cả các phân khúc khách hàng, nâng cao năng lực kinh doanh, giám sát và quản lý khách hàng chủ động, hiệu quả. Với sự chuẩn bị chủ động, tích cực và kỹ lưỡng, MB đã sẵn sàng đáp ứng các điều kiện và năng lực triển khai tuân thủ Basel trước hạn. Theo đó, MB đã trình hồ sơ về NHNN đề xuất áp dụng Thông tư 41/2016/TT-NHNN trước hạn 01 năm so với quy định và đang nằm trong nhóm được NHNN xem xét cấp chứng nhận tuân thủ Basel trong Quý 2/2019.

Ảnh: Lễ ký kết hợp tác chiến lược MB - IBM



TỈ LỆ NPL CỦA MB SO VỚI TOÀN NGÀNH



Ảnh: Hoạt động tư vấn tại sàn giao dịch



THU NHẬP BÌNH QUÂN/THÁNG CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG NĂM 2018

↑ 17,6% so với cuối năm 2017

EPS (ĐỒNG/CỔ PHIẾU)

↑ 88% so với cuối năm 2017

NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

↑ 36% so với cuối năm 2017

Về công tác nhân sự, trong năm, ngoài đánh giá và sắp xếp nhân sự cấp cao trong hệ thống phù hợp với Chiến lược và các mô hình kinh doanh mới, việc phát triển đội ngũ nhân sự cấp cao/nhân sự đứng đầu đơn vị có chất lượng; xây dựng nguồn cán bộ có năng lực, tận tâm và sẵn sàng đương đầu với thách thức cũng luôn là công tác trọng tâm được ưu tiên.

HĐQT đã chỉ đạo hoàn thành quy hoạch Top 50, 100, là nguồn nhân sự kế cận có chất lượng cho MB và các công ty thành viên; chỉ đạo triển khai chương trình **"Leader Shift"**, Giám đốc trải nghiệm, tăng cường luân chuyển để đào tạo và thử thách nhân sự tiềm năng. Chương trình đã thu được các kết quả tích cực, tạo ra tính sẵn sàng cao của hệ thống.

Dự án **"Đổi mới phương pháp đào tạo"** được HĐQT chỉ đạo triển khai với sự tư vấn của nhà tư vấn hàng đầu về lĩnh vực đào tạo để giúp cán bộ nhân viên trang bị nền tảng kiến thức, kỹ năng đảm bảo cho sự phát triển trong tương lai của hệ thống và chính bản thân người lao động.

HĐQT đã luân chuyển/bổ nhiệm một số Giám đốc/Phó Giám đốc Khối chủ chốt và nhân sự cấp cao tại MB và các CTTV; chỉ đạo kiện toàn các quy định/chính sách về nhân sự, đào tạo. HĐQT đồng thời cũng chú trọng tới các chính sách gắn kết người lao động, giúp CBNV yên tâm cống hiến và đóng góp cho tổ chức thông qua triển khai các cơ chế tạo động lực, các chương trình cổ phiếu ưu đãi, chế độ bảo hiểm nhân thọ cho người lao động và người thân, các chương trình đào tạo tại nước ngoài...

Thu nhập của CBNV MB tiếp tục được cải thiện (thu nhập bình quân/tháng của người lao động năm 2018 có mức tăng trưởng ~ 17,6% so với cuối năm 2017).



Ảnh: Lễ ký kết hợp tác MB Private - Bordier

Năm 2018, HĐQT cũng đã hoàn thành các cam kết với cổ đông khi tăng vốn điều lệ lên 21.604 tỷ đồng, thông qua trả cổ tức đợt 2 năm 2017 bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 5% và chia cổ phiếu thưởng với tỷ lệ 14%, góp phần tăng tính thanh khoản cổ phiếu MBB, ổn định cơ cấu cổ đông. MB phần nào đáp ứng được kỳ vọng của các nhà đầu tư/các quỹ đầu tư nước ngoài mong muốn nắm giữ cổ phiếu MBB, củng cố tỷ lệ sở hữu của một số đối tác chiến lược và cổ đông đã gắn bó như Tập đoàn Viễn thông Quân đội (Viettel), Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn, Tổng Công ty Trục thăng Việt Nam, Tổng Công ty May 28, Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC).

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG CỦA MB TIẾP TỤC DUY TRÌ ĐƯỢC SỰ ỔN ĐỊNH VÀ THỐNG NHẤT CAO TRONG ĐỊNH HƯỚNG QUẢN TRỊ ĐIỀU HÀNH VÀ HỢP TÁC CÙNG PHÁT TRIỂN.

Là tổ chức niêm yết, MB đã thực hiện công khai minh bạch thông tin, thường xuyên cập nhật tình hình hoạt động trên các phương tiện thông tin đại chúng, trang web của ngân hàng và của các cơ quan quản lý liên quan.



VỐN ĐIỀU LỆ (TỶ ĐỒNG)

21.604

tăng so với năm 2017

ROE (LNTT/VCSH BÌNH QUÂN)

19,4%

so với năm 2017

Đối với cộng đồng xã hội, với định hướng xuyên suốt từ HĐQT - Ban Điều hành - toàn thể CBNV về phương châm **“có trách nhiệm với xã hội”**, toàn hệ thống và các công ty thành viên đã tích cực tham gia các chương trình từ thiện, an sinh xã hội trên phạm vi toàn quốc, đóng góp cho Ngân sách Nhà nước 2.200 tỷ đồng; trực tiếp tổ chức thực hiện và tham gia các chương trình xã hội từ thiện của Bộ Quốc phòng với tổng giá trị khoảng 150 tỷ đồng.

Trong đó, MB chú trọng tới các chương trình hỗ trợ thiết thực và hiệu quả cho cộng đồng như đóng góp kinh phí xây dựng nông thôn mới, nhà tình nghĩa cho các đối tượng chính sách/hộ nghèo tại An Giang, Quảng Trị, Cần Thơ..., hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai (bão, lũ) tại các khu vực trên cả nước...

Ảnh: Lễ ký kết hợp tác chiến lược MB - IBM



Đánh giá hoạt động của Tổng Giám đốc và các Thành viên Điều hành trong năm 2018,

CÔNG TÁC ĐIỀU HÀNH MỌI MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG ĐÃ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO ĐÚNG CHỈ ĐẠO, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT VÀ PHÙ HỢP QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT;

năng lực kinh doanh và quản trị điều hành ngân hàng được nâng cao, tạo được một số đột phá tích cực khi triển khai các chuyển dịch chiến lược. Công tác phối hợp giữa các thành viên trong hệ thống được tập trung đẩy mạnh, đặc biệt trong việc bán chéo, cung cấp các gói sản phẩm và dịch vụ cho khách hàng và tận dụng lợi thế về quy mô.



Ảnh: Lễ trao chứng chỉ PCI DSS V3.2

Bên cạnh phối hợp tích cực với Ban Kiểm soát trong việc chỉ đạo tổ chức các chương trình kiểm tra, kiểm toán toàn diện/đột xuất/chuyên đề trong MBGroup, HĐQT trao đổi thường xuyên để kịp thời nắm bắt và hỗ trợ Ban Điều hành, những người đại diện MB tại Công ty thành viên và các đơn vị giải quyết vướng mắc, đáp ứng hoạt động kinh doanh.

Trong năm, các cuộc họp HĐQT và các Ủy ban của HĐQT được tổ chức hàng quý, các cuộc họp Thường trực HĐQT được tổ chức hàng tuần; HĐQT vận hành cơ chế tổ chức lấy ý kiến thường xuyên để giải quyết kịp thời các nội dung thuộc thẩm quyền theo quy định; ngoài ra Chủ tịch HĐQT và các Thành viên HĐQT tích cực phát huy vai trò và dành nhiều thời gian làm việc trực tiếp với các đơn vị để đánh giá chính xác tình hình hoạt động và định hướng/chỉ đạo phù hợp với thực tế.

NHƯ VẬY, NĂM 2018 HĐQT MB ĐÃ THỰC HIỆN TÍCH CỰC VAI TRÒ CHỨC NĂNG QUẢN TRỊ ĐIỀU HÀNH THEO ĐÚNG CÁC CAM KẾT VỚI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG.

MB giữ vững sự ổn định nội bộ, quản trị tốt rủi ro, đoàn kết, tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật và tạo được nhiều đột phá và chuyển biến hiệu quả trong hoạt động.

Bằng những kết quả đạt được, MB tiếp tục tạo dựng được lòng tin với khách hàng, cổ đông; khẳng định vị thế của mình trên thị trường và đóng góp tích cực vào việc thực hiện các chính sách tiền tệ của NHNN VN và vinh dự được nhận nhiều cờ thi đua của Chính Phủ, Bộ Quốc Phòng, Ngân hàng Nhà nước và Bộ Tài chính, đồng thời đạt **"Top 50 Doanh nghiệp niêm yết tốt nhất Việt Nam"** theo chương trình bình chọn của Forbes Việt Nam. Đồng thời, theo đánh giá của The Asian Banker, Ngân hàng TMCP Quân Đội (MB) xếp ở vị trí thứ 3 trong 14 ngân hàng Việt Nam lọt Top danh sách 500 ngân hàng mạnh nhất thuộc Khu vực châu Á - Thái Bình Dương năm 2018.



TRIỂN VỌNG VÀ KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Dù có nhiều biến động khó lường từ môi trường thế giới, tình hình kinh tế vĩ mô trong nước vẫn có những tín hiệu phục hồi và tăng trưởng khả quan trong năm 2018, đang tạo tiền đề phát triển cho năm 2019.

Các tổ chức lớn dự báo tăng trưởng của Việt Nam 2019 ở mức 6,7% - 6,8% với một số động lực tăng trưởng chính trong năm 2019 bao gồm: Sự cải thiện môi trường kinh doanh, tái cơ cấu kinh tế cùng với việc ưu tiên ổn định kinh tế vĩ mô của Chính phủ; Áp lực nợ công đã giảm so với 2 năm trước, thúc đẩy cổ phần hóa và khuyến khích phát triển khối doanh nghiệp tư nhân, triển khai mạnh các dự án đầu tư công,...

Về ngành ngân hàng, dư địa điều hành chính sách tiền tệ, tín dụng vẫn còn khi NHNN vẫn chủ trương điều hành chính sách tiền tệ thận trọng, linh hoạt; tỷ giá và lãi suất biến động trong tầm kiểm soát của NHNN.

Dự báo trong năm 2019, doanh thu toàn ngành tăng trưởng trên dưới 15% tùy theo từng kịch bản. Nguồn doanh thu sẽ đến từ tăng trưởng tự nhiên khi tín dụng tăng trưởng khoảng 15% cùng các nỗ lực cải thiện năng suất,

tối ưu chi phí và tích cực thu hồi nợ xấu của các ngân hàng. MB sẽ nỗ lực cải cách, tăng cường sức cạnh tranh, hoàn thiện các mô hình kinh doanh để đạt mức tăng trưởng cao hơn thị trường từ 30 - 60%.

Đối với MB, năm 2019 là mốc quan trọng của giai đoạn nhiệm kỳ mới (2019 - 2024) và là năm MB kỷ niệm 25 năm ngày thành lập Ngân hàng. HĐQT sẽ lựa chọn các nhân sự có tài, có đức và đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định và thông lệ quản trị tốt nhất để đề cử với Đại hội đồng cổ đông bầu vào vị trí HĐQT và BKS nhiệm kỳ mới. Những thành công và kinh nghiệm thu được sau quá trình đổi mới toàn diện sẽ tạo động lực mạnh mẽ giúp Ngân hàng vượt qua được những trở ngại và tận dụng tốt cơ hội phát triển và vững bước trong giai đoạn mới.

Với sự chỉ đạo kịp thời, sát sao từ HĐQT, sự giám sát chặt chẽ từ BKS và đặc biệt là sự nhạy bén, linh hoạt, quyết liệt của Ban Điều hành và truyền thống văn hóa đoàn kết, gắn bó của người MB, cùng sự tận tâm nỗ lực cố gắng của toàn thể cán bộ nhân viên trên toàn hệ thống, MB quyết tâm hoàn thành tốt nhiệm vụ và kế hoạch năm 2019, tiếp tục theo đuổi tầm nhìn chiến lược "Trở thành Ngân hàng thuận tiện nhất", bám sát mục tiêu chiến lược "TOP 5 các NHTM về hiệu quả kinh doanh và an toàn".



Ảnh: Cán bộ công nhân viên MB tại Hội sở

NĂM 2019, HĐQT CAM KẾT LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO KỊP THỜI, SÁT SAO VÀ ĐỒNG HÀNH CÙNG BAN ĐIỀU HÀNH, ĐƯA MB VỮNG BƯỚC TIẾN LÊN HOÀN THÀNH, HOÀN THÀNH XUẤT SẮC CÁC NHIỆM VỤ NĂM 2019 VỚI KHÍ THỂ "CHIẾN QUYẾT LIỆT, TẠO CÁCH BIỆT"

Kế thừa và phát huy các thành tựu đạt được, Ngân hàng tiếp tục triển khai đồng bộ **04 chuyên dịch chiến lược** (Ngân hàng số, Nâng cao Quan hệ khách hàng, QTRR vượt trội, Nâng cao hiệu quả hoạt động các Công ty thành viên) cùng với các giải pháp kinh doanh (Triển khai toàn diện ngân hàng cộng đồng và SME CARE; Phát triển bán lẻ - dịch vụ; Đổi mới toàn diện Phòng giao dịch,...); tập trung thực hiện các biện pháp tăng doanh thu, năng suất, đồng thời quản lý tốt chi phí hoạt động...

MB vẫn tiếp tục duy trì mức tăng trưởng Thu phí dịch vụ cao trong năm tới nhờ củng cố các mô hình kinh doanh truyền thống đồng thời tăng cường đầu tư phát triển các mô hình kinh doanh mới như kinh doanh bảo hiểm qua ngân hàng (bancassurance), Ngân hàng số và Ngân hàng giao dịch, nghiệp vụ ngân hàng đầu tư và quản lý tài sản,....

Bên cạnh những nỗ lực đẩy mạnh hoạt động kinh doanh, Ngân hàng luôn đảm bảo tuân thủ các quy định của Ngân hàng Nhà nước và của Chính phủ với kim chỉ nam là "thượng tôn

pháp luật; tập trung kiện toàn tổ chức hoạt động, hệ thống quy định, chính sách nội bộ theo hướng tăng cường quản trị và giám sát cấp cao với sự hỗ trợ hiệu quả; đồng thời quan tâm tới công tác bồi dưỡng và đào tạo để phát triển đội ngũ cán bộ các cấp có chất lượng làm nòng cốt cho MB hiện tại và tương lai; đẩy mạnh hoạt động bán chéo trong tập đoàn và phát triển các sản phẩm dịch vụ ngân hàng tài chính hiện đại mang lại nhiều giá trị gia tăng hơn cho khách hàng và các cổ đông.

Năm 2019, HĐQT cam kết lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời, sát sao và đồng hành cùng Ban Điều hành, đưa MB vững bước tiến lên hoàn thành, hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ năm 2019 với khí thể "Chiến quyết liệt, tạo cách biệt", đồng thời các công ty thành viên phấn đấu bám đuổi mục tiêu hiệu quả mà MB đang duy trì, tập trung các hoạt động cốt lõi, tăng cường bán chéo với các đơn vị trong toàn hệ thống MB, góp phần cung cấp các giải pháp tài chính trọn gói nhiều tiện ích tới khách hàng, giúp gia tăng giá trị cho cổ đông và các nhà đầu tư.



07

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

76 Hoạt động của Hội đồng quản trị

80 Hoạt động của Ban kiểm soát

86 Các giao dịch thù lao, lợi ích của Hội đồng quản trị,
Ban kiểm soát, Ban điều hành

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG CÁC CUỘC HỌP CỦA HĐQT, THƯỜNG TRỰC HĐQT VÀ CÁC ỦY BAN CỦA HĐQT

Trong năm 2018, HĐQT, Thường trực HĐQT và các ủy ban của HĐQT đã tổ chức 56 phiên họp (gồm 4 phiên họp thường kỳ của HĐQT và 52 phiên họp theo cơ chế Thường trực HĐQT và các ủy ban của HĐQT) để định hướng, chỉ đạo hoạt động của MB và các Công ty thành viên trong từng thời kỳ, xem xét quyết định các công việc thuộc thẩm quyền xử lý của HĐQT, phù hợp quy định pháp luật, quy định nội bộ của MB, hỗ trợ hiệu quả cho Ban Điều hành, những người đại diện MB tại Công ty thành viên và các đơn vị giải quyết vướng mắc, đáp ứng hoạt động kinh doanh.

Chi tiết thống kê sự tham gia của các Thành viên HĐQT tại các phiên họp HĐQT, Thường trực HĐQT và các Ủy ban trong năm như sau:

STT NO	THÀNH VIÊN HĐQT	CHỨC VỤ	NGÀY BẮT ĐẦU LÀ THÀNH VIÊN HĐQT	SỐ BUỔI HỌP /ỦY QUYỀN THAM DỰ	TỶ LỆ THAM DỰ HỌP	LÝ DO KHÔNG THAM DỰ HỌP	GHI CHÚ
1	Lê Hữu Đức	Chủ tịch HĐQT	23.04.2014	45/45	100%		TV HĐQT, TT HĐQT, Ủy ban Nhân sự, Hội đồng Xử lý rủi ro
2	Nguyễn Mạnh Hùng	Phó Chủ tịch	23.04.2014	26/32	81,25%	Lịch công tác	TV HĐQT, TT HĐQT, Ủy ban Nhân sự, Ủy ban QTRR đến 31/07/2018 Không còn là TV HĐQT MB từ 31/07/2018
3	Lưu Trung Thái (Người được ủy quyền CBTT)	Phó Chủ tịch kiêm TGĐ	23.04.2014	56/56	100%		TV HĐQT, TT HĐQT và các Ủy ban, Hội đồng xử lý rủi ro
4	Lê Công	Phó Chủ tịch	23.04.2014	56/56	100%		TV HĐQT, TT HĐQT và các Ủy ban, Hội đồng xử lý rủi ro
5	Lê Thị Ngọc	Thành viên	23.04.2014	55/56	98,21%	Lịch công tác	TV HĐQT, TT HĐQT, Ủy ban QTRR, Ủy ban Nhân sự, Hội đồng xử lý rủi ro
6	Nguyễn Thị Thủy	Thành viên	23.04.2014	56/56	100%		TV HĐQT, TT HĐQT và các Ủy ban, Hội đồng xử lý rủi ro
7	Hà Tiến Dũng	Thành viên	23.04.2014	4/4	100%		TV HĐQT
8	Nguyễn Văn Hùng	Thành viên	23.04.2014	4/4	100%		TV HĐQT
9	Nguyễn Đăng Nghiêm	Thành viên	23.04.2014	4/4	100%		TV HĐQT
10	Nguyễn Văn Huệ	Thành viên HĐQT độc lập	23.04.2014	13/13	100%		TV HĐQT, Ủy ban QTRR
11	Nguyễn Chí Thành	Thành viên	28.04.2016	4/4	100%		TV HĐQT

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ỦY BAN THUỘC HĐQT

THÔNG TIN CÁC THÀNH VIÊN ỦY BAN

ỦY BAN NHÂN SỰ

- | | |
|------------------------|--|
| • Ông Lê Hữu Đức | Chủ nhiệm Ủy ban |
| • Ông Nguyễn Mạnh Hùng | Phó Chủ nhiệm Ủy ban
<i>(đến 31/07/2018; từ 01/08/2018 không còn là Thành viên HĐQT MB)</i> |
| • Ông Lưu Trung Thái | Thành viên Ủy ban |
| • Ông Lê Công | Thành viên Ủy ban |
| • Bà Nguyễn Thị Thủy | Thành viên Ủy ban |
| • Bà Nguyễn Thị Ngọc | Thành viên Ủy ban |
| • Ông Trần Minh Đạt | Bí Thư Đảng ủy – Phó Tổng giám đốc -
Thành viên Ủy ban |

ỦY BAN QUẢN TRỊ RỦI RO

- | | |
|------------------------|---|
| • Ông Lê Công | Chủ nhiệm Ủy ban |
| • Ông Nguyễn Mạnh Hùng | Thành viên Ủy ban
<i>(đến 31/07/2018; từ 01/08/2018 không còn là Thành viên HĐQT MB)</i> |
| • Ông Lưu Trung Thái | Thành viên Ủy ban |
| • Bà Nguyễn Thị Thủy | Thành viên Ủy ban |
| • Bà Nguyễn Thị Ngọc | Thành viên Ủy ban |
| • Ông Nguyễn Văn Huệ | Thành viên Ủy ban/Thành viên
HĐQT độc lập |

ỦY BAN TÍN DỤNG

- | | |
|----------------------|-------------------|
| • Ông Lưu Trung Thái | Chủ nhiệm Ủy ban |
| • Bà Nguyễn Thị Thủy | Thành viên Ủy ban |
| • Ông Lê Công | Thành viên Ủy ban |

THÔNG TIN VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ỦY BAN CỦA HĐQT TRONG NĂM

ỦY BAN QUẢN TRỊ RỦI RO

Ủy ban Quản trị rủi ro đã tổ chức 07 cuộc họp để thực hiện các công việc thuộc chuyên đề rủi ro tín dụng, thị trường, hoạt động và các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Ủy ban, gồm: đánh giá kết quả hoạt động của Ủy ban QTRR năm 2017 và định kỳ quý năm 2018; chỉ đạo triển khai dự án Basel II theo lộ trình, các giải pháp duy trì các ngưỡng giới hạn an toàn; định hướng các nội dung triển khai theo Thông tư 13/2018/TT-NHNN, Thông tư 41/2016/TT-NHNN (bao gồm chỉ đạo kiện toàn hệ thống các quy định nội bộ về phân cấp thẩm quyền, các quy định/chính sách quản lý rủi ro,...); chỉ đạo nghiên cứu xây dựng chức năng, nhiệm vụ của các tuyến bảo vệ; xác định quy trình, thiết lập các chốt kiểm soát và đầu tư công nghệ để tăng cường năng lực kiểm soát rủi ro; đẩy mạnh xử lý nợ xấu theo Nghị quyết 42/2017/QH14; rà soát các giới hạn/điều kiện cấp tín dụng đối với khách hàng, nghiên cứu điều chỉnh các chính sách/sản phẩm để quản trị rủi ro hiệu quả; chỉ đạo kiểm soát rủi ro chặt chẽ về vận hành công nghệ, hệ thống thanh toán của Ngân hàng; đánh giá, phân tích về biến động nhân sự; ban hành Chính sách Tín dụng năm 2018; chỉ đạo xây dựng Quy chế về QTRR tập đoàn của MB, Chính sách QTRR Công nghệ thông tin, các nguyên tắc/cơ chế áp dụng cộng biên bổ sung trên các giới hạn giao dịch; định hướng phương pháp luận xây dựng bộ chỉ tiêu xếp hạng với các FI; Thường xuyên giám sát chất lượng tín dụng của MB;

ỦY BAN NHÂN SỰ

Ủy ban Nhân sự đã tổ chức họp 06 cuộc để định hướng điều chỉnh Mô hình tổ chức của Khối Thẩm định và phê duyệt tín dụng; Bổ nhiệm vị trí GD QTRR tập đoàn, Kế toán trưởng MB và các vị trí lãnh đạo Khối/Ban Hội sở của MB; phỏng vấn ứng viên đề luân chuyển/bổ nhiệm nhân sự vị trí GD Chi nhánh của MB; định hướng nhân sự cấp cao của các CTTV; Đánh giá kết quả thực hiện công việc năm 2017, 6 tháng 2018 của các thành viên HĐQT, Ban Điều hành và các CBQL thuộc thẩm quyền bổ nhiệm cấp HĐQT; ban hành Quy định tuyển dụng và Quy định đào tạo CBNV của MB (sửa đổi); chỉ đạo hiệu chỉnh Quy chế luân chuyển bổ nhiệm cán bộ.

ỦY BAN TÍN DỤNG

Ủy ban Tín dụng ưu tiên lấy ý kiến biểu quyết từ xa (bằng văn bản/email), tập trung đóng góp xây dựng các chính sách liên quan, tạo hành lang pháp lý cho hoạt động tín dụng, đáp ứng hiệu quả hơn nhu cầu kinh doanh của MB như: tham gia tích cực đóng góp ý kiến với Ủy ban Quản trị rủi ro trong quá trình xây dựng Chính sách tín dụng, thiết lập mô hình phê duyệt và hệ thống thẩm quyền, giám sát chất lượng tín dụng; chỉ đạo và định hướng các cơ quan xây dựng hạn mức, quy hoạch các nhóm Khách hàng có quan hệ về sở hữu

Ngoài ra, Ủy ban Tín dụng thực hiện phê duyệt đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền phán quyết của Hội đồng Quản trị liên quan đến cấp tín dụng và ban hành các gói sản phẩm tín dụng phù hợp với các quy định của pháp luật và đảm bảo an toàn, hiệu quả cho MB.

BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, Điều lệ MB, Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát, Ban Kiểm soát đã tổ chức triển khai và hoàn thành kế hoạch hoạt động năm 2018 được Đại hội đồng cổ đông thông qua với các nội dung chính sau:



01

TỔ CHỨC VÀ PHÂN CÔNG TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 đã thông việc qua việc điều chỉnh thành viên Ban Kiểm soát: miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát Nguyễn Thanh Bình và bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát Đỗ Văn Hưng. Sau Đại hội đồng cổ đông, Ban Kiểm soát đã kịp thời họp kiện toàn tổ chức hoạt động, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên Ban Kiểm soát trên cơ sở năng lực, trình độ và kinh nghiệm của từng thành viên. Các thành viên Ban Kiểm soát đã bắt tay ngay vào công việc theo nhiệm vụ được phân giao. Định kỳ hàng quý, Ban Kiểm soát đã tổ chức họp để xem xét giải quyết các công việc theo đúng quy định pháp luật và quy định nội bộ MB và đưa ra các quyết nghị, chỉ đạo kịp thời hoạt động kiểm toán nội bộ tại MB và CTTV.

02

THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát đã thực hiện giám sát việc tuân thủ quy định Pháp luật, Điều lệ MB và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đảm bảo tính toàn diện theo đúng quy định pháp luật, đồng thời tập trung theo các chuyên đề như: Giám sát giao dịch với các bên liên quan theo quy định của pháp luật; giám sát việc thực thi chiến lược giai đoạn 2017 - 2021; tái cấu trúc MB và các công ty thành viên; Giám sát việc

thực hiện xử lý nợ xấu của MB; Giám sát tài chính và đầu tư của MB và các công ty thành viên. Nhìn chung, trong năm 2018, MB đã tổ chức triển khai hoạt động kinh doanh theo đúng mục tiêu kế hoạch đề ra, các chỉ tiêu kinh doanh đều hoàn thành và hoàn thành vượt kế hoạch; hoạt động MB an toàn, lành mạnh, tuân thủ các quy định Pháp luật, Điều lệ MB và Quyết nghị của Đại hội đồng cổ đông.

03

THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Thực hiện thẩm định báo cáo tài chính định kỳ 6 tháng, 1 năm theo đúng quy định, Ban Kiểm soát đã chỉ đạo Cơ quan Kiểm toán nội bộ trao đổi và phối hợp chặt chẽ với Công ty kiểm toán độc lập EY, đồng thời giám sát và đánh giá chất lượng kiểm toán của Công ty kiểm toán độc lập EY, đảm bảo báo cáo tài chính riêng MB và hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và hợp nhất của MB năm 2018.

04

TRIỂN KHAI KIỂM TOÁN, KIỂM TRA KIỂM SOÁT TẠI MB VÀ CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN

Ban Kiểm soát đã chỉ đạo Kiểm toán nội bộ đổi mới phương pháp kiểm toán theo thông lệ quốc tế IIA, tập trung kiểm toán các hệ thống, quy

trình nhằm kịp thời phát hiện các rủi ro cao và đưa ra kiến nghị nhằm hoàn thiện, kiện toàn các hoạt động, hệ thống và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động kinh doanh. Trong năm 2018, MB và các công ty thành viên đã tổ chức hơn 60 chương trình kiểm tra, kiểm soát, kiểm toán theo kế hoạch và đột xuất như: kiểm toán hoạt động quản lý tài sản; kiểm toán hoạt động quản lý tiền mặt; kiểm toán tỷ lệ an toàn vốn của MB; kiểm toán chi nhánh Campuchia, chi nhánh Lào; kiểm toán các chuyên đề/đơn vị tại các công ty thành viên... Các phát hiện kiểm toán tập trung vào một số rủi ro như: rủi ro tài chính, hoạt động và tuân thủ và đã được các đơn vị tích cực chỉnh sửa ngay trong quá trình kiểm toán và sau thời điểm kiểm toán.

05

CẬP NHẬT DANH SÁCH NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Ban Kiểm soát đã thực hiện quản lý danh sách cổ đông sách lập, cổ đông lớn và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Ban Điều hành của MB và cập nhật thông tin định kỳ theo đúng quy định pháp luật.

06

KIỆN TOÀN HỆ THỐNG QUY ĐỊNH NỘI BỘ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát đã chỉ đạo kiện toàn hệ thống quy định nội bộ của Ban Kiểm soát theo Luật các tổ chức tín dụng

sửa đổi, Thông tư 13/2018TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước và các quy định pháp luật liên quan, đồng thời cập nhật theo các thông lệ quốc tế về hoạt động kiểm soát, kiểm toán nội bộ. Trong năm 2018 đã ban hành bổ sung, chỉnh sửa các quy định quan trọng như: Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS; Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp thành viên Ban Kiểm soát; Quy chế tổ chức và hoạt động Cơ quan Kiểm toán nội bộ MB...

07

NÂNG CAO NĂNG LỰC KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Ban Kiểm soát đã chỉ đạo tổ chức thuê đơn vị tư vấn độc lập là Công ty TNHH PWC Việt Nam đánh giá mức độ trưởng thành của Kiểm toán nội bộ MB theo thông lệ quốc tế (IIA) nhằm tiếp tục kiện toàn và chuyên nghiệp hóa hoạt động kiểm toán nội. Kết quả đánh giá cho thấy, hoạt động kiểm toán nội bộ MB đã được xây dựng bài bản, có hệ thống và tính chuyên nghiệp cao; kiểm toán nội bộ MB có mức trưởng thành đạt trên mức 3 so với thang 5 mức phát triển theo thông lệ quốc tế (IIA) và thuộc top đầu tại thị trường Việt Nam.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BKS, BĐH



LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Việc Sử dụng quỹ thù lao và ngân sách hoạt động của HĐQT và Ban Kiểm soát nằm trong hạn mức đã được ĐHĐCĐ phê duyệt năm 2018. Thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát được hưởng thù lao, lương, thưởng và các lợi ích khác theo kết quả thực hiện công việc và theo kết quả kinh doanh của Ngân hàng, đảm bảo phù hợp Điều lệ MB, các quy định nội bộ của MB về lương/đãi ngộ, các quy định hiện hành có liên quan.

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

(Các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên)

- Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ có số lượng cổ phiếu phát sinh tăng trong kỳ do tham gia chương trình tăng vốn điều lệ năm 2018.
- Người liên quan của người nội bộ có phát sinh giao dịch trong kỳ cụ thể như sau:

STT NO	NGƯỜI THỰC HIỆN GIAO DỊCH	QUAN HỆ VỚI NGƯỜI NỘI BỘ	SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU ĐẦU KÌ		SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU CUỐI KÌ		LÝ DO TĂNG, GIẢM (MUA, BÁN, CHUYỂN ĐỔI, THƯỞNG...)
			SỐ CỔ PHIẾU	TỶ LỆ	SỐ CỔ PHIẾU	TỶ LỆ	
1	Bà Lương Thị Hải Hà	Ông Nguyễn Mạnh Hùng- Phó chủ tịch HĐQT MB đến 31/07/2018, là chồng Bà Lương Thị Hải Hà	43.769	0.00241	52.084	0.00241	- Mua 13.000 cổ phiếu để đầu tư tài chính. - Bán 13.000 cổ phiếu vì lý do giải quyết việc cá nhân. - Tăng 8.315 cổ phiếu do MB phát hành cổ phiếu để trả cổ tức đợt 2 năm 2017 và cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu.
2	Ông Nguyễn Văn Hải	Ông Nguyễn Văn Hùng- Thành viên HĐQT MB là anh trai Ông Nguyễn Văn Hải	11.884	0.00065	7.477	0.00035	- Bán 5.600 cp vì lý do giải quyết việc cá nhân. - Tăng 1.193 cổ phiếu do MB phát hành cổ phiếu để trả cổ tức đợt 2 năm 2017 và cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu
3	Công ty TNHH MTV Đầu tư SCIC	Ông Nguyễn Chí Thành -Thành viên HĐQT MB là Phó TGĐ phụ trách tại Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước- công ty mẹ của Công ty TNHH MTV đầu tư SCIC	1.655.093	0.09116	1.664.561	0.07705	- Bán 256.300 cp để đầu tư tài chính. - Tăng 265.768 cổ phiếu do MB phát hành cổ phiếu để trả cổ tức đợt 2 năm 2017 và cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu
4	Bà Lê Thị Lai	Bà Lê Thị Lợi - Phó tổng giám đốc kiêm Giám đốc tài chính MB là em gái Bà Lê Thị Lai	17.441	0.00096	1	0.00000	- Bán 17.440 cp vì lý do chi tiêu cá nhân
5	Công ty TNHH MTV Trực thăng Miền Bắc	Ông Hà Tiến Dũng- Thành viên HĐQT MB- Chủ tịch kiêm TGĐ Tổng công ty Trực thăng Việt Nam- Công ty mẹ của Công ty TNHH MTV Trực thăng Miền Bắc	14.060.025	0.77444	15.184.427	0.70284	- Bán 1.300.000 cp vì lý do giải quyết nhu cầu vốn của doanh nghiệp - Tăng 2.424.402 cổ phiếu do MB phát hành cổ phiếu để trả cổ tức đợt 2 năm 2017 và cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu.

STT NO	NGƯỜI THỰC HIỆN GIAO DỊCH	QUAN HỆ VỚI NGƯỜI NỘI BỘ	SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU ĐẦU KÌ		SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU CUỐI KÌ		LÝ DO TĂNG, GIẢM (MUA, BÁN, CHUYỂN ĐỔI, THƯỜNG...)
			SỐ CỔ PHIẾU	TỶ LỆ	SỐ CỔ PHIẾU	TỶ LỆ	
6	Ông Hà Trọng Khiêm	Phó Tổng Giám đốc MB	129.367	0.00713	34.946	0.00162	- Bán 100.000 cổ phiếu vì lý do tiêu dùng cá nhân. - Tặng 5.579 cổ phiếu do MB phát hành cổ phiếu để trả cổ tức đợt 2 năm 2017 và cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu.
7	Ông Lê Hải	Phó Tổng Giám đốc MB	82.023	0.00452	10.007	0.00046	- Tặng 15.584 cổ phiếu do MB trả cổ tức đợt 2 năm 2017 và cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu. - Bán 87.600 cổ phiếu vì lý do giải quyết việc cá nhân.
8	Ông Trần Trọng Hương	Bà Nguyễn Thị Thủy- Thành viên HĐQT MB là vợ Ông Trần Trọng Hương	271.000	0.01493	271.000	0.01254	- Tặng 51.490 cổ phiếu do MB trả cổ tức bằng cổ phiếu và tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu. - Bán 51.490 cp vì lý do giải quyết việc cá nhân.
9	Bà Nguyễn Minh Châu	Thành viên cao cấp Ban điều hành MB	251.375	0.01385	149.135	0.00690	- Tặng 47.760 cổ phiếu do MB trả cổ tức bằng cổ phiếu và tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu. - Bán 150.000 cp vì lý do giải quyết việc cá nhân.
10	Công đoàn cơ sở Ngân hàng TMCP Quân đội	Tổ chức chính trị xã hội của MB	1.280.644	0.07054	1.946.510	0.09010	- Tặng 372.214 cổ phiếu do thu hồi cổ phiếu của CBNV MB nghỉ việc trước hạn theo quy định. - Tặng 293.652 cổ phiếu do MB trả cổ tức bằng cổ phiếu và tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu.

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

Không phát sinh nội dung công bố.

VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

TRONG NHỮNG NĂM QUA, MB LUÔN TUÂN THỦ TỐT CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY;

đồng thời thường xuyên tiếp thu, cập nhật thông lệ quản trị công ty tiên tiến nhằm nâng cao tính hiệu quả trong hoạt động quản lý, điều hành tại MB. Theo đó, MB đã kiện toàn các Quy chế về quản trị nội bộ, Quy chế tổ chức hoạt động của HĐQT, BKS, Quy chế tổ chức hoạt động của Ban Điều hành, Quy chế Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán...phù hợp với quy định về quản trị công ty. Bên cạnh đó, MB luôn tự hào là một trong những Ngân hàng thương mại tại Việt Nam thực hiện tốt chính sách đối với các bên có liên quan (cổ đông, đối tác, khách hàng và CBNV, cộng đồng địa phương).

Đối với cổ đông, MB đảm bảo thực hiện đầy đủ các quyền của cổ đông, đối xử công bằng, minh bạch; đồng thời, cam kết: 1) Quản trị doanh nghiệp theo thông lệ tốt nhất để bảo vệ giá trị cổ phiếu, đảm bảo quyền lợi cổ đông; 2) Cam kết cung cấp các bản báo cáo tài chính chất lượng, chính trực và minh bạch; 3) Cập nhật các cổ



đồng về tình hình hoạt động của doanh nghiệp; Kết quả, năm 2018 MB nằm trong **“Top 50 Doanh nghiệp niêm yết tốt nhất Việt Nam”** theo chương trình bình chọn của Forbes Việt Nam.

Đối với đối tác và khách hàng, MB nỗ lực không ngừng cải tiến chất lượng dịch vụ với mong muốn đến lại các sản phẩm tiện ích và giá trị gia tăng; Các chính sách quản trị rủi ro, tín dụng của MB phù hợp với quy định của NHNN, kiểm soát rủi ro chặt chẽ và hướng đến sự đảm bảo về an toàn cho các dịch vụ cung cấp tới khách hàng. MB là đối tác tin cậy được đánh giá cao với chính sách và chất lượng dịch vụ tốt.

Đối với CBNV, MB tạo công ăn việc làm cho hơn 9.000 người lao động trong toàn hệ thống và MB được bình chọn Top 3 nơi làm việc tốt nhất Việt Nam trong ngành tài chính - ngân hàng (theo chương trình khảo sát do Apha-be thực hiện trong cả năm 2017). MB có các chính sách quản lý, đãi ngộ và

phát triển nhân sự tiên tiến được áp dụng, chú trọng các cơ chế tạo động lực bên cạnh những giá trị văn hóa doanh nghiệp được đúc kết từ nhiều năm giúp MB thu hút cũng như giữ chân đội ngũ nhân sự có kinh nghiệm, đạo đức, gắn bó, nhiệt huyết.

Đối với cộng đồng địa phương, MB thực hiện tốt các nghĩa vụ đóng thuế, là một doanh nghiệp có trách nhiệm với xã hội, tham gia đóng góp về kinh phí cho các hoạt động xây dựng địa phương tại những nơi MB hiện diện, đóng góp tích cực cho các hoạt động xã hội, từ thiện

(Chi tiết của từng mục, xin xem thêm tại các mục riêng trong Báo cáo).



08

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

- 88 Thông tin chung
- 92 Báo cáo của ban điều hành
- 94 Báo cáo kiểm toán độc lập
- 96 Bảng cân đối kế toán hợp nhất
- 100 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
- 102 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
- 105 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUÂN ĐỘI

THÔNG TIN CHUNG

THÔNG TIN VỀ NGÂN HÀNG

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (sau đây gọi tắt là “Ngân hàng”), là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập và đăng ký tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Ngân hàng được thành lập theo Giấy phép Hoạt động số 100/NH-GP ngày 17 tháng 10 năm 2018 do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNN”) cấp, thay thế Giấy phép hoạt động số 0054/NH-GP ngày 14 tháng 9 năm 1994. Thời hạn hoạt động của Ngân hàng là 99 năm kể từ ngày 14 tháng 9 năm 1994. Ngân hàng đang hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100283873 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 30 tháng 9 năm 1994 và giấy phép thay đổi lần thứ 43 ngày 2 tháng 11 năm 2018.

Hoạt động chính hiện tại của Ngân hàng là thực hiện các giao dịch ngân hàng, bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ, các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế, chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác; cung cấp dịch vụ thanh toán và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNN cho phép.

Mạng lưới hoạt động

Hội sở chính của Ngân hàng đặt tại số 21 Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Ngân hàng có một (1) Hội sở chính, một trăm lẻ một (101) chi nhánh (bao gồm chi nhánh Ngân hàng TMCP Quân đội tại Lào và tại Campuchia), một trăm chín bảy (197) phòng giao dịch, và một (1) văn phòng đại diện tại nước ngoài.

Vốn điều lệ

Vốn điều lệ của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 21.604.514 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 18.155.054 triệu đồng).

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CỦA NGÂN HÀNG TRONG KỲ VÀ VÀO NGÀY LẬP BÁO CÁO NÀY NHƯ SAU:

Ông Lê Hữu Đức	Chủ tịch	Bỏ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2014
Ông Lưu Trung Thái	Phó Chủ tịch	Bỏ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2014
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Phó Chủ tịch	Bỏ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2014 Miễn nhiệm ngày 31 tháng 7 năm 2018
Ông Lê Công	Phó Chủ tịch	Bỏ nhiệm ngày 16 tháng 1 năm 2017
Ông Hà Tiến Dũng	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2014
Ông Nguyễn Đăng Nghiêm	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2014
Bà Nguyễn Thị Thủy	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2014
Bà Nguyễn Thị Ngọc	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2014
Ông Nguyễn Văn Hùng	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2014
Ông Nguyễn Văn Huệ	Thành viên độc lập	Bỏ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2014
Ông Nguyễn Chí Thành	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2016

BAN KIỂM SOÁT

CÁC THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT CỦA NGÂN HÀNG TRONG KỶ VÀ VÀO NGÀY LẬP BÁO CÁO NÀY NHƯ SAU:

Bà Vũ Thị Hải Phượng	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2014
Bà Nguyễn Thanh Bình	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2018
Bà Lê Minh Hồng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2014
Ông Đặng Quốc Tiến	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2014
Ông Đỗ Văn Hưng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2018

BAN ĐIỀU HÀNH

CÁC THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH CỦA NGÂN HÀNG TRONG KỶ VÀ VÀO NGÀY LẬP BÁO CÁO NÀY NHƯ SAU:

Ông Lưu Trung Thái	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 1 năm 2017
Ông Đỗ Văn Hưng	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2018
Bà Nguyễn Thị An Bình	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 4 tháng 11 năm 2014
Bà Nguyễn Minh Châu	Thành viên Cao cấp	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 5 năm 2017
Bà Phạm Thị Trung Hà	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2016
Ông Uông Đông Hưng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 2 tháng 8 năm 2013
Ông Lê Hải	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 5 tháng 7 năm 2018
		Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 12 năm 2018
	Thành viên Cao cấp	Bổ nhiệm ngày 6 tháng 7 năm 2018
		Miễn nhiệm ngày 27 tháng 12 năm 2018

Bà Lê Thị Lợi	Phó Tổng Giám đốc Giám đốc Tài chính	Bổ nhiệm ngày 5 tháng 6 năm 2014
Ông Trần Minh Đạt	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 11 năm 2014
Ông Lê Quốc Minh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 11 năm 2015
Ông Lê Xuân Vũ	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 3 tháng 6 năm 2017
Bà Trần Thị Bảo Quế	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 2 năm 2019

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lê Hữu Đức - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Ông Lưu Trung Thái - Tổng Giám đốc được ủy quyền ký báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 theo Giấy Ủy quyền số 39.1/UQ-MB-HĐQT của Chủ tịch Hội đồng Quản trị ngày 16 tháng 1 năm 2017.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Ngân hàng.

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUÂN ĐỘI

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (“Ngân hàng”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Điều hành cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Ngân hàng và các công ty con có được
- Tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Ngân hàng và các công ty con sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Ngân hàng và các công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Theo ý kiến của Ban Điều hành Ngân hàng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



ÔNG LƯU TRUNG THÁI

Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 20 tháng 2 năm 2019

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (“Ngân hàng”) và các công ty con được lập ngày 20 tháng 2 năm 2019 và được trình bày từ trang 6 đến trang 71, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đi kèm.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH NGÂN HÀNG

Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành Ngân hàng xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng và các công ty con liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng và các công ty con. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý KIẾN KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

VẤN ĐỀ KHÁC

Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất đó vào ngày 28 tháng 2 năm 2018.



ĐẶNG PHƯƠNG HÀ
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2400-2018-004-1



NGUYỄN HÀ LÊ
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3484-2015-004-1

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 20 tháng 2 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

B02/TCTD-HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

ngày 31 tháng 12 năm 2018

	THUYẾT MINH	31/12/2018 TRIỆU ĐỒNG	31/12/2017 TRIỆU ĐỒNG
TÀI SẢN			
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	5	1.736.571	1.842.032
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	6	10.548.084	6.683.682
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	7	45.061.628	53.497.402
Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác		35.363.429	38.765.361
Cho vay các tổ chức tín dụng khác		9.894.199	14.928.041
Dự phòng rủi ro		(196.000)	(196.000)
Chứng khoán kinh doanh	8	577.672	2.804.525
Chứng khoán kinh doanh		684.035	2.839.964
Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh		(106.363)	(35.439)
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		-	121.592
Cho vay khách hàng		211.474.953	182.062.458
Cho vay khách hàng	10	214.685.958	184.188.142
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	11	(3.211.005)	(2.125.684)
Chứng khoán đầu tư		73.731.314	50.677.071
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	12.1	70.467.404	43.091.877
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	12.2	3.522.144	7.945.077
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư	12.4	(258.234)	(359.883)
Góp vốn, đầu tư dài hạn	13	728.043	984.562
Đầu tư vào công ty liên kết	13.1	-	50.061
Đầu tư dài hạn khác	13.2	931.653	1.064.147
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	13.3	(203.610)	(129.646)

	THUYẾT MINH	31/12/2018 TRIỆU ĐỒNG	31/12/2017 TRIỆU ĐỒNG
Tài sản cố định		2.699.314	2.604.460
Tài sản cố định hữu hình	14	1.586.152	1.586.633
Nguyên giá		3.268.459	3.083.031
Khấu hao lũy kế		(1.682.307)	(1.496.398)
Tài sản cố định vô hình	15	1.113.162	1.017.827
Nguyên giá		1.823.153	1.602.987
Hao mòn lũy kế		(709.991)	(585.160)
Bất động sản đầu tư	16	30.813	92.783
Nguyên giá		30.813	100.296
Hao mòn lũy kế		-	(7.513)
Tài sản Có khác		15.736.670	12.507.261
Các khoản phải thu	17.1	10.325.119	8.973.940
Các khoản lãi, phí phải thu		3.429.433	2.840.641
Tài sản thuê thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	36.2	15.777	1.436
Tài sản Có khác	17.2	2.267.608	1.616.961
- Trong đó: Lợi thế thương mại	18	66.658	75.409
Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản			
Có nội bằng khác	17.3	(301.267)	(925.717)
TỔNG TÀI SẢN CÓ		362.325.062	313.877.828

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

ngày 31 tháng 12 năm 2018

	THUYẾT MINH	31/12/2018 TRIỆU ĐỒNG	31/12/2017 TRIỆU ĐỒNG
NỢ PHẢI TRẢ			
Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước	19	2.632.894	1.847.879
Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	6	60.470.881	46.101.157
Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác	20.1	40.692.932	36.212.214
Vay các tổ chức tín dụng khác	20.2	19.777.949	9.888.943
Tiền gửi của khách hàng	21	239.964.318	220.176.022
Chứng khoán kinh doanh		684.035	2.839.964
Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh		(106.363)	(35.439)
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính	9	5.634	-
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	22	319.963	297.000
Phát hành giấy tờ có giá	23	11.157.638	6.022.222
Các khoản nợ khác		13.600.876	9.832.378
Các khoản lãi, phí phải trả		2.821.056	2.755.868
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	36.3	16.656	-
Các khoản phải trả và công nợ khác	24.1	10.763.164	7.076.510
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		328.152.204	284.276.658
VỐN CHỦ SỞ HỮU			
Vốn của tổ chức tín dụng		21.632.348	18.983.251
• Vốn điều lệ		21.604.514	18.155.054
• Thặng dư vốn cổ phần		-	828.197
• Vốn khác		27.834	-
Các quỹ dự trữ		3.887.135	3.209.154
Lợi nhuận chưa phân phối		7.123.671	(129.646)
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		1.529.704	1.431.437
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	26	34.172.858	29.601.170
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		362.325.062	313.877.828


CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT


	31/12/2018 TRIỆU ĐỒNG	31/12/2017 TRIỆU ĐỒNG
Bảo lãnh vay vốn	89.264	53.016
Cam kết giao dịch hối đoái	124.675.198	88.651.794
• Cam kết mua ngoại tệ	9.019.360	6.483.336
• Cam kết bán ngoại tệ	11.102.468	9.679.615
• Cam kết giao dịch hoán đổi	104.553.370	72.488.843
Cam kết trong nghiệp vụ L/C	24.623.727	25.280.378
Bảo lãnh khác	71.203.920	57.845.135
Các cam kết khác	20.325.895	15.515.729
Tổng	240.918.004	187.346.052


Người lập:


Người kiểm soát:

Người phê duyệt:









BÀ LÊ THỊ HUYỀN TRANG

BÀ ĐẶNG THÚY DUNG

BÀ LÊ THỊ LỢI

ÔNG LƯU TRUNG THÁI

Phó phòng Kế toán
Tổng hợp và Báo cáo

Kế toán Trưởng

Phó Tổng Giám đốc -
Giám đốc Tài chính

Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 20 tháng 2 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

B03/TCTD-HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

	THUYẾT MINH	NĂM 2018 TRIỆU ĐỒNG	NĂM 2017 TRIỆU ĐỒNG
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự		24.824.365	19.876.026
Chi phí lãi và các chi phí tương tự		(10.240.868)	(8.657.074)
Thu nhập lãi thuần	27	14.583.497	11.218.952
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		5.719.062	3.222.839
Chi phí hoạt động dịch vụ		(3.157.752)	(2.092.163)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	28	2.561.310	1.130.676
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	29	444.568	201.772
Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	30	151.928	64.089
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư và đầu tư dài hạn	31	148.561	80.356
Thu nhập từ hoạt động khác		2.421.246	1.633.022
Chi phí cho hoạt động khác		(904.167)	(523.948)
Lãi thuần từ hoạt động khác	32	1.517.079	1.109.074
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	33	129.620	62.157
TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG		19.536.563	13.867.076
TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	34	(8.733.802)	(5.999.239)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro		10.802.761	7.867.837
Chi phí dự phòng rủi ro	35	(3.035.388)	(3.252.111)

	THUYẾT MINH	NĂM 2018 TRIỆU ĐỒNG	NĂM 2017 TRIỆU ĐỒNG
TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ		7.767.373	4.615.726
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	36.1	(1.575.157)	(1.125.106)
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		(2.315)	(205)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp		(1.577.472)	(1.125.311)
LỢI NHUẬN SAU THUẾ		6.189.901	3.490.415
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		77.187	(29.212)
Lợi nhuận ròng trong năm		6.112.714	3.519.627
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	37	2.829	1.504

Người lập:

BÀ LÊ THỊ HUYỀN TRANG

Phó phòng Kế toán
Tổng hợp và Báo cáo

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 20 tháng 2 năm 2019

Người kiểm soát:

BÀ ĐẶNG THÚY DUNG

Kế toán Trưởng

BÀ LÊ THỊ LỢI

Phó Tổng Giám đốc -
Giám đốc Tài chính

Người phê duyệt:

ÔNG LƯU TRUNG THÁI

Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

B04/TCTD-HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2018

	THUYẾT MINH	NĂM 2018 TRIỆU ĐỒNG	NĂM 2017 TRIỆU ĐỒNG
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được		24.317.593	19.964.527
Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả		(10.267.483)	(8.246.817)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được		2.561.310	1.130.676
Chênh lệch số tiền thực thu/(thực chi) từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng bạc, chứng khoán)		754.841	233.337
Thu nhập/(Chi phí) khác		495.285	(1.882.694)
Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xoá, bù đắp bằng nguồn dự phòng rủi ro	32	1.021.794	779.399
Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ		(8.204.870)	(3.254.598)
Tiền thuế thu nhập thực nộp trong kỳ	36.1	(1.450.167)	(980.880)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động		9.228.303	7.742.950
Những thay đổi về tài sản hoạt động		(49.621.592)	(36.752.959)
Giảm các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác		5.770.848	157.328
(Tăng)/Giảm các khoản về kinh doanh chứng khoán		(20.796.665)	2.090.622
(Tăng)/Giảm các công cụ tài chính phát sinh và các tài sản tài chính khác		121.592	(68.173)
Tăng các khoản cho vay khách hàng		(30.497.815)	(33.450.440)

	THUYẾT MINH	NĂM 2018 TRIỆU ĐỒNG	NĂM 2017 TRIỆU ĐỒNG
Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản tín dụng, chứng khoán, đầu tư dài hạn, phải thu khác		(2.599.755)	(4.021.459)
Tăng khác về tài sản hoạt động		(1.619.797)	(1.460.837)
Những thay đổi về nợ phải trả hoạt động		42.997.941	53.012.715
Tăng các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước		-	1.847.879
Tăng các khoản tiền gửi, tiền vay các tổ chức tín dụng		14.369.725	21.388.181
Tăng tiền gửi của khách hàng (bao gồm cả Kho bạc Nhà nước)		20.573.308	25.363.625
Tăng phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ giấy tờ có giá phát hành được tính vào hoạt động tài chính)		5.135.416	3.655.269
Tăng vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà tổ chức tín dụng chịu rủi ro		22.964	38.830
Tăng các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác		5.634	-
Tăng khác về công nợ hoạt động		3.200.653	889.684
Chi từ quỹ của tổ chức tín dụng	26.1	(309.759)	(170.753)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		2.604.652	24.002.706

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

	THUYẾT MINH	31/12/2018 TRIỆU ĐỒNG	31/12/2017 TRIỆU ĐỒNG
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Mua sắm tài sản cố định		(483.966)	(502.937)
Tiền thu/(chi) từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		5.759	100.127
Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		(1.941)	(6.539)
Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		31.925	(197.590)
Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn		30.178	1.192.450
Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư		(418.045)	585.511
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tăng vốn cổ phần từ góp vốn và/hoặc phát hành cổ phiếu		-	171.275
Cổ tức trả cho cổ đông	26.1	(1.092.592)	(1.054.493)
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(1.092.592)	(883.218)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		1.094.015	23.704.999
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		46.554.069	22.849.070
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	38	47.648.084	46.554.069

Người lập:



BÀ LÊ THỊ HUYỀN TRANG
Phó phòng Kế toán
Tổng hợp và Báo cáo

Người kiểm soát:



BÀ ĐẶNG THÚY DUNG
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



BÀ LÊ THỊ LỢI
Phó Tổng Giám đốc -
Giám đốc Tài chính



ÔNG LƯU TRUNG THÁI
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 20 tháng 2 năm 2019

THUYẾT MINH
BÁO CÁO TÀI
CHÍNH HỢP
NHẤT

B05/TCTD-HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho
năm tài chính kết thúc cùng ngày

THÔNG TIN VỀ NGÂN HÀNG

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (sau đây gọi tắt là “Ngân hàng”), là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập và đăng ký tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Ngân hàng được thành lập theo Giấy phép Hoạt động số 100/NH-GP ngày 17 tháng 10 năm 2018 do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNN”) cấp, thay thế Giấy phép hoạt động số 0054/NH-GP ngày 14 tháng 9 năm 1994. Thời hạn hoạt động của Ngân hàng là 99 năm kể từ ngày 14 tháng 9 năm 1994. Ngân hàng đang hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0100283873 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 30 tháng 9 năm 1994 và giấy phép thay đổi lần thứ 43 ngày 2 tháng 11 năm 2018.

Hoạt động chính hiện tại của Ngân hàng là thực hiện các giao dịch ngân hàng, bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ, các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế, chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác; cung cấp dịch vụ thanh toán và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNN cho phép.

Mạng lưới hoạt động

Hội sở chính của Ngân hàng đặt tại số 21 Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Ngân hàng có một (1) Hội sở chính, một trăm lẻ một (101) chi nhánh (bao gồm chi nhánh Ngân hàng TMCP Quân đội tại Lào và tại Campuchia), một trăm chín bảy (197) phòng giao dịch, và một (1) văn phòng đại diện tại nước ngoài.

Vốn điều lệ

Vốn điều lệ của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 21.604.514 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 18.155.054 triệu đồng).

Ngân hàng và các công ty con sau đây gọi chung là “MB”.

Nhân viên

Số lượng nhân viên của MB tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 15.233 người (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 13.094 người).

Công ty con

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Ngân hàng có các công ty con như sau :

TÊN CÔNG TY	GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG	LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG	% SỞ HỮU
Công ty TNHH Quản lý Nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Quân đội (“MB AMC”)	0105281799 ngày 11 tháng 7 năm 2014 do Sở kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp	Quản lý nợ và khai thác tài sản	100%
Công ty Cổ phần Chứng khoán MB (“MBS”)	116/GP-UBCK ngày 9 tháng 12 năm 2013 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp	Chứng khoán	79,52%
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB (“MB Cap”)	06/GPĐC-UBCK ngày 12 tháng 2 năm 2015 do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp	Quản lý quỹ đầu tư	90,77%
Công ty Tài chính TNHH MB Shinsei	27/GP-NHNN ngày 4 tháng 2 năm 2016 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp	Tài chính tiêu dùng	50,00%
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội (“MIC”)	43/GPĐC18/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 21 tháng 1 năm 2016	Bảo hiểm phi nhân thọ	69,58%
Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ MB Ageas	74/GP/KDBH ngày 21 tháng 7 năm 2016 do Bộ Tài chính cấp	Bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe và đầu tư tài chính	61,00%

Các sự kiện quan trọng phát sinh trong năm tài chính

Ngày 31 tháng 5 năm 2018, Ngân hàng đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận tăng vốn điều lệ lên thành 21.604.514 triệu đồng theo Công văn số 3994/NHNN-TTGSNH. Ngày 17 tháng 7 năm 2018, Ngân hàng đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ thông qua việc chia cổ tức bằng cổ phiếu và sử dụng thặng dư vốn cổ phần. Theo đó, tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Ngân hàng là 2.160.451.381 cổ phần.

Ngày 5 tháng 11 năm 2018, Công ty TNHH Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (“MB AMC”) đã hoàn thành việc thoái vốn tại Công ty Cổ phần Tổng Công ty Địa ốc MB (“MBLand”). Theo đó, MB AMC đã chấm dứt hoàn toàn việc sở hữu và kiểm soát MBLand.

02

KỲ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của MB bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong công tác lập báo cáo tài chính của MB là đồng Việt Nam (“VND”). Cho mục đích trình bày báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 này, các số liệu được làm tròn đến hàng triệu và trình bày theo đơn vị triệu đồng Việt Nam (“triệu đồng”). Việc trình bày này không ảnh hưởng đến nhìn nhận của người đọc báo cáo tài chính hợp nhất về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của MB.

03

CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Tuyên bố tuân thủ

Ban Điều hành MB khẳng định báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của MB được lập phù hợp với Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 4 năm 2004 và

các văn bản bổ sung, sửa đổi Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN; Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 và các văn bản sửa đổi, bổ sung Chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành bao gồm:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4);
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo những nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất này theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 và các văn bản sửa đổi, bổ sung Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN là các khoản mục không có số dư.

Các cơ sở đánh giá và các ước tính kế toán áp dụng

Việc trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Điều hành phải thực hiện các ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo của tài sản, nợ phải trả cũng như việc trình bày các công nợ tiềm ẩn. Các ước tính và giả định này cũng ảnh hưởng đến thu nhập, chi phí và kết quả số liệu dự phòng. Các ước tính này được lập dựa trên các giả định về một số yếu tố với các mức độ khác nhau về chủ quan và tính không chắc chắn. Do vậy, các kết quả thực tế có thể khác với các ước tính dẫn đến việc điều chỉnh các khoản mục có liên quan sau này.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Ngân hàng mẹ và báo cáo tài chính của các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Ngân hàng nắm quyền kiểm soát công ty con và tiếp tục hợp nhất cho đến ngày Ngân hàng chấm dứt quyền kiểm soát với công ty con.

Báo cáo tài chính của Ngân hàng mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa Ngân hàng mẹ và các công ty con, giữa các công ty có cùng Ngân hàng mẹ, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi MB và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

04

TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Các thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của MB áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất được áp dụng nhất quán với các chính sách kế toán đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, trừ các thay đổi sau:

Thông tư số 14/2017/TT-NHNN quy định về phương pháp tính lãi trong hoạt động nhận tiền gửi, cấp tín dụng giữa tổ chức tín dụng với khách hàng

Ngày 29 tháng 9 năm 2017, NHNN ban hành Thông tư số 14/2017/TT-NHNN quy định về phương pháp tính lãi trong hoạt động nhận tiền gửi, cấp tín dụng giữa tổ chức tín dụng với khách hàng. Theo đó, việc dự thu lãi cho hoạt động cấp tín dụng và dự chi lãi cho hoạt động tiền gửi được thực hiện trên cơ sở một năm là 365 ngày.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2018.

Thông tư số 16/2018/TT-BTC (“Thông tư 16”) hướng dẫn một số điều về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

Các thay đổi của Thông tư 16 bao gồm:

- Sửa đổi, bổ sung về cách quản lý và sử dụng đối với các bất động sản nắm giữ do việc xử lý nợ vay;
- Sửa đổi, bổ sung về cách ghi nhận doanh thu từ kinh doanh các loại chứng khoán (trừ cổ phiếu);
- Sửa đổi, bổ sung về cách ghi nhận chi phí.

Thông tư 16 có hiệu lực thi hành từ ngày 26 tháng 3 năm 2018 và thay thế Thông tư số 05/2013/TT-BTC ngày 9 tháng 1 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Thông tư 16 không có ảnh hưởng trọng yếu đến chính sách kế toán của Ngân hàng.

Thông tư số 22/2017/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Hệ thống tài khoản kế toán các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 4 năm 2004 và Chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 của Thống đốc NHNN (“Thông tư 22”)

Ngày 29 tháng 12 năm 2017, NHNN ban hành Thông tư số 22/2017/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Hệ thống tài khoản kế toán các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 4 năm 2004 và Chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 của Thống đốc NHNN (“Thông tư 22”). Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1 tháng 4 năm 2018.

Các thay đổi chính của Thông tư 22 bao gồm:

- Sửa đổi, bổ sung các hướng dẫn về hạch toán các nghiệp vụ liên quan đến ngoại tệ và vàng;
- Sửa đổi một số tài khoản trong Hệ thống tài khoản kế toán các tổ chức tín dụng;
- Sửa đổi các hướng dẫn hạch toán một số tài khoản trong Hệ thống tài khoản kế toán các tổ chức tín dụng; và
- Sửa đổi, bổ sung một số quy định về Chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi tại NHNN, tín phiếu Chính phủ và các giấy tờ có giá ngắn hạn khác đủ điều kiện tái chiết khấu với NHNN, chứng khoán, các khoản tiền gửi thanh toán và tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác có thời hạn đáo hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác

Các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác được công bố và trình bày theo số dư nợ gốc tại thời điểm kết thúc kỳ báo cáo.

Việc phân loại rủi ro tín dụng đối với các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác và trích lập dự phòng tương ứng được thực hiện theo quy định tại Thông tư 02/2013/TT-NHNN ngày 21 tháng 1 năm 2013 quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (“Thông tư 02”) và Thông tư 09/2014/TT-NHNN ngày 18 tháng 3 năm 2014 (“Thông tư 09”) sửa bổ sung một số điều của Thông tư 02. Theo đó, MB trích lập dự phòng cụ thể cho các khoản tiền gửi (trừ tiền gửi thanh toán) và cho vay các tổ chức tín dụng khác theo phương pháp được trình bày tại Thuyết minh số 4.5.

Theo Thông tư 02, MB không cần phải trích lập dự phòng chung đối với các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác.

Cho vay khách hàng

Các khoản cho vay khách hàng được trình bày theo số dư nợ gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Dự phòng rủi ro tín dụng của các khoản cho vay khách hàng được hạch toán và trình bày thành một dòng riêng trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các khoản cho vay ngắn hạn là các khoản có thời hạn cho vay dưới 1 năm tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay trung hạn có thời hạn cho vay từ 1 năm đến 5 năm tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay dài hạn có thời hạn cho vay trên 5 năm tính từ ngày giải ngân.

Việc phân loại nợ và lập dự phòng rủi ro tín dụng được thực hiện theo Thông tư 02 và Thông tư 09 như trình bày trong Thuyết minh số 4.5.

Phân loại nợ và mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro cho tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác, mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết, cho vay khách hàng và ủy thác cấp tín dụng (gọi chung là “các khoản nợ”)

Phân loại nợ

MB thực hiện phân loại các khoản nợ theo các mức độ rủi ro như sau: Nợ đủ tiêu chuẩn, Nợ cần chú ý, Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn theo quy định tại Thông tư 02 và Thông tư 09. Các khoản nợ được phân loại là Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn được coi là nợ xấu. Cụ thể: Các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác được phân loại nợ theo phương pháp định lượng quy định tại Điều 10, Thông tư 02.

- Các khoản mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết, trừ các khoản liên quan đến trái phiếu của các doanh nghiệp đồng thời là khách hàng vay của MB, được phân loại nợ theo phương pháp định lượng quy định tại Điều 10, Thông tư 02. Các khoản liên quan đến trái phiếu chưa niêm yết của các doanh nghiệp đồng thời là khách hàng vay của MB được phân loại nợ như các khoản cho vay đối với khách hàng đó như được trình bày ở dưới đây.
- Các khoản cho vay khách hàng và ủy thác cấp tín dụng, bao gồm cả khoản cho vay hợp vốn mà MB không phải là ngân hàng đầu mối, được phân loại nợ theo cả phương pháp định lượng và định tính quy định tại Điều 10 và Điều 11, Thông tư 02 theo phê duyệt của NHNN tại Công văn số 8738/NHNN-CNH ngày 25 tháng 9 năm 2008 và các công văn sửa đổi hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ: Báo cáo số 446/BC-MB.HS.m năm 2014, Thông báo số 96/BC-MB.HS.m năm 2016 và Thông báo số 2260/TB-HS năm 2016. Theo đó, trường hợp kết quả phân loại một khoản nợ theo Điều 10 và Điều 11 khác nhau thì khoản nợ phải được phân loại vào nhóm có mức độ rủi ro cao hơn.
- Trường hợp một khách hàng có nhiều hơn một khoản nợ với MB mà có bất kỳ khoản nợ nào bị chuyển sang nhóm nợ rủi ro cao hơn thì MB phân loại các khoản nợ còn lại của khách hàng đó vào nhóm nợ rủi ro cao hơn tương ứng với mức độ rủi ro.
- Từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải sử dụng kết quả phân loại nhóm nợ đối với khách hàng do Trung tâm Thông tin Tín dụng (“CIC”) cung cấp tại thời điểm phân loại để điều chỉnh kết quả tự phân loại nợ, cam kết ngoại bảng.
- MB đồng thời áp dụng các quy định về cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ đối với các khoản nợ đáp ứng được yêu cầu của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP (Nghị định 55) ngày 9 tháng 6 năm 2015 về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn (“Nghị định 55”)và Nghị định 116/2018/NĐ-CP ngày 7 tháng 9 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 55.

Dự phòng cụ thể

Dự phòng cụ thể tại ngày 31 tháng 12 được xác định bằng dư nợ sau khi trừ đi giá trị tài sản đảm bảo đã được khấu trừ nhân với tỷ lệ dự phòng theo kết quả phân loại nhóm nợ tại ngày 30 tháng 11.

Tỷ lệ dự phòng cụ thể đối với từng nhóm nợ cụ thể như sau:

Nhóm nợ		Phân loại nợ theo phương pháp định lượng	Phân loại nợ theo phương pháp định tính	Tỷ lệ
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	<ul style="list-style-type: none">Nợ trong hạn và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ cả nợ gốc và lãi đúng hạn; hoặcNợ quá hạn dưới 10 ngày và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi bị quá hạn và thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi còn lại đúng thời hạn.	Các khoản nợ được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ cả nợ gốc và lãi đúng hạn.	0%
2	Nợ cần chú ý	<ul style="list-style-type: none">Nợ quá hạn từ 10 ngày đến 90 ngày; hoặcNợ điều chỉnh kỳ hạn trả nợ lần đầu.	Các khoản nợ được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ cả nợ gốc và lãi nhưng có dấu hiệu khách hàng suy giảm khả năng trả nợ.	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	<ul style="list-style-type: none">Nợ quá hạn từ 91 ngày đến 180 ngày; hoặcNợ gia hạn nợ lần đầu; hoặcNợ được miễn hoặc giảm lãi do khách hàng không đủ khả năng trả lãi đầy đủ theo hợp đồng tín dụng; hoặcNợ thuộc một trong các trường hợp sau đây chưa thu hồi được trong thời gian dưới 30 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi:<ul style="list-style-type: none">Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 3, 4, 5, 6 Điều 126 Luật các tổ chức tín dụng; hoặcKhoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 127 Luật các tổ chức tín dụng; hoặcKhoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 5 Điều 128 Luật các tổ chức tín dụng.Nợ trong thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra.	Các khoản nợ được đánh giá là không có khả năng thu hồi đầy đủ cả nợ gốc và lãi khi đến hạn, có khả năng tổn thất	20%

Nhóm nợ		Phân loại nợ theo phương pháp định lượng	Phân loại nợ theo phương pháp định tính	Tỷ lệ
4	Nợ nghi ngờ	<ul style="list-style-type: none">Nợ quá hạn từ 181 ngày đến 360 ngày; hoặcNợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn dưới 90 ngày theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu; hoặcNợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai; hoặcKhoản nợ quy định tại điểm (d) của nợ Nhóm 3 chưa thu hồi được trong thời gian từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặcNợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra nhưng quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra đến 60 ngày mà vẫn chưa thu hồi được.	Các khoản nợ được đánh giá là có khả năng tổn thất cao.	50%
5	Nợ có khả năng mất vốn	<ul style="list-style-type: none">Nợ quá hạn trên 360 ngày; hoặcNợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn từ 90 ngày trở lên theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu; hoặcNợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai và quá hạn theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần thứ hai; hoặcNợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ ba trở lên, kể cả chưa bị quá hạn hoặc đã quá hạn; hoặcKhoản nợ quy định tại điểm (d) của nợ Nhóm 3 chưa thu hồi được trong thời gian trên 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặcNợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra nhưng quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra trên 60 ngày mà vẫn chưa thu hồi được; hoặcNợ của khách hàng là tổ chức tín dụng được NHNN công bố đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt, hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa vốn và tài sản.	Các khoản nợ được đánh giá là không còn khả năng thu hồi, mất vốn.	100%

Cơ sở xác định giá trị và giá trị khấu trừ của từng loại tài sản bảo đảm được quy định trong Thông tư 02 và Thông tư 09

Dự phòng chung

Dự phòng chung tại ngày 31 tháng 12 được lập với mức bằng 0,75% tổng số dư tại ngày 30 tháng 11 của các khoản nợ trừ các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác và các khoản nợ được phân loại vào nhóm nợ có khả năng mất vốn.

Xử lý rủi ro tín dụng

Dự phòng được ghi nhận như một khoản chi phí trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được sử dụng để xử lý các khoản nợ xấu. Theo Thông tư 02, MB thành lập Hội đồng Xử lý Rủi ro để xử lý các khoản nợ xấu nếu như chúng được phân loại vào nhóm 5, hoặc nếu khách hàng vay là tổ chức bị giải thể, phá sản, hoặc là cá nhân bị chết hoặc mất tích.

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là chứng khoán nợ, chứng khoán vốn và các chứng khoán khác được mua với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Chứng khoán nợ kinh doanh niêm yết được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán xác định trên tỷ suất sinh lợi được niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày kết thúc năm tài chính.

Đối với trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết thì tiến hành trích lập dự phòng rủi ro theo Thông tư 02 như được trình bày tại Thuyết minh số 4.5.

Chứng khoán vốn được ghi nhận theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo. Định kỳ, chứng khoán vốn được lập dự phòng giảm giá khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị thị trường được xác định theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC (“Thông tư 228”) do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC (“Thông tư 89”) ngày 28 tháng 6 năm 2013. Trong trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán, các chứng khoán sẽ không được trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên khoản mục “Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh”.

Tiền lãi trong thời gian nắm giữ chứng khoán nợ kinh doanh được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu.

Lãi hoặc lỗ từ việc bán chứng khoán kinh doanh được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Chứng khoán kinh doanh được dừng ghi nhận khi các quyền lợi nhận các luồng tiền từ chứng khoán này đã chấm dứt hoặc MB đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu các chứng khoán này.

Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán bao gồm các chứng khoán nợ và chứng khoán vốn niêm yết trên các thị trường chứng khoán được MB nắm giữ với mục đích đầu tư và sẵn sàng để bán, không thuộc loại chứng khoán mua vào bán ra thường xuyên nhưng có thể bán bất cứ lúc nào xét thấy có lợi.

Chứng khoán vốn được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Chứng khoán nợ được ghi nhận theo mệnh giá vào ngày giao dịch. Lãi dự thu của chứng khoán trước khi mua (đối với chứng khoán nợ trả lãi sau) hoặc lãi nhận trước chờ phân bổ (đối với chứng khoán nợ trả lãi trước) được phản ánh trên một tài khoản riêng. Phần chiết khấu/phụ trội là chênh lệch âm/dương giữa giá gốc với giá trị của khoản tiền gồm mệnh giá cộng (+) lãi dồn tích trước khi mua (nếu có) hoặc trừ (-) lãi nhận trước chờ phân bổ (nếu có), cũng được phản ánh trên một tài khoản riêng.

Trong khoảng thời gian nắm giữ chứng khoán tiếp theo, các chứng khoán này được ghi nhận theo mệnh giá và chiết khấu/phụ trội (nếu có) của chứng khoán sẵn sàng để bán được phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian còn lại ước tính của chứng khoán. Số tiền lãi nhận được trong thời gian nắm giữ chứng khoán được ghi nhận theo nguyên tắc: số tiền lãi dồn tích trước khi mua được ghi giảm giá trị của tài khoản lãi dự thu, và số tiền lãi dồn tích sau thời điểm mua được ghi nhận vào thu nhập của MB theo phương pháp cộng dồn. Số tiền lãi nhận trước được phân bổ vào thu lãi đầu tư chứng khoán theo phương pháp đường thẳng cho khoảng thời gian đầu tư chứng khoán.

Định kỳ, chứng khoán sẵn sàng để bán sẽ được xem xét về khả năng giảm giá.

Chứng khoán được lập dự phòng giảm giá khi giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường được xác định theo quy định tại Thông tư 228. Trong trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán, các chứng khoán sẽ không được trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên khoản mục “Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư và đầu tư dài hạn”.

Đối với trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các doanh nghiệp đại chúng chưa niêm yết, MB tiến hành trích lập dự phòng rủi ro theo Thông tư 02 như được trình bày tại Thuyết minh số 4.5.

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn là các chứng khoán nợ được MB mua hẳn với mục đích đầu tư để hưởng lãi suất và MB có ý định và có khả năng giữ các chứng khoán này đến ngày đáo hạn. Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn có giá trị xác định và có ngày đáo hạn cụ thể. Trong trường hợp chứng khoán được bán hẳn trước thời điểm đáo hạn, các chứng khoán này sẽ được phân loại lại sang chứng khoán kinh doanh hay chứng khoán sẵn sàng để bán. Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận và đo lường tương tự như chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán được trình bày tại Thuyết minh số 4.7.1.

Đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn khác thể hiện các khoản đầu tư vốn vào các đơn vị khác mà MB có dưới 11% quyền biểu quyết và chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc tại thời điểm đầu tư.

Dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư dài hạn được lập trong trường hợp các tổ chức kinh tế được đầu tư gặp thua lỗ, ngoại trừ trường hợp lỗ được dự báo trước trong kế hoạch kinh doanh của các đơn vị trước khi đầu tư. Dự phòng giảm giá được tính theo công thức sau:

MỨC DỰ PHÒNG CHO
MỖI KHOẢN ĐẦU TƯ

=

TỔNG SỐ VỐN ĐẦU TƯ
THỰC TẾ CỦA CÁC BÊN
TẠI TỔ CHỨC KINH TẾ

-

VỐN CHỦ SỞ HỮU
THỰC CÓ CỦA
TỔ CHỨC KINH TẾ

X

SỐ VỐN ĐẦU TƯ
CỦA MỖI BÊN

TỔNG VỐN ĐẦU TƯ
THỰC TẾ CỦA CÁC BÊN
TẠI TỔ CHỨC KINH TẾ

Dự phòng được hoàn nhập khi giá trị có thể thu hồi của khoản đầu tư tăng trở lại sau khi lập dự phòng. Khoản dự phòng được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào khoản mục “Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư và đầu tư dài hạn” trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao hay hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định là toàn bộ các chi phí mà MB phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định; chi phí bảo trì, sửa chữa và các chi phí khác có liên quan được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao/hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi/lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khấu hao và hao mòn

Khấu hao của tài sản cố định hữu hình và hao mòn của tài sản cố định vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính của tài sản cố định như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 25 năm
Máy móc thiết bị	3 - 4 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	4 năm
Phần mềm máy vi tính	3 năm

Quyền sử dụng đất lâu dài có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng lâu dài không được trích khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn và quyền sử dụng đất thuê được khấu hao theo thời gian thuê hoặc thời gian sử dụng.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà các chi phí

này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được phản ánh theo giá gốc trừ đi các khoản giảm giá trị theo giá thị trường. Giá trị ghi sổ của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá sẽ được ghi giảm nếu có bằng chứng cho thấy giá thị trường của bất động sản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của bất động sản này và giá trị khoản tổn thất có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Khoản ghi giảm giá trị của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng

Các khoản phải thu được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng được ghi nhận theo giá gốc và được MB thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro theo quy định của Điều 10, Thông tư 02 như được trình bày tại Thuyết minh số 4.5.

Các khoản phải thu khác

Các khoản phải thu khác không được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng được ghi nhận theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản nợ phải thu khác được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng được ghi nhận vào khoản mục “Chi phí dự phòng rủi ro” trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng được quy định tại Thông tư 228 như sau:

Thời gian quá hạn	Mứctrích dự phòng
Từ trên sáu tháng đến dưới một năm	30%
Từ một năm đến dưới hai năm	50%
Từ hai năm đến dưới ba năm	70%
Từ ba năm trở lên	100%

Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm.

Các hợp đồng mua lại và bán lại

Những chứng khoán được bán đồng thời được cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai vẫn được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền nhận được theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản đi vay trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo lãi suất trên hợp đồng vào báo cáo kết

quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

Những chứng khoán được mua đồng thời được cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai không được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền thanh toán theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản cho vay trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo lãi suất trên hợp đồng vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp MB là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp MB là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chi phí trực tiếp ban đầu đề thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước

Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước được phản ánh theo giá gốc.

Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác, tiền gửi của khách hàng, vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro và phát hành giấy tờ có giá

Các khoản tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác, tiền gửi của khách hàng, vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro phát hành giấy tờ có giá được công bố và trình bày theo số dư gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Theo hệ thống kế toán của MB, tất cả các nghiệp vụ phát sinh của MB được hạch toán theo nguyên tệ. Tại thời điểm cuối năm tài chính, tài sản và công nợ có nguồn gốc ngoại tệ được quy đổi sang VND theo tỷ giá quy định vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất (Thuyết minh số 50). Các khoản thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ của MB được quy đổi ra VND theo tỷ giá vào ngày phát sinh giao dịch. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các tài sản và công nợ bằng ngoại tệ sang VND trong năm được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc MB đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm

Việc trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm được thực hiện theo các phương pháp quy định tại Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính (“Thông tư 50”). Cụ thể phương pháp trích lập dự phòng như sau:

(i) Dự phòng phí chưa được hưởng

Dự phòng phí chưa được hưởng cho các hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm có thời hạn từ 1 năm trở xuống được trích lập theo tỷ lệ phần trăm của tổng phí bảo hiểm, cụ thể:

- Đối với nghiệp vụ bảo hiểm hàng hóa vận chuyển bằng đường bộ, đường biển, đường thủy nội địa, đường sắt và đường hàng không: bằng 25% tổng phí bảo hiểm thuộc năm tài chính của nghiệp vụ bảo hiểm này.
- Đối với các nghiệp vụ bảo hiểm khác: bằng 50% tổng phí bảo hiểm thuộc năm tài chính của nghiệp vụ bảo hiểm này.
- Đối với nghiệp vụ bảo hiểm nhân thọ: dự phòng cho các khoản phí chưa được hưởng được tính toán trên phí bảo hiểm gộp cho tất cả các đơn bảo hiểm có thời hạn từ một năm trở xuống còn hiệu lực vào ngày lập báo cáo.

(ii) Dự phòng bồi thường

Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã thông báo nhưng đến cuối kỳ chưa giải quyết và dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm chưa thông báo.

Các khoản dự phòng bồi thường của hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm được phản ánh là nợ phải trả; dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm được phản ánh là tài sản tái bảo hiểm.

(iii) Dự phòng dao động lớn

Dự phòng dao động lớn được trích lập mỗi năm cho đến khi dự phòng đạt được mức 100% mức phí giữ lại trong năm tài chính và được trích lập trên cơ sở 1% phí bảo hiểm giữ lại theo quy định tại Thông tư 50.

Vào ngày 28 tháng 12 năm 2005, Bộ Tài Chính đã ban hành Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC về việc ban hành bốn chuẩn mực kế toán (“CMKT”) mới, bao gồm Chuẩn mực kế toán số 19 về Hợp đồng bảo hiểm. Theo đó, kể từ tháng 1 năm 2006, việc trích lập dự phòng dao động lớn là không cần thiết do dự phòng này phản ánh “các yêu cầu đòi bồi thường không tồn tại tại thời điểm lập báo cáo tài chính”. Tuy nhiên, do Bộ Tài chính chưa có hướng dẫn cụ thể việc áp dụng Chuẩn mực kế toán số 19 và theo quy định tại Nghị định số 73/2016/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 1 tháng 7 năm 2016 về việc quy định chi tiết thi hành Luật kinh doanh bảo hiểm và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm (“Nghị định 73”), MB hiện vẫn trích lập dự phòng dao động lớn trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Vốn và các quỹ

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp tới việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là một khoản giảm trừ vào thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Khi nhận được vốn từ các cổ đông, phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá của cổ phiếu được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

Các quỹ dự trữ

MB thực hiện trích lập các quỹ dự trữ theo quy định hiện hành và quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc chủ sở hữu tương ứng.

(i) Các quỹ dự trữ của Ngân hàng

Các quỹ dự trữ được sử dụng cho các mục đích cụ thể và được trích từ lợi nhuận sau thuế của Ngân hàng dựa trên các tỷ lệ quy định và theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:

- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ: 5% lợi nhuận sau thuế, tối đa không vượt quá vốn điều lệ của Ngân hàng;
- Quỹ dự phòng tài chính: 10% lợi nhuận sau thuế;
- Các quỹ dự trữ khác: trích theo quy định hiện hành và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

(ii) Các quỹ dự trữ của các công ty con

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB (“MBS”) và Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB (“MB Capital”)

MBS và MB Capital trích lập các quỹ dự trữ bắt buộc theo Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 như sau:

	Tỷ lệ trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ

Các quỹ khác của MBS và MB Capital được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

Công ty Tài chính TNHH MB Shinsei (“MCredit”)

Theo Nghị định 93/2017/NĐ-CP, MCredit phải trích lập các quỹ dự trữ bắt buộc trước khi phân phối lợi nhuận tương tự như Ngân hàng.

Công ty TNHH Quản lý Nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Quân đội (“MB AMC”)

MB AMC thực hiện trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi theo quyết định của chủ sở hữu.

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội (“MIC”) và Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ MB Ageas (“MB Ageas”)

MIC và MB Ageas phải trích lập quỹ dự trữ bắt buộc từ lợi nhuận sau thuế theo tỷ lệ là 5% cho tới khi bằng 10% mức vốn điều lệ.

Ghi nhận doanh thu và chi phí

Doanh thu và chi phí từ các hoạt động ngân hàng

Doanh thu lãi và chi phí lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu, dự chi. Lãi dự thu phát sinh từ các khoản cho vay phân loại từ nhóm 2 đến nhóm 5 theo Thông tư 02 sẽ không được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi dự thu của các khoản nợ này được chuyển ra theo dõi ở tài khoản ngoại bảng và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi MB thực nhận.

Các khoản phí dịch vụ ngân hàng được ghi nhận khi dịch vụ được thực hiện.

Doanh thu từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn của chứng khoán.

Cổ tức bằng tiền được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi quyền nhận cổ tức bằng tiền của MB được thiết lập. Cổ tức được nhận dưới dạng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng và quyền mua cổ phiếu cho các cổ đông hiện tại, cổ phiếu được chia từ lợi nhuận chưa phân phối không được ghi nhận là một khoản thu nhập của MB mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu.

Đối với các khoản doanh thu khác, khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Theo Thông tư số 16/2018/TT-BTC ngày 7 tháng 2 năm 2018 của Bộ Tài chính, đối với các khoản phải thu đã hạch toán vào thu nhập nhưng sau đó được đánh giá không thu được hoặc đến kỳ hạn thu không thu được thì MB hạch toán giảm doanh thu nếu cùng kỳ kế toán hoặc hạch toán vào chi phí nếu khác kỳ kế toán và theo dõi ngoại bảng để đôn đốc thu. Khi thu được các khoản này, MB sẽ hạch toán vào “Thu nhập từ hoạt động khác” trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Doanh thu từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận theo quy định tại Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 hướng dẫn chế độ tài chính đối với doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài.

Phí bảo hiểm nhận trước khi chưa đến hạn tại ngày cuối kỳ kế toán được ghi nhận vào “Doanh thu chờ phân bổ” trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Doanh thu từ hoạt động kinh doanh bất động sản

Doanh thu được ghi nhận khi MB có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Đồng thời, doanh thu chuyển nhượng bất động sản được ghi nhận khi MB đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với bất động sản cho người mua và doanh thu có thể được xác định một cách chắc chắn.

Chi bồi thường cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm

Chi phí bồi thường bảo hiểm gốc được ghi nhận trên cơ sở phát sinh khi MIC và MB Ageas chấp nhận bồi thường theo thông báo bồi thường.

Các khoản chi bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh, trên cơ sở bảng thông báo tái của các nhà nhượng tái bảo hiểm gửi cho MIC và MB Ageas và MIC và MB Ageas chấp nhận bồi thường.

Các khoản thu đòi bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận trên cơ sở phát sinh theo số phải thu tương ứng với chi phí bồi thường đã ghi nhận trong kỳ và tỷ lệ nhượng tái.

Các chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm khác được ghi nhận khi thực tế phát sinh.

Chi phí hoa hồng cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm

MB tính toán hoa hồng phải chi trả của mỗi loại sản phẩm bảo hiểm theo tỷ lệ phần trăm nhất định trên doanh thu phí bảo hiểm gốc phù hợp với các tỷ lệ quy định tại Thông tư 50 và chỉ ghi nhận vào chi phí kinh doanh bảo hiểm cho phần chi phí hoa hồng được phân bổ trong kỳ theo tỷ lệ phù hợp với phần doanh thu phí được hưởng. Phần hoa hồng chưa được phân bổ sẽ được ghi nhận như là một khoản chi phí trả trước và sẽ được phân bổ vào chi phí kinh doanh bảo hiểm cho các kỳ tiếp theo.

Chi phí khởi tạo khoản cho vay khách hàng tại công ty tài chính tiêu dùng

Chi phí khởi tạo khoản cho vay khách hàng bao gồm chi phí hoa hồng cho đại lý, các bên thứ ba và nhân viên kinh doanh được hạch toán phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian từ 9 đến 29 tháng theo thời hạn trung bình của các sản phẩm cho vay.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho kỳ hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến được thu hồi từ (hoặc phải nộp cho) cơ quan thuế, áp dụng mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

MB chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi MB có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và MB dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các báo cáo thuế của MB sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả những chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay công nợ được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Phân loại nợ cho các cam kết ngoại bảng

Theo Thông tư 02 của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng chỉ thực hiện phân loại đối với các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và cam kết cho vay không hủy ngang vô điều kiện và có thời điểm thực hiện cụ thể (gọi chung là các khoản cam kết ngoại bảng) vào các nhóm quy định tại Điều 10 của Thông tư 02 để quản lý, giám sát chất lượng tín dụng. Theo đó, các khoản cam kết ngoại bảng được phân loại theo các mức độ rủi ro như sau: Nợ đủ tiêu chuẩn, Nợ cần chú ý, Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn dựa vào tình trạng quá hạn và các yếu tố định tính khác.

Các công cụ phái sinh

MB ký kết các hợp đồng ngoại hối kỳ hạn và hoán đổi nhằm tạo điều kiện cho khách hàng chuyển, điều chỉnh hoặc giảm rủi ro hối đoái hoặc các rủi ro thị trường khác, đồng thời phục vụ mục đích kinh doanh của MB.

Các hợp đồng kỳ hạn ngoại tệ

Các hợp đồng kỳ hạn là các cam kết để mua hoặc bán một loại tiền tệ nhất định tại một ngày cụ thể được xác định trong tương lai theo một tỷ giá xác định trước và sẽ được thanh toán bằng tiền. Các hợp đồng kỳ hạn được ghi nhận theo giá trị danh nghĩa tại ngày giao dịch và được định kỳ đánh giá lại, chênh lệch từ việc đánh giá lại được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Các hợp đồng hoán đổi

Các hợp đồng hoán đổi là các cam kết để thanh toán bằng tiền tại một ngày trong tương lai dựa trên chênh lệch giữa các tỷ giá được xác định trước được tính trên số tiền gốc danh nghĩa hoặc các cam kết thanh toán khoản tiền lãi tính theo lãi suất thả nổi hay lãi suất cố định được tính trên cùng một khoản tiền danh nghĩa, trong cùng một khoảng thời gian.

Các hợp đồng hoán đổi tiền tệ được định kỳ đánh giá lại, chênh lệch từ việc đánh giá lại được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chênh lệch lãi suất hoán đổi được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích.

Lãi trên cổ phiếu

MB trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của MB (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Nếu cổ phiếu phát hành trong năm chỉ làm thay đổi về số lượng cổ phiếu mà không dẫn đến sự thay đổi về nguồn vốn, MB sẽ thực hiện điều chỉnh số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất, dẫn đến điều chỉnh tương ứng của chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu.

Lợi ích của nhân viên

Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên MB tại Việt Nam khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. MB sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội và bảo hiểm tai nạn và bệnh nghề nghiệp cho mỗi nhân viên lần lượt bằng 17% và 0,5% lương cơ bản hàng tháng của họ trong thời gian làm việc. Ngoài ra, MB không có một nghĩa vụ nào khác.

Trợ cấp thôi việc

Theo Điều 48 Bộ Luật Lao động số 10/2012/QH13 có hiệu lực ngày 1 tháng 5 năm 2013, MB có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho những nhân viên tự nguyện thôi việc và đáp ứng đầy đủ các yếu tố theo quy định của pháp luật. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng được tính để thanh toán trợ cấp thôi việc sẽ căn cứ theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm người lao động thôi việc.

Trợ cấp thất nghiệp

Theo Thông tư số 32/2010/TT-BLĐTBXH hướng dẫn Nghị định số 127/2008/NĐ-CP về bảo hiểm thất nghiệp, từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, MB có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của MB tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu của MB là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của MB nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi MB và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Bù trừ

Tài sản và nợ phải trả tài chính được cán trừ và thể hiện giá trị ròng trên bảng cân đối kế toán hợp nhất chỉ khi MB có quyền hợp pháp để thực hiện việc cán trừ và MB dự định thanh toán tài sản và nợ phải trả theo giá trị ròng hoặc việc tắt toán tài sản và nợ phải trả xảy ra đồng thời.

05

TIỀN MẶT, VÀNG BẠC, ĐÁ QUÝ

	31/12/2018 TRIỆU ĐỒNG	31/12/2017 TRIỆU ĐỒNG
Tiền mặt bằng VND	1.200.027	1.373.927
Tiền mặt bằng ngoại tệ	533.784	465.087
Vàng tiền tệ	2.760	3.018
	1.736.571	1.842.032

06

TIỀN GỬI TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC (“NHNN”)

	31/12/2018 TRIỆU ĐỒNG	31/12/2017 TRIỆU ĐỒNG
Tiền gửi tại NHNN Việt Nam (i)	9.656.880	5.466.939
Bằng VND	<i>9.218.330</i>	<i>5.466.898</i>
Bằng ngoại tệ	<i>438.550</i>	<i>41</i>
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Lào (ii)	292.892	226.317
Tiền gửi tại Ngân hàng Quốc gia Campuchia (iii)	598.312	990.426
	10.548.084	6.683.682

(i) Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam bao gồm quỹ dự trữ bắt buộc và tài khoản tiền gửi thanh toán.

Theo quy định của NHNN về dự trữ bắt buộc, các tổ chức tín dụng được phép duy trì một số dư thả nổi tại tài khoản dự trữ bắt buộc (“DTBB”). Số dư bình quân dự trữ bắt buộc hàng tháng phải không được thấp hơn bình quân số dư tiền gửi của tháng trước nhân với tỷ lệ dự trữ bắt buộc tương ứng.

Tỷ lệ DTBB tại thời điểm cuối năm tài chính như sau:

	31/12/2018	31/12/2017
Số dư tiền gửi bình quân tháng trước của:		
Khách hàng		
<ul style="list-style-type: none">Tiền gửi bằng ngoại tệ có thời hạn dưới 12 tháng	8,00%	8,00%
<ul style="list-style-type: none">Tiền gửi bằng ngoại tệ có thời hạn từ 12 tháng trở lên	6,00%	6,00%
<ul style="list-style-type: none">Tiền gửi bằng VND có thời hạn dưới 12 tháng	3,00%	3,00%
<ul style="list-style-type: none">Tiền gửi bằng VND có thời hạn từ 12 tháng trở lên	1,00%	1,00%
Tổ chức tín dụng nước ngoài		
<ul style="list-style-type: none">Tiền gửi bằng ngoại tệ	1,00%	1,00%

(ii) Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Lào bao gồm khoản tiền gửi ký quỹ bằng Kip Lào (“LAK”) và ngoại tệ khác liên quan đến việc thành lập chi nhánh của Ngân hàng tại nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và dự trữ bắt buộc theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Lào.

Tỷ lệ tiền gửi ký quỹ tại thời điểm cuối năm tài chính như sau:

	31/12/2018	31/12/2017
Tiền gửi bằng ngoại tệ có thời hạn dưới 12 tháng	10,00%	10,00%
Tiền gửi bằng LAK có thời hạn dưới 12 tháng	5,00%	5,00%

(iii) Tiền gửi tại Ngân hàng Quốc gia Campuchia bao gồm khoản tiền gửi ký quỹ bằng Khmer Riels (“KHR”) và ngoại tệ khác liên quan đến việc thành lập chi nhánh của Ngân hàng tại nước Cộng hòa Nhân dân Campuchia và dự trữ bắt buộc theo quy định của Ngân hàng Quốc gia Campuchia. Tiền gửi ký quỹ được tính dựa trên số dư tiền gửi bình quân ngày nhân với tỷ lệ DTBB tương ứng.

Tỷ lệ tiền gửi ký quỹ tại thời điểm cuối năm tài chính như sau:

	31/12/2018	31/12/2017
Tiền gửi bằng ngoại tệ khác KHR	12,50%	12,50%
Tiền gửi bằng KHR	8,00%	8,00%

Khoản tiền gửi ký quỹ 8% bằng KHR không được hưởng lãi suất, khoản dự trữ 12,50% bằng ngoại tệ được hưởng lãi suất theo tỷ lệ do Ngân hàng Quốc gia Campuchia quy định về xác định lãi suất tiền gửi có kỳ hạn (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 0%)

07

TIỀN GỬI VÀ CHO VAY CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG (“TCTD”) KHÁC

	31/12/2018 TRIỆU ĐỒNG	31/12/2017 TRIỆU ĐỒNG
Tiền gửi tại các TCTD khác	35.363.429	38.765.361
Tiền gửi không kỳ hạn	11.536.082	17.759.458
<ul style="list-style-type: none">Bằng VND	7.999.219	5.825.375
<ul style="list-style-type: none">Bằng ngoại tệ	3.536.863	11.934.083
Tiền gửi có kỳ hạn	23.827.347	21.005.903
<ul style="list-style-type: none">Bằng VND	20.313.150	17.209.350
<ul style="list-style-type: none">Bằng ngoại tệ	3.514.197	3.796.553
Cho vay các TCTD khác	9.894.199	14.928.041
<ul style="list-style-type: none">Bằng VND	7.861.987	11.724.656
<ul style="list-style-type: none">Bằng ngoại tệ	2.032.212	3.203.385
Dự phòng rủi ro	(196.000)	(196.000)
Tổng	45.061.628	53.497.402

Chi tiết chất lượng tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các tổ chức tín dụng khác tại ngày cuối năm tài chính như sau:

	31/12/2018 TRIỆU ĐỒNG	31/12/2017 TRIỆU ĐỒNG
Nợ đủ tiêu chuẩn	33.525.546	35.737.944
Nợ có khả năng mất vốn	196.000	196.000
	33.721.546	35.933.944

Mức lãi suất bình quân tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác tại thời điểm cuối năm tài chính như sau:

	31/12/2018 %/NĂM	31/12/2017 %/NĂM
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	4,50	1,30
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	2,50	1,50
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	4,60 – 5,40	1,50 – 4,40
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	2,50 – 3,20	1,65 – 2,30
Cho vay bằng VND	5,40 – 5,60	4,40 – 4,90
Cho vay bằng ngoại tệ	2,50 – 3,60	1,65 – 2,60

08

CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	31/12/2018 TRIỆU ĐỒNG	31/12/2017 TRIỆU ĐỒNG
Chứng khoán Nợ	227.884	2.000.398
Do các TCTD khác trong nước phát hành	-	2.000.398
Do các TCKT trong nước phát hành	227.884	-
Chứng khoán Vốn	456.151	839.566
Do các TCTD khác trong nước phát hành	56.652	64.116
Do các TCKT trong nước phát hành	399.499	775.450
Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh	(106.363)	(35.439)
	577.672	2.804.525

Tình trạng niêm yết của chứng khoán kinh doanh:

	31/12/2018 TRIỆU ĐỒNG	31/12/2017 TRIỆU ĐỒNG
Chứng khoán nợ	227.884	2.000.398
Chưa niêm yết	227.884	2.000.398
Chứng khoán vốn	456.151	839.566
Đã niêm yết	186.015	486.169
Chưa niêm yết	270.136	353.397
Tổng	684.035	2.839.964

Biến động dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh trong kỳ như sau:

	31/12/2018 TRIỆU ĐỒNG	31/12/2017 TRIỆU ĐỒNG
Số dư đầu kỳ	35.439	134.670
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng trong kỳ	70.924	(99.231)
Số dư cuối kỳ	106.363	35.439

09

CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH PHÁI SINH VÀ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH KHÁC

	Tổng giá trị của hợp đồng (theo tỷ giá ngày hiệu lực hợp đồng)triệu đồng	Tổng giá trị ghi sổ kế toán (theo tỷ giá tại ngày lập báo cáo)		
		Tài sản triệu đồng	Công nợ triệu đồng	Giá trị thuần triệu đồng
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018				
Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	15.062.070	82.373	(67.166)	15.207
Giao dịch hoán đổi tiền tệ	55.524.739	11.951.609	(11.972.450)	(20.841)
	70.586.809	12.033.982	(12.039.616)	(5.634)

10

CHO VAY KHÁCH HÀNG

	31/12/2018 TRIỆU ĐỒNG	31/12/2017 TRIỆU ĐỒNG
Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước	207.864.042	176.766.210
Cho vay chiết khấu công cụ chuyển nhượng và các giấy tờ có giá	560.381	582.932
Cho vay bằng vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư	453.531	478.524
Các khoản trả thay khách hàng	11.388	599
Cho vay đối với các tổ chức, cá nhân nước ngoài	3.496.332	3.743.619
Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ và ứng trước cho khách hàng	2.300.284	2.616.258
	214.685.958	184.188.142

Mức lãi suất bình quân cho vay khách hàng tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	31/12/2018 %/NĂM	31/12/2017 %/NĂM
Cho vay bằng VND	6,00 - 10,80	6,50 - 13,50
Cho vay bằng ngoại tệ	3,20 - 5,90	2,65 - 4,75
Cho vay tiêu dùng cá nhân	8,00 - 70,00	29,00 - 66,00

Phân tích chất lượng nợ cho vay

	31/12/2018 TRIỆU ĐỒNG	31/12/2018 TRIỆU ĐỒNG
Nợ đủ tiêu chuẩn	205.868.128	176.179.134
Nợ cần chú ý	3.657.858	3.175.093
Nợ dưới tiêu chuẩn	1.099.661	735.553
Nợ nghi ngờ	797.692	668.431
Nợ có khả năng mất vốn	962.335	813.673
Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ và ứng trước cho khách hàng	2.300.284	2.616.258
	214.685.958	184.188.142

Phân tích dư nợ theo thời gian cho vay ban đầu

	31/12/2018 TRIỆU ĐỒNG	31/12/2018 TRIỆU ĐỒNG
Nợ ngắn hạn	105.138.545	89.375.349
Nợ trung hạn	33.281.381	31.695.588
Nợ dài hạn	73.965.748	60.500.947
Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ và ứng trước cho khách hàng	2.300.284	2.616.258
	214.685.958	184.188.142

Phân tích dư nợ cho vay theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp

	31/12/2018		31/12/2017	
	triệu đồng	%	triệu đồng	%
Công ty Nhà nước	9.061.436	4,22	6.081.478	3,30
Công ty TNHH MTV vốn Nhà nước 100%	8.093.086	3,77	8.673.961	4,71
Công ty TNHH MTV với vốn Nhà nước trên 50%	552.172	0,26	595.785	0,32
Công ty TNHH khác	42.429.561	19,76	40.149.294	21,80
Công ty Cổ phần vốn Nhà nước trên 50%	7.390.803	3,44	7.567.805	4,11
Công ty Cổ phần khác	52.972.047	24,67	48.148.735	26,15
Công ty hợp danh	-	0,00	294	0,00
Doanh nghiệp tư nhân	-	0,00	8.394	0,00
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	6.892.653	3,21	5.607.202	3,04
Hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã	275.545	0,13	367.569	0,20
Hộ kinh doanh, cá nhân	81.010.507	37,73	60.106.848	32,63
Dịch vụ hành chính sự nghiệp, Đảng, đoàn thể và hiệp hội	56.663	0,03	245.557	0,13
Thành phần kinh tế khác	154.869	0,07	275.343	0,16
Dư nợ tại Chi nhánh nước ngoài	3.496.332	1,63	3.743.619	2,03
Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ và ứng trước cho khách hàng	2.300.284	1,08	2.616.258	1,42
	214.685.958	100,00	184.188.142	100,00

Phân tích dư nợ cho vay theo ngành

	31/12/2018		31/12/2017	
	triệu đồng	%	triệu đồng	%
Nông, lâm nghiệp và thủy sản	3.095.756	1,44	2.664.821	1,45
Khai khoáng	3.941.497	1,84	4.214.614	2,29
Công nghiệp chế biến, chế tạo	36.303.626	16,91	30.512.045	16,57
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng	6.263.470	2,92	6.136.832	3,33
Cung cấp nước, quản lý và xử lý rác thải, nước thải	748.549	0,35	696.279	0,38
Xây dựng	20.494.258	9,55	18.252.316	9,91
Bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô, xe máy	47.291.140	22,02	44.063.175	23,92
Vận tải kho bãi	10.048.584	4,68	10.925.421	5,93
Dịch vụ lưu trú, ăn uống	4.623.610	2,15	2.877.726	1,56
Thông tin và truyền thông	3.133.806	1,46	2.948.128	1,60
Hoạt động tài chính, ngân hàng, bảo hiểm	576.831	0,27	791.791	0,43
Hoạt động kinh doanh bất động sản	5.234.177	2,44	5.391.071	2,93
Chuyên môn, khoa học và công nghệ	210.248	0,10	224.198	0,12
Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	612.640	0,29	754.706	0,41
Giáo dục và đào tạo	525.213	0,24	253.829	0,14
Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	916.753	0,43	299.009	0,16
Nghệ thuật, vui chơi, giải trí	74.206	0,03	85.303	0,05
Hoạt động dịch vụ khác	74.323	0,03	230.300	0,13
Hoạt động làm thuê hộ gia đình	64.720.655	30,14	46.506.701	25,25
Dư nợ tại Chi nhánh nước ngoài	3.496.332	1,63	3.743.619	2,08
Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ và ứng trước cho khách hàng	2.300.284	1,08	2.616.258	1,42
	214.685.958	100,00	184.188.142	100,00

II

DỰ PHÒNG RỦI RO CHO VAY KHÁCH HÀNG

	DỰ PHÒNG CHUNG TRIỆU ĐỒNG	DỰ PHÒNG CỤ THỂ TRIỆU ĐỒNG	TỔNG CỘNG TRIỆU ĐỒNG
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	1.319.692	805.992	2.125.684
Dự phòng rủi ro trích lập trong năm	242.595	2.810.623	3.053.218
Xử lý rủi ro trong năm	-	(1.957.643)	(1.957.643)
Điều chỉnh của Kiểm toán Nhà nước	-	(13.654)	(13.654)
Chênh lệch tỷ giá	1.014	2.386	3.400
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	1.563.301	1.647.704	3.211.005

Thay đổi dự phòng rủi ro cho vay khách hàng trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

	DỰ PHÒNG CHUNG TRIỆU ĐỒNG	DỰ PHÒNG CỤ THỂ TRIỆU ĐỒNG	TỔNG CỘNG TRIỆU ĐỒNG
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	1.097.297	953.016	2.050.313
Trích lập dự phòng rủi ro trong kỳ	222.395	1.348.218	1.570.613
Sử dụng quỹ	-	(352.255)	(352.255)
Số dự phòng hạch toán của SDFC khi sáp nhập	-	(1.142.987)	(1.142.987)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	1.319.692	805.992	2.125.684

12

CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

	31/12/2018 TRIỆU ĐỒNG	31/12/2018 TRIỆU ĐỒNG
Chứng khoán nợ	70.304.687	42.669.224
Trái phiếu Chính phủ	43.802.956	37.156.069
Trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi do các TCTD khác trong nước phát hành	20.897.686	4.958.155
Trái phiếu do các TCKT trong nước phát hành	5.604.045	555.000
Chứng khoán vốn	162.717	422.653
Cổ phiếu do các TCTD khác trong nước phát hành	-	105.000
Cổ phiếu do các TCKT trong nước phát hành	162.717	317.653
Dự phòng rủi ro chứng khoán sẵn sàng để bán	(132.988)	(57.517)
Dự phòng giảm giá	(538)	(57.517)
Dự phòng chung cho rủi ro tín dụng	(132.450)	-
	70.334.416	43.034.360

Trái phiếu Chính phủ có kỳ hạn từ 3 đến 15 năm, được hưởng lãi suất 2,90% - 11,60%/năm.

Chứng khoán nợ do các TCTD trong nước phát hành có kỳ hạn từ 6 tháng đến 5 năm, được hưởng lãi suất 5,30% - 11,50%/năm.

Trái phiếu do các TCKT trong nước phát hành có kỳ hạn từ 18 tháng đến 10 năm, được hưởng lãi suất 9,80% - 10,50%/năm.

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2018 TRIỆU ĐỒNG	31/12/2018 TRIỆU ĐỒNG
Chứng khoán nợ	3.522.144	7.945.077
Trái phiếu Chính phủ	20.330	20.348
Trái phiếu do các TCTD khác trong nước phát hành	580.000	2.430.000
Trái phiếu do các TCKT trong nước phát hành	2.921.814	5.494.729

	31/12/2018 TRIỆU ĐỒNG	31/12/2018 TRIỆU ĐỒNG
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	(125.246)	(302.366)
Dự phòng chung	(45.246)	(44.608)
Dự phòng cụ thể	(80.000)	(257.758)
	3.396.898	7.642.711

Phân tích chất lượng chứng khoán được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng

	31/12/2018 TRIỆU ĐỒNG	31/12/2018 TRIỆU ĐỒNG
Nợ đủ tiêu chuẩn	29.943.545	10.923.468
Nợ có khả năng mất vốn	80.000	200.000
	30.023.545	11.123.468

Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư

Thay đổi dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư trong năm tài chính như sau:

	CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ SẴN SÀNG ĐỂ BÁN TRIỆU ĐỒNG	CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN TRIỆU ĐỒNG	TỔNG TRIỆU ĐỒNG
Số dư đầu kỳ	57.517	302.366	359.883
Phân loại lại sang dự phòng đầu tư dài hạn khác (*)	(119.445)	-	(119.445)
Trích lập/(hoàn nhập) trong năm	145.460	(57.120)	88.570
Phân loại từ dự phòng tài sản có khác sang (**)	49.226	-	49.226
Xử lý rủi ro trong năm	-	(120.000)	(120.000)
Số dư cuối kỳ	132.988	125.246	258.234

(*) Trong năm 2018, MB đã phân loại lại các chứng khoán vốn chưa niêm yết do các TCKT phát hành và khoản dự phòng tương ứng từ chứng khoán sẵn sàng để bán sang các khoản đầu tư dài hạn khác theo yêu cầu của Thông tư 10/2014/TT-NHNN. Việc phân loại lại này không ảnh hưởng đến tổng tài sản, công nợ, nguồn vốn và lợi nhuận trước thuế của MB.

(**) Trong năm 2018, Ngân hàng đã thực hiện phân loại lại một khoản đầu tư và khoản dự phòng tương ứng trước đây được ghi nhận là ủy thác đầu tư sang đầu tư chứng khoán sẵn sàng để bán. Khoản đầu tư này đã được thanh lý trong năm 2018.

13

GÓP VỐN, ĐẦU TƯ DÀI HẠN

Phân tích giá trị đầu tư theo loại hình đầu tư:

	31/12/2018 TRIỆU ĐỒNG	31/12/2018 TRIỆU ĐỒNG
Đầu tư vào công ty liên kết	-	50.061
Đầu tư dài hạn khác	931.653	1.064.147
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(203.610)	(129.646)
	728.043	984.562

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty liên kết như sau:

	% SỞ HỮU	GIÁ GỐC TRIỆU ĐỒNG	GIÁ TRỊ THUẦN THEO PHƯƠNG PHÁP VCSH TRIỆU ĐỒNG
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018			
Công ty Cổ phần Long Thuận Lộc	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư MIC	-	-	-
		-	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017			
Công ty Cổ phần Long Thuận Lộc	44,56%	31.680	34.761
Công ty Cổ phần Đầu tư MIC	47,40%	15.300	15.300
		46.980	50.061

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết là các khoản đầu tư của công ty con Công ty Cổ phần Tổng Công ty Địa ốc MB (“MB Land”). Trong năm, MB hoàn tất việc bán MB Land bao gồm cả khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Long Thuận Lộc, và đồng thời Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội (“MIC”) cũng hoàn tất việc thanh lý khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư MIC.

Đầu tư dài hạn

	31/12/2018 TRIỆU ĐỒNG	31/12/2018 TRIỆU ĐỒNG
Đầu tư vào các tổ chức kinh tế, đầu tư vào các dự án dài hạn	909.653	1.037.012
Đầu tư vào các quỹ đầu tư	22.000	27.135
	931.653	1.064.147

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty liên kết như sau:

	31/12/2018 TRIỆU ĐỒNG	31/12/2018 TRIỆU ĐỒNG
Số dư đầu kỳ	129.646	133.059
Dự phòng rủi ro trích lập trong kỳ	(3.472)	11.087
Xử lý rủi ro trong kỳ	-	(2.781)
Phân loại lại dự phòng rủi ro	119.445	(11.719)
Giảm do bán MBLand	(42.009)	-
Số dư cuối kỳ	203.610	129.646

14

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Biến động của tài sản cố định hữu hình trong năm 2018 như sau:

	NHÀ CỬA, VẬT KIẾN TRÚC TRIỆU ĐỒNG	MÁY MÓC THIẾT BỊ TRIỆU ĐỒNG	PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI TRIỆU ĐỒNG	TÀI SẢN HỮU HÌNH KHÁC TRIỆU ĐỒNG	TỔNG CỘNG TRIỆU ĐỒNG
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	1.373.016	1.006.132	563.281	140.602	3.083.031
Mua trong kỳ	33.976	169.628	81.140	9.877	294.621
Thanh lý, nhượng bán	-	(3.007)	(58.030)	(837)	(61.874)
Biến động khác	(1.271)	22.158	5.691	(18.966)	7.612
Giảm do bán MB Land	(38.104)	(2.968)	(14.098)	(409)	(55.579)
Chênh lệch tỷ giá	182	354	112	-	648
Số dư cuối năm	1.367.799	1.192.297	578.096	130.267	3.268.459
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	156.922	803.975	406.969	128.532	1.496.398
Khấu hao trong năm	58.528	116.945	65.048	4.084	244.605
Thanh lý, nhượng bán	-	(3.112)	(37.898)	(837)	(41.847)
Biến động khác	(1.379)	3.814	-	(3.340)	(905)
Giảm do bán MB Land	(5.605)	(2.071)	(8.246)	(370)	(16.292)
Chênh lệch tỷ giá	26	234	88	-	348
Số dư cuối năm	208.492	919.785	425.961	128.069	1.682.307
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	1.216.094	202.157	156.312	12.070	1.586.633
Tại ngày cuối năm	1.159.307	272.512	152.135	2.198	1.586.152

Biến động của tài sản cố định hữu hình trong năm 2017 như sau:

	NHÀ CỬA, VẬT KIẾN TRÚC TRIỆU ĐỒNG	MÁY MÓC THIẾT BỊ TRIỆU ĐỒNG	PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI TRIỆU ĐỒNG	TÀI SẢN HỮU HÌNH KHÁC TRIỆU ĐỒNG	TỔNG CỘNG TRIỆU ĐỒNG
Nguyên giá					
Số đầu năm	1.233.699	876.682	601.573	140.314	2.852.268
Tăng mới trong năm	139.423	132.306	79.619	2.039	353.387
Giảm trong năm	(106)	(2.671)	(116.958)	(1.719)	(121.454)
Giảm do bán Công ty Cổ phần Việt REMAX	-	(185)	(953)	(32)	(1.170)
Số cuối năm	1.373.016	1.006.132	563.281	140.602	3.083.031
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số đầu năm	101.902	697.480	429.097	109.575	1.338.054
Chi phí khấu hao trong năm	55.062	109.289	64.488	20.576	249.415
Giảm trong năm	(42)	(2.661)	(85.657)	(1.619)	(89.979)
Giảm do bán Công ty Cổ phần Việt REMAX	-	(133)	(959)	-	(1.092)
Số cuối năm	156.922	803.975	406.969	128.532	1.496.398
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	1.131.797	179.202	172.476	30.739	1.514.214
Tại ngày cuối năm	1.216.094	202.157	156.312	12.070	1.586.633

15

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Biến động của tài sản cố định vô hình trong năm 2018 như sau:

	QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT TRIỆU ĐỒNG	PHẦN MỀM MÁY VI TÍNH TRIỆU ĐỒNG	TSCĐ VÔ HÌNH KHÁC TRIỆU ĐỒNG	TỔNG CỘNG TRIỆU ĐỒNG
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	980.764	621.885	338	1.602.987
Mua trong năm	94.352	120.585	145	215.082
Thanh lý trong năm	-	(265)	-	(265)
Biến động khác	-	1.127	4.374	5.501
Giảm do bán MBLand	-	(186)	-	(186)
Chênh lệch tỷ giá	-	34	-	34
Số dư cuối năm	1.075.116	743.180	4.857	1.823.153
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	123.266	461.801	93	585.160
Tăng trong năm	18.604	102.620	1.149	122.373
Thanh lý trong năm	-	(265)	-	(265)
Biến động khác	-	1.715	1.130	2.845
Giảm do bán MBLand	-	(148)	-	(148)
Chênh lệch tỷ giá	-	26	-	26
Số dư cuối năm	141.870	565.749	2.372	709.991
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	857.498	160.084	245	1.017.827
Tại ngày cuối năm	933.246	177.431	2.485	1.113.162

Biến động của tài sản cố định vô hình trong năm 2017 như sau:

	QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT TRIỆU ĐỒNG	PHẦN MỀM MÁY VI TÍNH TRIỆU ĐỒNG	TSCĐ VÔ HÌNH KHÁC TRIỆU ĐỒNG	TỔNG CỘNG TRIỆU ĐỒNG
Nguyên giá				
Số đầu năm	964.940	436.531	2.677	1.404.148
Tăng trong năm	15.824	185.396	338	201.558
Thanh lý trong năm	-	-	(2.677)	(2.677)
Giảm khác	-	(42)	-	(42)
Số cuối năm	980.764	621.885	338	1.602.987
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số đầu năm	105.223	355.102	193	460.518
Khấu hao trong năm	18.043	106.741	96	124.880
Thanh lý trong năm	-	-	(196)	(196)
Giảm khác	-	(42)	-	(42)
Số cuối năm	123.266	461.801	93	585.160
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	859.717	81.429	2.484	943.630
Tại ngày cuối năm	857.498	160.084	245	1.017.827

16

BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Biến động của bất động sản đầu tư trong năm 2018 như sau:

	NHÀ CỬA, VẬT KIẾN TRÚC TRIỆU ĐỒNG	QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT CÓ THỜI HẠN TRIỆU ĐỒNG	TỔNG CỘNG TRIỆU ĐỒNG
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	-	100.296	100.296
Phân loại từ XDCB dở dang	30.813	-	30.813
Giảm do bán MB Land	-	(100.296)	(100.296)
Số dư cuối năm	30.813	-	30.813
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	7.513	7.513
Khấu hao trong năm	-	2.470	2.470
Giảm do bán MB Land	-	(9.983)	(9.983)
Số dư cuối năm	-	-	-
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	-	92.783	92.783
Số dư cuối năm	30.813	-	30.813

Biến động của bất động sản đầu tư trong năm 2017 như sau:

	QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT CÓ THỜI HẠN TRIỆU ĐỒNG	TỔNG CỘNG TRIỆU ĐỒNG
Nguyên giá		
Số đầu năm	155.728	155.728
Tăng trong năm	6.539	6.539
Giảm trong năm	(61.971)	(61.971)
Số cuối năm	100.296	100.296

	QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT CÓ THỜI HẠN TRIỆU ĐỒNG	TỔNG CỘNG TRIỆU ĐỒNG
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số đầu năm	6.553	6.553
Khấu hao trong năm	2.948	2.948
Giảm trong năm	(1.988)	(1.988)
Số cuối năm	7.513	7.513
Giá trị còn lại		
Số dư đầu năm	149.175	149.175
Số dư cuối năm	92.783	92.783

17

TÀI SẢN CÓ KHÁC

Các khoản phải thu

	31/12/2018 TRIỆU ĐỒNG	31/12/2017 TRIỆU ĐỒNG
Các khoản phải thu nội bộ	250.004	204.179
Các khoản phải thu bên ngoài (i)	8.427.501	7.003.623
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.647.614	1.766.138
	10.325.119	8.973.940

i. Các khoản phải thu bên ngoài

	31/12/2018 TRIỆU ĐỒNG	31/12/2017 TRIỆU ĐỒNG
Ký quỹ, thế chấp, cầm cố	508.427	334.881
Các khoản chờ Nhà nước thanh toán	11.613	13.854
Thuế giá trị gia tăng đầu vào	14.693	41.100
Phải thu liên quan đến dịch vụ Bankplus	74.028	548.603
Phải thu liên quan đến tài trợ thương mại	3.929.665	2.624.145
Phải thu liên quan đến dịch vụ thanh toán	1.323.902	465.573
Các khoản tạm ứng và đặt cọc hợp đồng	705.787	2.045.666
Phải thu trong hoạt động bảo hiểm của công ty con	280.990	110.079
Các khoản trả trước của công ty con	156.621	114.709
Dự phòng phí và bồi thường nghiệp vụ nhượng tái bảo hiểm của công ty con	502.585	358.931
Các khoản phải thu bên ngoài khác	919.190	346.082
	8.427.501	7.003.623

ii. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2018 TRIỆU ĐỒNG	31/12/2017 TRIỆU ĐỒNG
Dự án Lê Văn Lương	1.052.414	514.402
Các khoản chi phí mua sắm khác	595.200	644.506
Các dự án XDCB dở dang tại MBLand (*)	-	607.230
	1.647.614	1.766.138

(*) Trong năm, MB hoàn tất việc bán MB Land bao gồm khoản chi phí xây dựng cơ bản dở dang.

Tài sản có khác

	31/12/2018 TRIỆU ĐỒNG	31/12/2017 TRIỆU ĐỒNG
Vật liệu và công cụ	34.876	41.340
Lợi thế thương mại	66.658	75.409
Chi phí trả trước chờ phân bổ khác	603.695	683.118
Tài sản xiết nợ chờ xử lý	402.382	400.000
Hàng hóa bất động sản của công ty con	351.373	-
Phải thu về hoạt động ủy thác đầu tư	609.811	300.000
Tài sản Có khác (*)	198.813	117.094
	2.267.608	1.616.961

Dự phòng tài sản có khác

	NĂM 2018 TRIỆU ĐỒNG	NĂM 2017 TRIỆU ĐỒNG
Số dư đầu kỳ	925.717	507.665
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng trong năm	(17.830)	359.532
Xử lý rủi ro trong năm	(522.112)	(305.454)
Chênh lệch tỷ giá	152	-
Phân loại lại sang dự phòng đầu tư chứng khoán	(49.226)	363.974
Giảm do bán MBLand	(35.434)	-
Số dư cuối kỳ	301.267	925.717

18

LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	31/12/2018 TRIỆU ĐỒNG	31/12/2017 TRIỆU ĐỒNG
Giá trị lợi thế thương mại (“LTTM”)	94.261	94.261
Điều chỉnh của Kiểm toán Nhà nước (“KTNN”)	965	-
Tổng giá trị LTTM	95.226	94.261
Thời gian phân bổ (năm)	10	10
• Giá trị LTTM đã phân bổ lũy kế đầu kỳ	18.852	9.426
• Giá trị LTTM chưa phân bổ	76.374	84.835
Lợi thế thương mại phân bổ trong kỳ	(9.716)	(9.426)
• Giá trị LTTM phân bổ trong kỳ	(193)	(9.426)
• Giá trị LTTM phân bổ bổ sung theo điều chỉnh KTNN	(9.523)	-
Tổng giá trị LTTM chưa phân bổ cuối năm	66.658	75.409

19

CÁC KHOẢN NỢ CHÍNH PHỦ VÀ NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

	31/12/2018 TRIỆU ĐỒNG	31/12/2017 TRIỆU ĐỒNG
Tiền gửi của Kho bạc Nhà nước bằng VND	2.632.894	1.847.879

20

TIỀN GỬI VÀ VAY CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG KHÁC

Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác

	31/12/2018 TRIỆU ĐỒNG	31/12/2017 TRIỆU ĐỒNG
Tiền gửi không kỳ hạn	5.343.407	5.070.075
Bằng VND	5.324.995	5.007.079
Bằng ngoại tệ	18.412	62.996
Tiền gửi có kỳ hạn	35.349.525	31.142.139
Bằng VND	28.807.851	20.245.509
Bằng ngoại tệ	6.541.674	10.896.630
	40.692.932	36.212.214

Vay các tổ chức tín dụng khác

	31/12/2018 TRIỆU ĐỒNG	31/12/2017 TRIỆU ĐỒNG
Bằng VND	4.654.940	4.022.590
Trong đó:		
<i>Vay chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và các giấy tờ có giá khác</i>	500.185	2.000.000
Bằng ngoại tệ	15.123.009	5.866.353
	19.777.949	9.888.943

Mức lãi suất bình quân tiền gửi và tiền vay các tổ chức tín dụng khác tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	31/12/2018 %/NĂM	31/12/2017 %/NĂM
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	4,30	1,00
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	2,40	1,40
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	4,30 - 5,00	1,20 - 4,00
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	2,45 - 3,00	1,55 - 2,10
Tiền vay các tổ chức tín dụng khác bằng VND	5,00 - 5,20	4,10 - 4,50
Tiền vay các tổ chức tín dụng khác bằng ngoại tệ	2,45 - 3,20	1,60 - 2,40

21

TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2018 TRIỆU ĐỒNG	31/12/2017 TRIỆU ĐỒNG
Tiền gửi không kỳ hạn	76.888.783	66.297.035
• Bảng VND	66.271.139	55.128.418
• Bảng ngoại tệ	10.617.644	11.168.617
Tiền gửi có kỳ hạn	142.506.465	132.800.638
• Bảng VND	137.765.728	128.468.424
• Bảng ngoại tệ	4.740.737	4.332.214
Tiền gửi vốn chuyên dùng	4.925.934	1.660.248
• Bảng VND	137.765.728	128.468.424
• Bảng ngoại tệ	4.740.737	4.332.214
Tiền gửi vốn chuyên dùng	4.925.934	1.660.248
• Bảng VND	4.366.660	1.470.883
• Bảng ngoại tệ	559.274	189.365
Tiền gửi ký quỹ	15.643.136	19.418.101
• Bảng VND	8.273.441	8.296.118
• Bảng ngoại tệ	7.369.695	11.121.983
	239.964.318	220.176.022

Mức lãi suất bình quân theo tiền gửi khách hàng tại thời điểm cuối năm tài chính như sau:

	31/12/2018 %/NĂM	31/12/2017 %/NĂM
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	0,30	0,30
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,00	0,00
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	0,50 - 7,00	0,50 - 7,00
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,00	0,00

Tiền gửi của khách hàng theo đối tượng như sau:

	31/12/2018		31/12/2017	
	triệu đồng	%	triệu đồng	%
Tổ chức kinh tế	139.870.971	58,29	127.581.927	57,95
Cá nhân	100.093.347	41,71	92.594.095	42,05
Tổng	239.964.318	100,00	220.176.022	100,00

22

VỐN TÀI TRỢ, ỦY THÁC ĐẦU TƯ, CHO VAY TCTD CHỊU RỦI RO

	31/12/2018 TRIỆU ĐỒNG	31/12/2017 TRIỆU ĐỒNG
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay bằng VND	319.963	297.000

Đây là khoản trung và dài hạn nhận từ nguồn vốn tài trợ từ Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JBIC) bằng VND thông qua Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong khuôn khổ Dự án tài trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, lãi suất năm áp dụng cho các nguồn vốn này là 5,04%/năm.

23

PHÁT HÀNH GIẤY TỜ CÓ GIÁ

	31/12/2018 TRIỆU ĐỒNG	31/12/2017 TRIỆU ĐỒNG
Trái phiếu bằng VND	7.114.638	6.022.222
Từ 12 tháng đến 5 năm	4.789.646	2.492.248
Trên 5 năm	2.324.992	3.529.974
Chứng chỉ tiền gửi bằng VND	4.043.000	-
Dưới 12 tháng	4.043.000	-
	11.157.638	6.022.222

24

CÁC KHOẢN NỢ KHÁC

	31/12/2018 TRIỆU ĐỒNG	31/12/2017 TRIỆU ĐỒNG
Các khoản phải trả nội bộ	1.097.479	738.094
Các khoản phải trả bên ngoài (ii)	9.142.397	6.190.272
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	255.288	148.144
Quỹ khoa học công nghệ	268.000	-
	10.763.164	7.076.510

(i) Chi tiết các khoản phải trả bên ngoài:

	31/12/2018 TRIỆU ĐỒNG	31/12/2017 TRIỆU ĐỒNG
Các khoản thuế phải nộp Nhà nước		
(Thuyết minh số 25)	546.670	329.053
Chuyển tiền phải trả	179.069	88.509
Doanh thu chờ phân bổ	400.260	617.246
Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm	2.403.103	1.794.758
Phải trả về dịch vụ thanh toán khác	1.225.620	605.627
Phải trả giao dịch chuyển tiền liên ngân hàng	2.364.039	332.646
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn đầu tư kinh doanh chứng khoán	918.106	1.437.134
Phải trả và ứng trước người bán của công ty con	488.267	153.799
Các khoản chờ thanh toán khác	617.263	831.500
	9.142.397	6.190.272

25

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

	SỐ ĐẦU NĂM		BIẾN ĐỘNG TRONG NĂM		SỐ CUỐI NĂM	
	Phải thu triệu đồng	Phải trả triệu đồng	Phát sinh tăng triệu đồng	Phát sinh giảm triệu đồng	Phải thu triệu đồng	Phải trả triệu đồng
Thuế GTGT	(41.100)	46.280	287.893	(257.069)	(14.693)	50.697
Thuế TNDN hiện hành	-	222.014	1.587.739	(1.476.039)	-	333.714
Trong đó:						
• Thuế TNDN phát sinh trong kỳ			1.575.157	(1.437.585)		
• Điều chỉnh theo yêu cầu của Kiểm toán Nhà nước			8.256	(8.256)		
• Điều chỉnh theo báo cáo kiểm toán các công ty con			4.326	(4.326)		
• Giảm do bán MBLand	-	(25.872)				
Các loại thuế khác	-	60.759	582.254	(480.754)	-	162.259
Trong đó:						
• Giảm do bán MBLand			-	(8.541)		
	(41.100)	329.053	2.457.886	(2.213.862)	(14.693)	546.670

26

VỐN VÀ CÁC QUỸ

Báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	VỐN ĐIỀU LỆ TRIỆU ĐỒNG	THẶNG DƯ VỐN CỔ PHẦN TRIỆU ĐỒNG	VỐN KHÁC (*) TRIỆU ĐỒNG	QUỸ DỰ TRỮ BỔ SUNG VỐN ĐIỀU LỆ TRIỆU ĐỒNG	QUỸ DỰ PHÒNG TÀI CHÍNH TRIỆU ĐỒNG	QUỸ KHÁC THUỘC VCSH TRIỆU ĐỒNG	LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI TRIỆU ĐỒNG	LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT TRIỆU ĐỒNG	TỔNG CỘNG TRIỆU ĐỒNG
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	18.155.054	828.197	-	954.374	1.886.602	368.178	5.977.328	1.431.437	29.601.170
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	-	6.112.714	77.187	6.189.901
Tăng vốn điều lệ của Ngân hàng và công ty con thông qua chia cổ tức bằng cổ phiếu	3.449.460	(828.197)	27.834	-	-	-	(2.649.097)	306.000	306.000
Trích lập quỹ trong kỳ	-	-	-	218.540	433.320	351.162	(1.003.022)	-	-
Giảm do bán MB Land	-	-	-	-	-	(15.317)	24.924	(249.449)	(239.842)
Sử dụng quỹ trong kỳ	-	-	-	-	-	(309.695)	-	(64)	(309.759)
Điều chỉnh theo Kiểm toán Nhà nước	-	-	-	-	-	-	14.936	-	14.936
Chi trả cổ tức bằng tiền trong kỳ	-	-	-	-	-	-	(1.089.303)	(3.289)	(1.092.592)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(270.917)	(1.295)	(272.212)
Điều chỉnh của các công ty con theo kết quả kiểm toán năm trước	-	-	-	(8)	(14.853)	18.030	(23.606)	494	(19.943)
Điều chỉnh khác	-	-	-	(508)	3.198	(5.888)	29.714	(31.317)	(4.801)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	21.604.514	-	27.834	1.172.398	2.308.267	406.470	7.123.671	1.529.704	34.172.858

(*) Trong năm, công ty con trả cổ tức bằng cổ phiếu làm phát sinh khoản mục vốn khác khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu của MB và lợi ích của cổ đông không kiểm soát cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

	VỐN ĐIỀU LỆ TRIỆU ĐỒNG	THẶNG DƯ VỐN CỔ PHẦN TRIỆU ĐỒNG	QUỸ DỰ TRỮ BỔ SUNG VỐN ĐIỀU LỆ TRIỆU ĐỒNG	QUỸ DỰ PHÒNG TÀI CHÍNH TRIỆU ĐỒNG	QUỸ KHÁC TRIỆU ĐỒNG	LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI TRIỆU ĐỒNG	LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT TRIỆU ĐỒNG	TỔNG CỘNG TRIỆU ĐỒNG
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	17.127.409	828.197	803.078	1.588.748	305.174	4.699.337	1.236.503	26.588.446
Tăng vốn từ phát hành cổ phiếu	171.275	-	-	-	-	-	-	171.275
Tăng vốn do trả cổ tức bằng cổ phiếu	856.370	-	-	-	-	(856.370)	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	3.519.627	(29.212)	3.490.415
Trích bổ sung các quỹ cho năm 2016	-	-	151.674	301.476	229.846	(682.996)	-	-
Sử dụng quỹ trong năm	-	-	-	-	-	(1.027.645)	(26.848)	(1.054.493)
Trả cổ tức trong năm bằng tiền mặt	-	-	-	(3.185)	(167.568)	-	-	(170.753)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(199.348)	-	(199.348)
Trích quỹ dự trữ bắt buộc của các chi nhánh nước ngoài	-	-	-	-	1.992	(1.992)	-	-
Tăng do bán một phần sở hữu tại Công ty Tài chính TNHH MB Shensei	-	-	-	-	-	615.000	-	615.000
Tăng lợi ích cổ đông không kiểm soát do thay đổi tỷ lệ sở hữu công ty con	-	-	-	-	-	-	248.913	248.913
(Giảm)/tăng vốn và quỹ cho các cổ đông không kiểm soát	-	-	(378)	(437)	(1266)	-	2.081	-
Biến động khác	-	-	-	-	-	(88.285)	-	(88.285)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	18.155.054	828.197	954.374	1.886.602	368.178	5.977.328	1.431.437	29.601.170

Vốn cổ phần

Chi tiết vốn cổ phần đã được duyệt và đã phát hành của Ngân hàng là:

	31/12/2018		31/12/2017	
	Cổ phiếu	triệu đồng	Cổ phiếu	triệu đồng
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.160.451.381	21.604.514	1.815.505.363	18.155.054
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng				
• Cổ phiếu phổ thông	2.160.451.381	21.604.514	1.815.505.363	18.155.054
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành				
• Cổ phiếu phổ thông	2.160.451.381	21.604.514	1.815.505.363	18.155.054

Cổ tức

	31/12/2018 TRIỆU ĐỒNG	31/12/2017 TRIỆU ĐỒNG
Cổ tức đã công bố và đã trả trong năm		
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông		
Cổ tức bằng tiền mặt cho năm 2017: 600 đồng/cổ phiếu (2016: 600 đồng/cổ phiếu)	1.089.303	1.027.645
Cổ tức bằng cổ phiếu cho năm 2017: 5%/cổ phiếu (2016: 5%/cổ phiếu)	907.753	856.370

27

THU NHẬP LÃI VÀ CÁC KHOẢN THU NHẬP TƯƠNG TỰ

	31/12/2018 TRIỆU ĐỒNG	31/12/2017 TRIỆU ĐỒNG
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	24.824.365	19.876.026
Thu nhập lãi tiền gửi	752.738	693.404
Thu nhập lãi cho vay khách hàng và các TCTD khác	18.488.420	14.226.838
Thu lãi từ chứng khoán nợ	3.877.212	3.604.969
Thu từ nghiệp vụ bảo lãnh	1.200.018	1.059.411
Thu khác từ hoạt động tín dụng	505.977	291.404

	31/12/2018 TRIỆU ĐỒNG	31/12/2017 TRIỆU ĐỒNG
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(10.240.868)	(8.657.074)
Trả lãi tiền gửi	(8.707.729)	(7.448.078)
Trả lãi tiền vay	(671.459)	(654.339)
Trả lãi phát hành giấy tờ có giá	(617.067)	(335.578)
Chi phí hoạt động tín dụng khác	(244.613)	(219.079)
Thu nhập lãi thuần	14.583.497	11.218.952

28

LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ

	31/12/2018 TRIỆU ĐỒNG	31/12/2017 TRIỆU ĐỒNG
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	5.719.062	3.222.839
Thu từ dịch vụ thanh toán	708.251	547.388
Thu từ dịch vụ ngân quỹ	19.406	14.083
Thu từ dịch vụ tư vấn	178.375	47.917
Thu từ kinh doanh và dịch vụ bảo hiểm	2.866.133	1.850.510
Thu từ dịch vụ đại lý nhận ủy thác	26.368	5.357
Thu từ xử lý nợ, thẩm định giá và khai thác tài sản	396.199	384.144
Thu từ hoạt động môi giới chứng khoán	389.915	315.621
Thu từ chuyển nhượng dự án	797.711	-
Thu phí khác	336.704	57.819
Chi phí hoạt động dịch vụ	(3.157.752)	(2.092.163)
Chi về dịch vụ thanh toán	(66.651)	(53.929)
Chi về nghiệp vụ ủy thác và đại lý	(12.471)	(3.669)
Chi về dịch vụ tư vấn	(50)	(5.087)
Chi phí hoa hồng môi giới	(199.477)	(56.268)
Chi về hoạt động ngân quỹ	(5.279)	(6.568)
Chi về hoạt động kinh doanh bảo hiểm	(1.345.601)	(1.487.862)
Chi về xử lý nợ, thẩm định giá và khai thác tài sản	(404.917)	(277.866)

	31/12/2018 TRIỆU ĐỒNG	31/12/2017 TRIỆU ĐỒNG
Chi về hoạt động môi giới chứng khoán	(55.907)	(48.621)
Chi về chuyển nhượng dự án	(801.274)	-
Chi khác	(266.125)	(152.293)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	2.561.310	1.130.676

29

LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NGOẠI HỐI

	31/12/2018 TRIỆU ĐỒNG	31/12/2017 TRIỆU ĐỒNG
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối		
Thu về kinh doanh ngoại tệ	679.108	390.305
Thu từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	400.500	282.842
Thu về kinh doanh vàng	306	151
Chi phí về hoạt động kinh doanh ngoại hối		
Chi về kinh doanh ngoại tệ	(164.844)	(192.012)
Chi về các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	(470.410)	(279.481)
Chi từ kinh doanh vàng	(92)	(33)
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	444.568	201.772

30

LÃI THUẦN TỪ MUA BÁN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ VÀ ĐẦU TƯ DÀI HẠN

	31/12/2018 TRIỆU ĐỒNG	31/12/2017 TRIỆU ĐỒNG
Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	224.854	92.597
Chi về mua bán chứng khoán kinh doanh	(72.926)	(28.508)
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	151.928	64.089

31

LÃI THUẦN TỪ MUA BÁN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ VÀ ĐẦU TƯ DÀI HẠN

	31/12/2018 TRIỆU ĐỒNG	31/12/2017 TRIỆU ĐỒNG
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	485.228	190.878
Chi về chứng khoán đầu tư	(251.569)	(112.452)
(Trích lập)/hoàn nhập dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư	(88.570)	13.017
(Trích lập)/hoàn nhập dự phòng rủi ro đầu tư dài hạn	3.472	(11.087)
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư và đầu tư dài hạn	148.561	80.356

32

THU NHẬP TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	31/12/2018 TRIỆU ĐỒNG	31/12/2017 TRIỆU ĐỒNG
Thu nhập từ hoạt động khác	2.421.246	1.633.022
Thu từ nợ xấu đã được xử lý	1.021.794	779.399
Thu từ các công cụ tài chính phái sinh khác	228.310	167.543
Thu từ chuyển nhượng thanh lý tài sản	5.685	100.126
Thu từ về mua bán nợ	121.250	-
Thu từ bán bất động sản	765.565	227.070
Thu về hoạt động kinh doanh khác	278.642	358.884
Chi phí cho hoạt động khác	(904.167)	(523.948)
Chi về các công cụ tài chính phái sinh khác	(153.634)	(143.789)
Chi về bán bất động sản	(654.905)	(201.718)
Chi về hoạt động kinh doanh khác	(95.628)	(178.441)
Lãi thuần từ hoạt động khác	1.517.079	1.109.074

33

THU NHẬP TỪ GÓP VỐN MUA CỔ PHẦN

	31/12/2018 TRIỆU ĐỒNG	31/12/2017 TRIỆU ĐỒNG
Cổ tức	40.539	34.421
Thu khác từ góp vốn mua cổ phần	89.081	27.736
Tổng	129.620	62.157

34

TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

	31/12/2018 TRIỆU ĐỒNG	31/12/2017 TRIỆU ĐỒNG
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	46.476	34.282
Chi phí cho nhân viên	4.968.364	3.410.749
Chi lương và các khoản đóng góp theo lương	4.791.618	3.381.614
Chi trợ cấp thất nghiệp	26.676	29.135
Chi khác cho nhân viên	150.070	-
Chi về tài sản	1.128.422	967.191
Trong đó:		
Khấu hao tài sản cố định	369.448	377.243
Chi khác về tài sản	758.974	589.948
Chi cho hoạt động quản lý công vụ	2.181.950	1.442.183
Trong đó:		
Công tác phí	118.466	62.324
Chi về các hoạt động đoàn thể của TCTD	7.233	11.019
Chi khác cho hoạt động quản lý	2.056.251	1.368.840
Chi quỹ khoa học công nghệ	268.000	-
Chi nộp phí bảo hiểm, bảo toàn tiền gửi của khách hàng	140.590	144.834
	8.733.802	5.999.239

35

CHI PHÍ DỰ PHÒNG RỦI RO

	31/12/2018 TRIỆU ĐỒNG	31/12/2017 TRIỆU ĐỒNG
Hoàn nhập dự phòng tiền gửi tại và cho vay TCTD	-	(216)
Trích lập dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	3.053.218	1.570.613
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng rủi ro cho các tài sản Có khác	(17.830)	359.532
Trích lập dự phòng trái phiếu đặc biệt VAMC	-	1.322.182
	3.035.388	3.252.111

36

CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2016, MB có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) là 20% trên tổng lợi nhuận chịu thuế tại Việt Nam theo quy định của Thông tư số 78/2014/TT-BTC có hiệu lực ngày 2 tháng 8 năm 2014.

Đối với Chi nhánh Ngân hàng tại Campuchia, MB thực hiện tính và xác định thuế TNDN phải nộp theo các quy định về thuế thu nhập tại Campuchia. Theo Luật Thuế ngày 8 tháng 1 năm 1997, số thuế thu nhập doanh nghiệp của Chi nhánh Ngân hàng tại Campuchia được xác định là số lớn hơn giữa giá trị thuế phải nộp tối thiểu, được xác định bằng 1% tổng doanh thu (có bao gồm thuế giá trị gia tăng) hoặc 20% lợi nhuận thu được. Thuế TNDN của Chi nhánh Ngân hàng tại Campuchia cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được xác định bằng 1% tổng doanh thu.

Đối với Chi nhánh Ngân hàng tại Lào, Ngân hàng thực hiện tính và xác định thuế TNDN phải nộp theo các quy định về thuế thu nhập tại Lào. Theo Luật Thuế số 70 do Quốc hội ban hành ngày 15 tháng 12 năm 2015, số thuế TNDN của Chi nhánh Ngân hàng tại Lào được xác định bằng 24% lợi nhuận thu được.

Các báo cáo thuế của MB sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với từng loại nghiệp vụ và tại từng quốc gia có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất này có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế nước sở tại.

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập được tính thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác do có sự khác biệt giữa việc ghi nhận theo chính sách kế toán của MB và các quy định thuế hiện hành, và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của MB được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ được ước tính như sau:

	31/12/2018 TRIỆU ĐỒNG	31/12/2017 TRIỆU ĐỒNG
Lợi nhuận thuần trước thuế	7.767.373	4.615.726
Điều chỉnh cho các khoản		
• Thu nhập từ cổ tức không chịu thuế	(172.048)	(55.808)
• Lỗ/(Lãi) thuần của các chi nhánh nước ngoài	(58.418)	46.120
• Chi phí không được khấu trừ khi tính thuế	56.980	100.541
• Điều chỉnh khác	(146)	-
• Lỗ lũy kế được chuyển trong năm của công ty con	(56.699)	(2.535)
• Lợi nhuận tính thuế của các công ty con	319.361	(122.206)
• Các bút toán điều chỉnh hợp nhất không chịu thuế	(15.329)	707.056
Thu nhập chịu thuế ước tính trong kỳ	7.841.074	5.288.894
• Thuế TNDN của Ngân hàng tại Việt Nam	1.369.102	1.057.779
• Thuế TNDN của Chi nhánh nước ngoài	3.808	2.719
• Dự phòng thừa trong những năm trước	-	(4.721)
• Thuế TNDN của các công ty con	202.247	69.329
Chi phí thuế TNDN trong kỳ	1.575.157	1.125.106
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ	222.014	77.668
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	(1.450.167)	(980.880)
Điều chỉnh của KTNN	8.256	-
Giảm do bán MBLand	(25.872)	-
Giảm do bán VietRemax	-	120
Điều chỉnh kiểm toán của các công ty con	4.326	-
Thuế TNDN phải trả cuối kỳ	333.714	222.014

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Biến động tài sản và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong kỳ:

	31/12/2018 TRIỆU ĐỒNG	31/12/2017 TRIỆU ĐỒNG
Số dư đầu kỳ	1.436	1.641
Các khoản chênh lệch tạm thời tính thuế	71.705	1.025
Thuế suất tính thuế hoãn lại trong kỳ hiện hành	20%	20%
Thu nhập/(Chi phí) thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong kỳ	14.341	(205)
Số dư cuối kỳ	15.777	1.436

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả

Biến động tài sản và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong kỳ:

	31/12/2017 TRIỆU ĐỒNG
Số dư đầu kỳ	-
Các khoản chênh lệch tạm thời tính thuế	83.282
Thuế suất tính thuế hoãn lại trong kỳ hiện hành	20%
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong kỳ	16.656
Số dư cuối kỳ	16.656

37

LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	NĂM 2018	NĂM 2017 (TRÌNH BÀY LẠI)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (triệu đồng)	6.112.714	3.519.627
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng phúc lợi (triệu đồng) (*)	-	(270.917)

	NĂM 2018	NĂM 2017 (TRÌNH BÀY LẠI)
Lợi nhuận thuần để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.112.714	3.248.710
Số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông (**)	2.160.451.381	2.160.451.381
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	2.829	1.504

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2017 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính năm 2018 để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2017 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 09/NQ-MB-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 3 năm 2018.

(**) Theo hướng dẫn tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 – Lãi trên cổ phiếu, nếu số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành tăng lên do vốn hóa, phát hành cổ phiếu thưởng, tách cổ phiếu hoặc giảm đi do gộp cổ phiếu, MB điều chỉnh hồi tố "Lãi cơ bản trên cổ phiếu" cho tất cả các kỳ báo cáo.

38

TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2018 TRIỆU ĐỒNG	31/12/2017 TRIỆU ĐỒNG
Tiền và các khoản tương đương tiền tại quỹ	1.736.571	1.842.032
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	10.548.084	6.683.682
Tiền gửi thanh toán tại các TCTD	11.536.082	17.759.458
Tiền gửi có kỳ hạn tại các TCTD khác không quá ba tháng kể từ ngày mua	23.827.347	20.268.897
	47.648.084	46.554.069

39

TÌNH HÌNH THU NHẬP CỦA CÁN BỘ, CÔNG NHÂN VIÊN

	NĂM 2018	NĂM 2017
Số lượng cán bộ, công nhân viên bình quân trong năm (người)	13.957	11.835
Thu nhập của cán bộ, công nhân viên (triệu đồng)	4.279.974	3.203.571
Thu nhập bình quân tháng (triệu đồng/người/tháng)	25,89	22,56

40

GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường, MB có phát sinh các giao dịch với các bên liên quan. Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Một bên được coi là bên có liên quan với MB nếu:

- (a) Trực tiếp hoặc gián tiếp qua một hay nhiều bên trung gian, bên này:
 - kiểm soát hoặc bị kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát chung bởi MB (bao gồm các công ty mẹ, công ty con);
 - có vốn góp (sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên) vào MB và do đó có ảnh hưởng đáng kể tới MB;
 - có quyền đồng kiểm soát MB;
- (b) Bên liên quan là công ty liên doanh, liên kết mà MB là một bên liên doanh, liên kết (sở hữu trên 11% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết, nhưng không phải là công ty con);
- (c) Bên liên quan có thành viên là nhân sự chính trong Hội đồng Quản trị hoặc Ban Điều hành của MB;
- (d) Bên liên quan là thành viên mật thiết trong gia đình của bất kỳ cá nhân nào đã nêu trong điểm (a) hoặc (c); hoặc
- (e) Bên liên quan là một đơn vị trực tiếp hoặc gián tiếp chịu sự kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể, hoặc có quyền biểu quyết bởi bất kỳ cá nhân nào được đề cập đến trong điểm (c) hoặc (d)

Chi tiết số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 như sau:

	31/12/2018 TRIỆU ĐỒNG PHẢI THU/(PHẢI TRẢ)
Cổ đông lớn	
Tiền gửi tại MB	7.488.952
Tiền MB cho vay	243.852
Chi tiết giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau:	

	NĂM 2018 TRIỆU ĐỒNG
Cổ đông lớn	
Thu nhập lãi tiền vay	24.953
Chi phí lãi tiền gửi	(457.731)
Chi phí lãi tiền vay	(237.370)
Chi phí lãi từ giấy tờ có giá đã phát hành	(238.000)
Giải ngân tiền cho vay	(43.730)
Thu nợ gốc cho vay	102.525

MB thực hiện chi trả thủ lao của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát căn cứ theo Nghị quyết số 09/NQ-MB-ĐHCĐ ngày 29 tháng 3 năm 2018 của Đại hội Cổ đông, theo đó tỷ lệ chi trả thủ lao và ngân sách hoạt động là 1% lợi nhuận sau thuế. Thu nhập của Ban Điều hành được chi trả theo Quy chế Lương của MB.

4

BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG TRIỆU ĐỒNG	CHỨNG KHOÁN - QUẢN LÝ QUỸ TRIỆU ĐỒNG	BẢO HIỂM TRIỆU ĐỒNG	KHAI THÁC NG - QUẢN LÝ TÀI SẢN TRIỆU ĐỒNG	KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN TRIỆU ĐỒNG	TỔNG CỘNG TRIỆU ĐỒNG
I. Doanh thu						
1. Doanh thu lãi	24.236.184	378.169	181.104	19.906	9.002	24.824.365
2. Doanh thu từ hoạt động dịch vụ	792.191	524.407	2.866.133	738.619	797.712	5.719.062
3. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh khác	2.048.054	32.385	93.374	165.468	956.642	3.295.923
II. Chi phí						
1. Chi phí lãi	(10.059.140)	(174.983)	(5.411)	-	(1.334)	(10.240.868)
2. Chi phí khấu hao TSCĐ	(322.493)	(9.001)	(28.511)	(3.017)	(6.426)	(369.448)
3. Chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh	(6.335.190)	(548.626)	(3.313.212)	(615.257)	(1.613.988)	(12.426.273)
Kết quả kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro	10.359.606	202.351	(206.523)	305.719	141.608	10.802.761
Chi phí dự phòng rủi ro	(3.051.913)	18.943	(2.760)	9.295	(8.953)	(3.035.388)
Kết quả kinh doanh bộ phận	7.307.693	221.294	(209.283)	315.014	132.655	7.767.373
III. Tài sản						
Tiền mặt	1.734.482	474	897	718	-	1.736.571
Tài sản cố định	2.406.544	29.946	225.391	37.433	-	2.699.314
Tài sản khác	347.728.878	3.935.028	5.094.906	1.130.365	-	357.889.177
IV. Nợ phải trả						
1. Nợ phải trả khách hàng bên ngoài	312.926.175	1.273.582	404.259	-	-	314.604.016
2. Nợ phải trả nội bộ	978.531	28.600	65.092	25.246	-	1.097.469
3. Nợ phải trả khác	8.059.677	1.026.941	3.144.359	219.742	-	12.450.719

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

	MIỀN BẮC TRIỆU ĐỒNG	MIỀN NAM TRIỆU ĐỒNG	MIỀN TRUNG TRIỆU ĐỒNG	NƯỚC NGOÀI TRIỆU ĐỒNG	TỔNG CỘNG TRIỆU ĐỒNG
Kết quả kinh doanh bộ phận	5.781.826	1.304.538	622.591	58.418	7.767.373
III. Tài sản					
1. Tiền mặt	889.640	581.788	225.353	39.790	1.736.571
2. Tài sản cố định	2.629.826	43.223	18818	7.447	2.699.314
3. Tài sản khác	256.133.268	72.994.109	26.131.799	2.630.001	357.889.177
IV. Nợ phải trả					
Nợ phải trả khách hàng bên ngoài	256.611.371	42.485.606	13.319.179	2.187.860	314.604.016
Nợ phải trả nội bộ	1.076.081	15.211	6.177	-	1.097.469
Nợ phải trả khác	(30.672.673)	30.161.587	12.553.589	408.216	12.450.719

Mức độ tập trung theo khu vực đại lý của tài sản, công nợ và các khoản mục ngoại bảng

	TỔNG NỢ CHO VAY TRIỆU ĐỒNG	TỔNG TIỀN GỬI TẠI NHNN VÀ CÁC TCTD KHÁC TRIỆU ĐỒNG	GAM KẾT NGOẠI ĐĂNG TRIỆU ĐỒNG	CÔNG CỤ TÀI CHÍNH PHẢI SINH TRIỆU ĐỒNG	KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOẢN TRIỆU ĐỒNG
Trong nước	221.083.825	44.756.876	115.858.056	5.634	74.673.582
Nước ngoài	3.496.332	1.154.637	384.749	-	-
	224.580.157	45.911.513	116.242.805	5.634	74.673.582

42

CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Phần này cung cấp thông tin về các rủi ro mà MB có thể gặp phải và mô tả chi tiết các phương pháp mà Ban Điều hành MB sử dụng để kiểm soát rủi ro. Các loại rủi ro tài chính quan trọng nhất mà MB thường gặp phải là rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường.

Định hướng của MB là trở thành một tập đoàn tài chính đa năng. Do vậy, việc sử dụng các công cụ tài chính, bao gồm huy động vốn từ khách hàng (bằng sản phẩm tiền gửi và phát hành giấy tờ có giá) và đầu tư vào các tài sản tài chính có chất lượng cao đã trở thành hoạt động mang tính then chốt giúp MB đạt được mức chênh lệch lãi suất cần thiết. Xét từ khía cạnh quản lý rủi ro, MB phải duy trì cơ cấu danh mục tài sản, công nợ và nguồn vốn (bao gồm các khoản mục nội bảng và ngoại bảng) vì mục tiêu an toàn, giảm thiểu rủi ro trong hoạt động kinh doanh. Bên cạnh đó, MB thực hiện đầu tư vào các chứng khoán hay cấp tín dụng cho các ngân hàng khác. Những rủi ro liên quan đến trao đổi ngoại tệ và thay đổi lãi

suất được quản lý thông qua áp dụng hạn mức trạng thái nhằm hạn chế sự tập trung quá mức, đồng thời tham gia vào các hoạt động có tác dụng cân bằng lẫn nhau để giảm thiểu rủi ro. Việc nắm giữ nhiều tài sản là các công cụ tài chính có chất lượng cao giúp cơ cấu bảng cân đối kế toán hợp nhất của MB có khả năng phòng ngừa rủi ro trọng yếu trong quá trình hoạt động kinh doanh và đảm bảo khả năng thanh khoản. Thêm vào đó, MB cũng tham gia vào nhiều giao dịch phòng ngừa rủi ro liên quan đến các công cụ tài chính.

Trong quá trình quản lý rủi ro tín dụng, MB đã áp dụng Cẩm nang Tín dụng trong đó ghi chi tiết các chính sách và thủ tục cho vay cũng như các hướng dẫn thực hiện để chuẩn hóa các hoạt động tín dụng của MB. Rủi ro thanh khoản được hạn chế thông qua việc nắm giữ một số lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền dưới dạng tài khoản Nostro ở mức độ hợp lý, các khoản tiền gửi và cho vay tại Ngân hàng Nhà nước và các tổ chức tín dụng khác và các giấy tờ có giá. Các tỷ lệ an toàn có tính đến yếu tố rủi ro cũng được sử dụng để quản lý rủi ro thanh khoản. Thêm vào đó, việc áp dụng các quy trình quản lý rủi ro nội bộ cũng trở nên hiệu quả hơn nhờ việc triển khai Hệ thống Quản lý Vốn Tập trung và Hệ thống Thanh toán Tập trung, theo đó toàn bộ các giao dịch vốn và thanh toán của Ngân hàng đều do Hội sở chính thực hiện. Việc đó cho phép Ngân hàng giám sát hiệu quả hơn các biến đổi về vốn và giảm các sai sót có thể xảy ra cũng như những thủ tục phức tạp không cần thiết.

43

RỦI RO LÃI SUẤT

Các hoạt động của MB chịu rủi ro về biến động lãi suất khi các tài sản thu lãi và nợ phải trả chịu lãi đáo hạn tại những thời điểm khác nhau hoặc với những giá trị khác nhau. Một số tài sản không có kỳ hạn cụ thể hoặc rất nhạy cảm với lãi suất và không tương ứng với từng khoản công nợ cụ thể.

Bảng dưới đây trình bày các tài sản và nợ phải trả của MB được phân loại theo thời hạn định giá lại lãi suất theo hợp đồng hoặc theo ngày đáo hạn và lãi suất thực tế tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thời hạn định lại lãi suất thực tế là thời hạn còn lại tính từ ngày báo cáo cho tới kỳ định lại lãi suất gần nhất của các khoản mục tài sản và nguồn vốn.Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời hạn định lại lãi suất thực tế của các tài sản và công nợ của MB:

- Tiền mặt, vàng bạc đá quý; góp vốn đầu tư dài hạn và các tài sản có khác (bao gồm tài sản cố định và một số tài sản có khác) được xếp loại khoản mục không bị ảnh hưởng do định lại lãi suất;
- Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được xếp loại tiền gửi thanh toán do đó kỳ hạn định lại lãi suất thực tế được xếp loại đến một tháng;
- Thời hạn định lại lãi suất thực tế của chứng khoán đầu tư và chứng khoán kinh doanh được xác định như sau:
 - Các khoản mục có lãi suất cố định trong suốt thời gian của hợp đồng: Thời hạn định lại lãi suất thực tế dựa trên thời gian đáo hạn thực tế tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất;
 - Các khoản mục có lãi suất thả nổi: Thời hạn định lại lãi suất thực tế dựa trên kỳ định lại lãi suất gần nhất tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất;
 - Các chứng khoán đầu tư và chứng khoán kinh doanh là chứng khoán vốn được xếp vào khoảnmục không bị ảnh hưởng do định lại lãi suất.
- Thời hạn định lại lãi suất thực tế của các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD; các khoản cho vay khách hàng, các khoản ủy thác và nhận ủy thác; nợ Chính phủ và NHNN; các khoản tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng; các khoản tiền gửi của khách hàng; các khoản vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro

- và phát hành giấy tờ có giá được xác định như sau:
 - Các khoản mục có lãi suất cố định trong suốt thời gian của hợp đồng: Thời hạn định lại lãi suất thực tế dựa trên thời gian đáo hạn thực tế tính từ thời điểm lập bảng cân đối kế toán hợp nhất;
 - Các khoản mục có lãi suất thả nổi: Thời hạn định lại lãi suất thực tế dựa trên kỳ định lại lãi suất gần nhất tính từ thời điểm lập bảng cân đối kế toán hợp nhất;
- Thời hạn định lại lãi suất của các khoản nợ khác được xếp vào khoản mục không bị ảnh hưởng do định lại lãi suất.

Bảng dưới đây trình bày thời hạn định lại lãi suất của tài sản và nợ phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2018:

	THỜI HẠN ĐỊNH LẠI LÃI SUẤT								
	QUÁ HẠN TRIỆU ĐỒNG	KHÔNG CHỊU LÃI TRIỆU ĐỒNG	ĐẾN 1 THÁNG TRIỆU ĐỒNG	TỪ 1 - 3 THÁNG TRIỆU ĐỒNG	TỪ 3 - 6 THÁNG TRIỆU ĐỒNG	TỪ 6 - 12 THÁNG TRIỆU ĐỒNG	TỪ 1 - 5 NĂM TRIỆU ĐỒNG	TRÊN 5 NĂM TRIỆU ĐỒNG	TỔNG CỘNG TRIỆU ĐỒNG
Tài sản									
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	1.736.571	-	-	-	-	-	-	1.736.571
Tiền gửi tại NHNN	-	4.029	10.544.055	-	-	-	-	-	10.548.084
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	196.000	446.573	34.983.763	3.468.597	2.479.049	2.662.906	1.020.740	-	45.257.628
Chứng khoán kinh doanh (*)	-	684.035	-	-	-	-	-	-	684.035
Cho vay khách hàng (*)	5.849.777	5.393.983	69.995.355	111.604.984	9.540.110	7.414.123	3.224.890	1.662.736	214.685.958
Chứng khoán đầu tư (*)	80.000	562.717	30.208.847	2.424.227	242.748	2.095.098	17.748.496	20.627.415	73.989.548
Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	-	931.653	-	-	-	-	-	-	931.653
Tài sản cố định và Bất động sản đầu tư	-	2.730.127	-	-	-	-	-	-	2.730.127
Tài sản Có khác (*)	287.966	15.749.971	-	-	-	-	-	-	16.037.937
Tổng tài sản	6.413.743	28.239.659	145.732.020	117.497.808	12.261.907	12.172.127	21.994.126	22.290.151	366.601.541
Nợ phải trả									
Các khoản nợ NHNN	-	-	632.894	2.000.000	-	-	-	-	2.632.894
Tiền gửi và vay từ TCTD khác	-	5.077.000	32.755.788	12.427.948	3.829.883	5.439.345	913.835	27.082	60.470.881
Tiền gửi của khách hàng	-	310.000	141.734.995	15.624.218	23.809.940	20.948.980	37.514.030	22.155	239.964.318
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	5.634	-	-	-	-	-	-	5.634
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	-	-	4.156	4.517	120.805	190.485	-	-	319.963
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	143.000	846.582	5.792.239	3.680.000	695.817	11.157.638
Các khoản nợ khác (*)	-	13.600.876	-	-	-	-	-	-	13.600.876
Tổng nợ phải trả	-	18.993.510	175.127.833	30.199.683	28.607.210	32.371.049	42.107.865	745.054	328.152.204
Mức chênh lệch cảm với lãi suất nội bảng	6.413.743	9.246.149	(29.395.813)	87.298.125	(16.345.303)	(20.198.922)	(20.113.739)	21.545.097	38.449.337

(*): Không bao gồm dự phòng rủi ro

44

RỦI RO TIỀN TỆ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị biến động xuất phát từ biến động tỷ giá. MB được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là Đồng Việt Nam. Đồng tiền giao dịch chính của MB cũng là đồng Việt Nam. Các khoản cho vay khách hàng của MB chủ yếu bằng đồng Việt Nam và Đô la Mỹ. Một số tài sản khác của MB bằng ngoại tệ khác ngoài đồng Việt Nam và Đô la Mỹ. MB đã thiết lập hạn mức trạng thái cho từng loại tiền tệ dựa trên hệ thống đánh giá rủi ro nội bộ của MB và các quy định của NHNN. Trạng thái đồng tiền được quản lý hàng ngày và chiến lược phòng ngừa rủi ro được MB sử dụng để đảm bảo trạng thái đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập.

Phân loại tài sản và công nợ theo loại tiền tệ đã được quy đổi sang VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 như sau:

	USD ĐƯỢC QUY ĐỔI TRIỆU ĐỒNG	EUR ĐƯỢC QUY ĐỔI TRIỆU ĐỒNG	NGOẠI TỆ KHÁC QUY ĐỔI TRIỆU ĐỒNG	TỔNG CỘNG TRIỆU ĐỒNG
Tài sản				
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	408.882	63.890	61.012	533.784
Tiền gửi tại NHNN	1.046.437	-	283.317	1.329.754
Tiền, vàng gửi tại và cho vay các TCTD khác	6.768.126	1.996.923	318.223	9.083.272
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	2.353.134	-	8.455	2.361.589
Cho vay và ứng trước khách hàng (*)	21.461.870	11.998	760.976	22.234.844
Chứng khoán đầu tư (*)	4.642.000	-	-	4.642.000
Góp vốn đầu tư dài hạn (*)	-	2.657	-	2.657
Tài sản cố định	3.588	-	3.859	7.447
Tài sản Có khác (*)	4.238.009	242.053	97.798	4.577.860
Tổng tài sản	40.922.046	2.317.521	1.533.640	44.773.207
Nợ phải trả				
Tiền gửi của và vay từ NHNN và các TCTD khác	21.267.345	88.421	327.329	21.683.095
Tiền gửi của khách hàng	20.597.795	2.254.423	437.657	23.289.875
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	4.204.728	53.222	287.599	4.545.549
Các khoản nợ khác (*)	269.195	3.543	38.765	311.503
Tổng nợ phải trả	46.339.063	2.399.609	1.091.350	49.830.022
Trạng thái tiền tệ nội bảng	(5.417.017)	(82.088)	442.290	(5.056.815)

(*): Không bao gồm dự phòng rủi ro

45

RỦI RO THANH KHOẢN

Rủi ro thanh khoản bao gồm rủi ro do việc không có khả năng huy động được tài sản theo các thời điểm đáo hạn và lãi suất phù hợp cũng như rủi ro do việc không có khả năng thanh lý được một tài sản với một giá cả hợp lý và trong một khoảng thời gian phù hợp.

MB sử dụng phương pháp đo lường rủi ro phù hợp với quy mô hoạt động và sự sẵn có của hệ thống thông tin, đảm bảo đáp ứng yêu cầu giảm thiểu rủi ro. Rủi ro thanh khoản được đo lường thông qua việc sử dụng các chỉ số liên quan tới dòng tiền, khả năng huy động vốn, khả năng thanh khoản tài sản của MB. Ngoài ra, MB cũng có các bộ phận chuyên trách cập nhật các thông tin kinh tế trong và ngoài nước có ảnh hưởng trực tiếp tới Sổ kinh doanh (Trading book) và chiến lược kinh doanh của MB cũng như dự báo biến động của các yếu tố thị trường: tỷ giá, lãi suất, giá vàng để có những cảnh báo rủi ro kịp thời. MB cũng xây dựng và áp dụng hệ thống hạn mức, thẩm quyền phán quyết từng cấp dựa trên kết quả đo lường rủi ro cho từng danh mục.

Bảng dưới đây trình bày phân tích tài sản và nợ phải trả của MB theo các nhóm kỳ đáo hạn tương ứng tính theo thời hạn còn lại từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phải thanh toán. Trong thực tế, kỳ đáo hạn thực tế của tài sản và nợ phải trả có thể khác thời hạn theo hợp đồng theo phụ lục hợp đồng có thể có.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời gian đến hạn của các tài sản và công nợ của Ngân hàng:

- Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được xếp loại tiền gửi thanh toán, trong đó bao gồm tiền gửi dự trữ bắt buộc. Số dư của tiền gửi dự trữ bắt buộc phụ thuộc vào thành phần và kỳ hạn của các khoản tiền gửi khách hàng của MB;
- Thời gian đáo hạn của chứng khoán đầu tư, chứng khoán kinh doanh là chứng khoán nợ được tính dựa trên ngày đáo hạn của từng loại chứng khoán;
- Chứng khoán kinh doanh là chứng khoán vốn được xếp vào loại kỳ hạn đến một tháng;
- Thời gian đến hạn của các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD và các khoản cho vay khách hàng được xác định dựa vào ngày đến hạn của hợp đồng quy định. Thời gian đến hạn thực tế có thể thay đổi do các khế ước cho vay được gia hạn. Ngoài ra, các khoản cho vay khách hàng được thể hiện bằng giá trị gốc không bao gồm dự phòng rủi ro;
- Thời gian đến hạn của các khoản đầu tư sẵn sàng để bán là chứng khoán vốn và góp vốn mua cổ phần được coi là từ (01) năm đến (05) năm do các khoản đầu tư này không có thời gian đáo hạn xác định;
- Các khoản tiền gửi, tiền vay của các tổ chức tín dụng và các khoản tiền gửi của khách hàng được xác định dựa vào tính chất của các khoản này hoặc thời gian đáo hạn trên hợp đồng. Tài khoản Vostro và tiền gửi thanh toán được thực hiện giao dịch theo yêu cầu của khách hàng và do đó được xếp loại không kỳ hạn. Thời gian đáo hạn đối với các khoản vay và tiền gửi có kỳ hạn được xác định dựa trên ngày đến hạn theo hợp đồng. Trong thực tế, các khoản này có thể được quay vòng và do đó duy trì trong thời gian dài hơn thời gian đáo hạn ban đầu; và
- Thời gian đến hạn của tài sản cố định được xác định dựa vào thời gian sử dụng hữu ích còn lại của tài sản.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời gian đến hạn của các tài sản và công nợ của Ngân hàng:

	QUÁ HẠN		TRONG HẠN					TỔNG CỘNG TRIỆU ĐỒNG
	TRÊN 3 THÁNG TRIỆU ĐỒNG	ĐẾN 3 THÁNG TRIỆU ĐỒNG	ĐẾN 1 THÁNG TRIỆU ĐỒNG	TỪ 1 ĐẾN 3 THÁNG TRIỆU ĐỒNG	TỪ 3 ĐẾN 12 THÁNG TRIỆU ĐỒNG	TỪ 1 ĐẾN 5 NĂM TRIỆU ĐỒNG	TRÊN 5 NĂM TRIỆU ĐỒNG	
Tài sản								
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	-	1.736.571	-	-	-	-	1.736.571
Tiền gửi tại NHNN	-	-	10.548.084	-	-	-	-	10.548.084
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	196.000	-	35.415.337	3.450.472	5.175.079	1.020.740	-	45.257.628
Chứng khoán kinh doanh (*)	-	-	684.035	-	-	-	-	684.035
Cho vay khách hàng (*)	3.215.059	2.634.718	17.156.972	39.827.712	66.533.103	50.128.429	35.189.965	214.685.958
Chứng khoán đầu tư (*)	80.000	-	1.347.186	2.824.740	11.526.412	35.389.742	22.821.468	73.989.548
Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	-	-	-	-	-	128.440	803.213	931.653
Tài sản cố định và Bất động sản đầu tư	-	-	10	-	605	310.668	2.418.844	2.730.127
Tài sản Có khác (*)	19.159	268.807	4.822.393	70.936	6.673.760	3.345.193	837.689	16.037.937
Tổng tài sản	3.510.218	2.903.525	71.710.588	46.173.860	89.908.959	90.323.212	62.071.179	366.601.541
Nợ phải trả								
Các khoản nợ NHNN	-	-	632.894	2.000.000	-	-	-	2.632.894
Tiền gửi của và vay từ các TCTD khác	-	-	34.595.788	14.850.499	10.083.678	913.834	27.082	60.470.881
Tiền gửi của khách hàng	-	-	141.839.995	15.624.218	44.758.920	37.719.030	22.155	239.964.318
Các công cụ tài chính phái sinh và tài sản tài chính khác	-	-	34.309	62.845	(90.093)	(1.427)	-	5.634
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	-	-	-	474	21.704	218.309	79.476	319.963
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	78.000	106.000	888.764	7.759.882	2.324.992	11.157.638
Các khoản nợ khác (*)	-	-	8.673.009	859.409	912.059	3.112.615	43.784	13.600.876
Tổng nợ phải trả	-	-	185.853.995	33.503.445	56.575.032	49.722.243	2.497.489	328.152.204
Mức chênh thanh khoản ròng	3.510.218	2.903.525	(114.143.407)	12.670.415	33.333.927	40.600.969	59.573.690	38.449.337

(*): Không bao gồm dự phòng rủi ro

46

TÀI SẢN, GIẤY TỜ CÓ GIÁ THỂ CHẤP, CẦM CỔ VÀ CHIẾT KHẤU, TÁI CHIẾT KHẤU

Tài sản, giấy tờ có giá nhận thể chấp, cầm cổ và chiết khấu, tái chiết khấu

	31/12/2018 TRIỆU ĐỒNG	31/12/2017 TRIỆU ĐỒNG
Bất động sản	204.829.945	157.477.863
Động sản	68.057.350	211.708.082
Giấy tờ có giá	26.965.845	46.027.838
Các khoản phải thu	214.424.506	35.104.997
Các tài sản đảm bảo khác	125.937.214	46.335.767
	640.214.860	496.654.547

Tài sản, giấy tờ có giá đưa đi thể chấp, cầm cổ và chiết khấu, tái chiết khấu

	31/12/2018 TRIỆU ĐỒNG	31/12/2017 TRIỆU ĐỒNG
Giấy tờ có giá	10.971.000	6.170.000

47

CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	31/12/2018 TRIỆU ĐỒNG	31/12/2017 TRIỆU ĐỒNG
Các cam kết thuê hoạt động không hủy ngang		
Trong đó:		
- đến hạn trong 1 năm	99.606	256.663
- đến hạn từ 2 đến 5 năm	846.503	472.477
- đến hạn sau 5 năm	63.231	106.744
	1.009.340	835.884

48

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của MB.

49

THUYẾT MINH VỀ BIẾN ĐỘNG LỢI NHUẬN

Lợi nhuận trước thuế của MB cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 so với cùng kỳ năm 2017 tăng 3.151.647 triệu đồng, tương đương mức tăng 68,28% do các nguyên nhân sau:

Khoản mục biến động lớn	GIÁ TRỊ TRIỆU VND
Tăng thu nhập lãi thuần	3.364.545
Tăng lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	1.430.634
Tăng lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	242.796
Tăng lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	87.839
Tăng lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư và đầu tư dài hạn	68.205
Tăng lãi thuần từ hoạt động khác	408.005
Tăng thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	67.463
Tăng chi phí hoạt động	(2.734.563)
Giảm chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	216.723
	3.151.647

TỶ GIÁ MỘT SỐ LOẠI NGOẠI TỆ SO VỚI VND VÀO THỜI ĐIỂM CUỐI KỲ KẾ TOÁN

Lợi nhuận trước thuế của MB cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 so với cùng kỳ năm 2017 tăng 3.151.647 triệu đồng, tương đương mức tăng 68,28% do các nguyên nhân sau:

	31/12/2018 VND	31/12/2017 VND
USD	23.210,00	22.425,00
EUR	26.699,50	27.124,00
GBP	29.528,00	30.537,00
CHF	23.654,50	23.055,00
JPY	210,56	201,27
SGD	17.013,00	16.969,00
CAD	17.137,50	17.969,00
AUD	16.441,00	17.721,00

Người lập:



BÀ LÊ THỊ HUYỀN TRANG
Phó phòng Kế toán
Tổng hợp và Báo cáo

Người kiểm soát:



BÀ ĐẶNG THỦY DUNG
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



BÀ LÊ THỊ LỢI
Phó Tổng Giám đốc -
Giám đốc Tài chính



ÔNG LƯU TRUNG THÁI
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 20 tháng 2 năm 2019

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN



ÔNG LƯU TRUNG THÁI
Tổng Giám đốc